

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

-----

QUY HOẠCH TỈNH ĐIỆN BIÊN  
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG CHÀ  
THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN 2050**



Điện Biên,.../2022

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**  
**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

-----

**QUY HOẠCH TỈNH ĐIỆN BIÊN**  
**THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

**NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP**  
**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN**  
**VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU**  
**HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG CHÀ**  
**THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN 2050**

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN**  
**TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH**

**ĐẠI DIỆN LIÊN DANH ĐƠN VỊ TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ XÂY**  
**DỰNG ACUD VIỆT NAM**

## MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU .....	5
DANH MỤC HÌNH.....	6
DANH MỤC VIẾT TẮT .....	8
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
PHẦN THỨ NHẤT: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG CHÀ GIAI ĐOẠN 2011-2020 .....	7
<b>1. TỔNG QUAN HUYỆN MƯỜNG CHÀ.....</b>	<b>7</b>
1.1. Vị trí địa lý và môi liên hệ vùng.....	7
1.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên.....	8
1.3. Thực trạng điều kiện xã hội.....	11
1.4. Thực trạng tài nguyên thiên nhiên.....	13
<b>2. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN.....</b>	<b>16</b>
2.1. Thực trạng về kinh tế.....	16
2.2. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất.....	21
2.3. Hiện trạng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn.....	29
<b>3. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT 31</b>	
3.1. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội.....	31
3.2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.....	37
<b>4. Đánh giá chung.....</b>	<b>47</b>
4.1. Điểm mạnh.....	47
4.2. Điểm yếu.....	48
4.3. Cơ hội.....	48
4.4. Nguy cơ.....	48
PHẦN THỨ 2: ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG CHÀ THỜI KỲ 2021 -2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050. ....	50
<b>1. BỐI CẢNH VÀ VỊ THẾ VAI TRÒ CỦA HUYỆN.....</b>	<b>50</b>
1.1. Bối cảnh phát triển.....	50
<b>2. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 .....</b>	<b>51</b>
2.1. Quan điểm phát triển.....	51
2.2. Mục tiêu phát triển.....	52
<b>3. ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI.....</b>	<b>53</b>
3.1. Cấu trúc không gian phát triển tỉnh Điện Biên.....	53
3.2. Cấu trúc không gian phát triển huyện Mường Chà.....	55
3.3. Định hướng không gian phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn .....	57

3.4. Định hướng phát triển công nghiệp .....	63
3.5. Định hướng phát triển nông nghiệp.....	67
3.6. Định hướng phát triển thương mại dịch vụ .....	74
3.7. Định hướng không gian phát triển du lịch.....	76
3.8. Định hướng phân bổ sử dụng đất .....	86
<b>4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI.....</b>	<b>87</b>
4.1. Định hướng phát triển Văn hóa – thể thao .....	87
4.2. Định hướng phát triển giáo dục, đào tạo .....	91
4.3. Định hướng phát triển y tế.....	93
4.4. Định hướng phát triển khoa học công nghệ .....	95
<b>5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT .....</b>	<b>95</b>
5.1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật .....	95
5.2. Định hướng phát triển giao thông.....	98
5.3. Định hướng cấp nước.....	101
5.4. Định hướng cấp điện.....	105
5.5. Định hướng thông tin truyền thông .....	109
5.6. Định hướng Thoát nước thải, Chất thải rắn, nghĩa trang .....	110
<b>PHẦN THỨ 3: ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN .....</b>	<b>116</b>
<b>1. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN .....</b>	<b>116</b>
1.1. Giải pháp đột phá .....	116
1.2. Giải pháp về phát triển kinh tế.....	116
1.3. Giải pháp phát triển văn hoá – xã hội.....	117
1.4. Giải pháp về phát triển và cung ứng nguồn nhân lực .....	117
1.5. Giải pháp nâng cao trình độ và ứng dụng khoa học công nghệ.....	118
1.6. Giải pháp mở rộng thị trường .....	119
1.7. Giải pháp về quốc phòng – an ninh .....	120
1.8. Giải pháp thực hiện Quy hoạch .....	120
<b>2. CÁC GIẢI PHÁP NGUỒN VỐN VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN .....</b>	<b>121</b>
<b>3. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM .....</b>	<b>122</b>
3.1. Nguyên tắc xác định dự án ưu tiên đầu tư.....	122
3.2. Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của huyện, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện dự án.....	123



## DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 1. Bảng thống kê dân số huyện Mường Chà giai đoạn 2016-2020.....</i>	<i>11</i>
<i>Bảng 2. Kết quả sản xuất công nghiệp huyện Mường Chà giai đoạn 2016-2020 .....</i>	<i>18</i>
<i>Bảng 3. Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 .....</i>	<i>21</i>
<i>Bảng 4. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2012-2020 .....</i>	<i>25</i>
<i>Bảng 5: Bảng tổng hợp về các chỉ tiêu giáo dục giai đoạn 2016-2020 .....</i>	<i>34</i>
<i>Bảng 6: Bảng tổng hợp chỉ tiêu y tế giai đoạn 2016-2020.....</i>	<i>36</i>
<i>Bảng 7: Bảng tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất huyện Mường Chà đến năm 2030 .....</i>	<i>86</i>
<i>Bảng 9: Bảng tính toán nhu cầu cấp nước huyện Mường Chà .....</i>	<i>102</i>
<i>Bảng 10: Phân cấp nghĩa trang theo qui mô đất đai và loại đô thị .....</i>	<i>113</i>
<i>Bảng 11: Bảng các chỉ tiêu an táng theo cấp nghĩa trang .....</i>	<i>113</i>

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Vị trí địa lý huyện Mường Chà trong mối liên hệ tỉnh Điện Biên.....	7
Hình 2: Biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số Nam và Nữ huyện Mường Chà giai đoạn 2016-2020.....	12
Hình 3: Biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số thành thị và nông thôn huyện Mường Chà giai đoạn 2016-2020 .....	12
Hình 3: Biểu đồ tốc độ tăng trưởng kinh tế huyện Mường Chà giai đoạn 2015-2020.	17
Hình 5: Bản đồ hiện trạng giao thông huyện Mường Chà .....	38
Hình 6: Bản đồ hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật huyện Mường Chà.....	41
Hình 7: Bản đồ hiện trạng cấp điện.....	43
Hình 8: Bản đồ hiện trạng cấp nước huyện Mường Chà.....	45
Hình 8: Bản đồ hiện trạng khu xử lý chất thải rắn huyện Mường Chà.....	47
Hình 6: Sơ đồ cấu trúc không gian phát triển tỉnh Điện Biên.....	55
Hình 7: Định hướng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Điện Biên.....	58
Hình 8: Định hướng hệ thống đô thị huyện Mường Chà .....	60
Hình 9: Định hướng quy hoạch khu, cụm công nghiệp huyện Mường Chà.....	66
Hình 10: Hình ảnh minh họa các khu, cụm công nghiệp.....	67
Hình 12: Bản đồ phân vùng trồng lúa huyện Mường Chà đến năm 2030 .....	70
Hình 14: Bản đồ phân vùng phát triển rừng phòng hộ huyện Mường Chà đến năm 2030.....	72
Hình 13: Bản đồ phân vùng phát triển rừng sản xuất huyện Mường Chà đến năm 2030 .....	74
Hình 15: Không gian Du lịch trọng điểm Tỉnh Điện Biên.....	76
Hình 16: Không gian Du lịch trọng điểm Tỉnh Điện Biên.....	77

<i>Hình 17: Không gian du lịch huyện Mường Chà trong cùng trung tâm du lịch của Tỉnh.....</i>	<i>78</i>
<i>Hình 18: Định hướng phát triển các khu du lịch huyện Mường Chà.....</i>	<i>84</i>
<i>Hình 21: Bản đồ định hướng san nền, thoát nước mưa huyện Mường Chà .....</i>	<i>98</i>
<i>Hình 21: Bản đồ định hướng giao thông đường bộ huyện Mường Chà.....</i>	<i>100</i>
<i>Hình 22: Bản đồ định hướng giao thông đường thủy huyện Mường Chà.....</i>	<i>101</i>
<i>Hình 7: Bản đồ định hướng cấp nước huyện Mường Chà.....</i>	<i>105</i>
<i>Hình 19: Định hướng phát triển cấp điện huyện Mường Chà.....</i>	<i>108</i>
<i>Hình 28: Định hướng hệ thống thoát nước thải huyện Mường Chà .....</i>	<i>114</i>
<i>Hình 29: Định hướng hệ thống xử lý chất thải rắn huyện Mường Chà .....</i>	<i>115</i>
<i>Hình 30: Định hướng hệ thống nghĩa trang huyện Mường Chà .....</i>	<i>115</i>

## DANH MỤC VIẾT TẮT

UBTVQH14	Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14
CP	Chính phủ
QH	Quốc hội
TTg	Thủ tướng chính phủ
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BKHĐT	Bộ kế hoạch Đầu tư
UBND	Ủy ban nhân dân
HĐND	Hội đồng nhân dân
NĐ	Nghị định
ĐT	Đường tỉnh
NĐ-CP	Nghị định - Chính phủ
CCN	Cụm công nghiệp
CTR	Chất thải rắn
NQ	Nghị quyết
DTTN	Diện tích tự nhiên
HTX	Hợp tác xã
KCN	Khu công nghiệp
KH	Kế hoạch
KHCN	Khoa học công nghệ
KT-XH	Kinh tế - xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CNH – HĐH	Công nghiệp hóa – hiện đại hóa
NSNN	Ngân sách nhà nước
NTS	Nuôi trồng thủy sản
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
QH	Quy hoạch
QL	Quốc lộ
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TDTT	Thể dục thể thao
THCS	Trung học cơ sở

THPT	Trung học phổ thông
TMDV	Thương mại dịch vụ
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Huyện
TT	Thị trấn
TTg	Thủ Tướng
TW	Trung ương
UBND	Ủy ban nhân dân

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Mục đích và yêu cầu phối hợp triển khai thực hiện nội dung đề xuất tích hợp quy hoạch tỉnh

Tỉnh Điện Biên là cửa ngõ phía Tây Bắc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và Việt Nam. Điện Biên nằm trên các trục giao thông quan trọng về đường bộ theo hướng Đông - Tây (Quốc lộ 6, Quốc lộ 279); vòng cung Tây Bắc (Quốc lộ 6, Quốc lộ 12, Quốc lộ 4D, Quốc lộ 4H,...); đường hàng không nối với thủ đô Hà Nội. Từ Điện Biên có thể đi lại thuận tiện đến với các tỉnh đồng bằng sông Hồng, vùng núi phía Bắc Việt Nam, các tỉnh Thượng Lào và cầu nối đến các nước ASEAN. Tỉnh Điện Biên có phía Tây giáp CHDCND Lào và phía Bắc giáp CHND Trung Hoa, với nhiều cửa khẩu đường bộ như Tây Trang, Huổi Puốc - Na Son, A Pa Chải... Điện Biên nằm không gian hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS), vì vậy giữ vị trí quan trọng đặc biệt đối với vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và của cả nước về nhiều lĩnh vực kinh tế, văn hóa, chính trị, quốc phòng và an ninh.

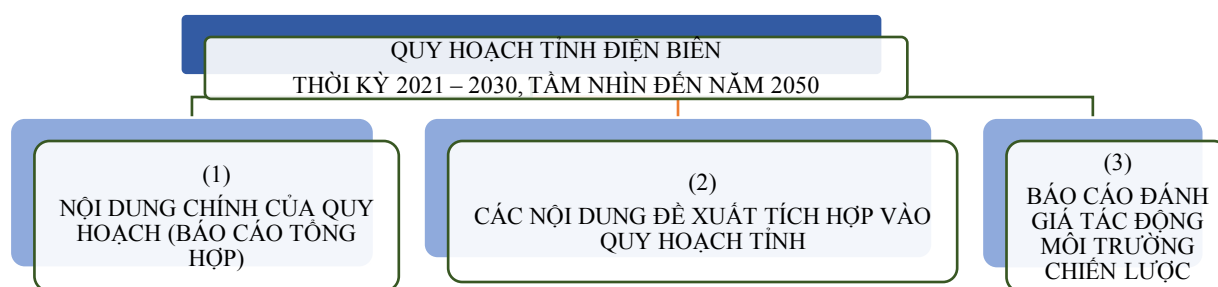
#### Mục đích triển khai thực hiện

Nội dung đề xuất là một trong những nhiệm vụ được thực hiện trong quá trình lập quy hoạch tỉnh. Nội dung đề xuất được xác định trong Nhiệm vụ lập quy hoạch sẽ được phân công đến các cơ quan, tổ chức liên quan để lập và tích hợp vào quy hoạch tỉnh. Quá trình triển khai cần thực hiện, rà soát, đồng nhất số liệu, đánh giá thực trạng phát triển các vấn đề liên quan trong Nội dung đề xuất nghiên cứu tích hợp của liên quan đến góc độ quản lý của các Sở, ngành và địa phương trong thời gian qua để xây dựng phương án phát triển cho thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050.

Việc sử dụng kết quả nghiên cứu đầu ra của các Nội dung đề xuất để tích hợp vào quy hoạch tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, không mâu thuẫn lẫn nhau trong hoạt động quy hoạch.

Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành quá trình phát triển chung của tỉnh.

+ Yêu cầu chung về triển khai và phối hợp thực hiện:



#### Nội dung đề xuất tích hợp trong thành phần hồ sơ Quy hoạch tỉnh

Yêu cầu về triển khai và phối hợp thực hiện: căn cứ các quy định của pháp luật về quy trình lập Quy hoạch tỉnh tại Điểm c, Khoản 4, Điều 16 Luật Quy hoạch và Khoản 1, 2, Điều 13, Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019, các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh có trách nhiệm “Đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập quy hoạch”.

### 2. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu

+ *Phạm vi nghiên cứu:*

*\* Về không gian:*

Phạm vi lãnh thổ huyện Mường Chà, có diện tích tự nhiên 118.989,50 ha và có toạ độ địa lý từ 21035' - 2204'10" vĩ độ Bắc và 102058'16" - 103017'53" kinh độ Đông.

*\* Về thời gian*

Thời kỳ lập quy hoạch: 2021 - 2030;

Tầm nhìn dài hạn: đến năm 2050.

**+ Đối tượng nghiên cứu:**

- Tư liệu đánh giá thực trạng từ năm 2011 – 2020, trong đó chia thành giai đoạn đánh giá (Giai đoạn 2011 – 2015 và giai đoạn 2016 – 2020);

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Mường Chà thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

**3. Phương pháp nghiên cứu**

Sử dụng tổng hợp các phương pháp:

- Phương pháp kế thừa và tích hợp;
- Phương pháp điều tra tổng hợp;
- Phương pháp khảo sát kỹ thuật;
- Phương pháp phân tích kinh tế;
- Phương pháp chuyên gia;
- Phương pháp phân tích GIS;
- Và một số các phương pháp khác có liên quan.

**4. Căn cứ pháp lý**

***Các văn bản pháp luật***

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14;
- Luật số 28/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật số 35/2018/QH14 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13; Luật Đầu tư công số 39/2018/QH13; Luật Xây dựng, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Khoáng sản; Luật Giáo dục; Luật Giáo dục đại học; Lâm nghiệp, Thủy lợi, Phòng chống thiên tai, Thủy sản
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Luật đường bộ số 32/2008/QH12 ngày 13/11/2008;
- Luật đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/06/2017;
- Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

- Luật Lâm nghiệp 2017;
- Luật Bảo vệ môi trường 2020;
- Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

### ***Văn kiện Đảng***

- Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII (2016), bao gồm cả Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020; dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã;

- Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

- Các Nghị quyết khác có liên quan;

- Quyết định số 301/QĐ-TTg ngày 05/03/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch Tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1454/QĐ-TTg ngày 01/09/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch kết cấu đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Các quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ có liên quan



### ***Văn kiện của Tỉnh***

- Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Nghị quyết số 13-NQ/TU là văn bản Nghị quyết về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 17-NQ/TU là văn bản về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững và an sinh xã hội tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 của Tỉnh ủy Điện Biên.

- Nghị quyết số 16-NQ/TU là văn bản về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Điện Biên.

- Quyết định số 555/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1454/QĐ- TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 3131/QĐ-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 - Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV;

- Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 16 tháng 03 năm 2021 của HĐND tỉnh Điện Biên về việc Thông qua Báo cáo rà soát, tổng hợp nhu cầu và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công năm 2021 Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Điện Biên về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, gắn với phát triển đô thị theo hướng hiện đại tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035 (Hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp và hạ áp sau các trạm 110 kV);

- Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Điện Biên;

- Quyết định 1336/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2021 tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên;

- Văn bản số 2153/UBND-KTN ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc cung cấp một số thông tin xây dựng Đề án phát triển bền vững cây Mắc ca đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 24/03/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Mường Chà;

- Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2020 của UBND huyện Mường Chà về việc lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Mường Chà;

#### ***Tài liệu khác***

- Niên giám thống kê của Cục Thống kê Điện Biên;

- Số liệu thống kê của Ban chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương;

- Tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên;

- Tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về hiện trạng kinh tế - xã hội, xây dựng đô thị, nông thôn, sử dụng đất đai và các ngành khác có liên quan thời kỳ 2010 – 2020;

- Báo cáo kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên

- Bản đồ hành chính, bản đồ địa hình in, bản đồ sử dụng đất đai và các bản đồ chuyên đề khác, tỷ lệ 1/50.000 và 1/100.000.

- Hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Chà;

- Hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Mường Chà;

- Hồ sơ Quy hoạch phát triển các ngành: Công nghiệp, thương mại dịch vụ, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, ...;

- Số liệu thống kê đất đai các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2020;

- Số liệu kiểm kê đất đai năm 2014, 2019;

- Hồ sơ Báo cáo kế hoạch sử dụng đất năm 2020, 2021 huyện Mường Chà;

- Báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021 huyện Mường Chà;

- Báo cáo Tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2021-2025 UBND huyện Mường Chà;
- Các tài liệu, số liệu và bản đồ khác có liên quan đến việc sử dụng đất trên địa bàn huyện.

# PHẦN THỨ NHẤT: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG CHÀ GIAI ĐOẠN 2011-2020

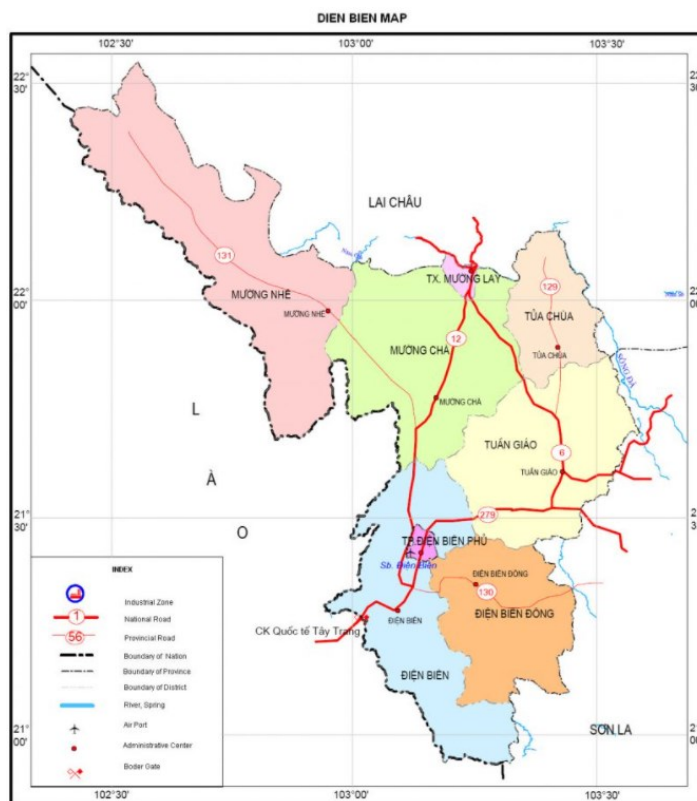
## 1. TỔNG QUAN HUYỆN MƯỜNG CHÀ

### 1.1. Vị trí địa lý và mối liên hệ vùng

Mường Chà là một huyện vùng cao biên giới nằm phía Tây Bắc của tỉnh Điện Biên, chạy dọc theo quốc lộ 12 đoạn từ thành phố Điện Biên Phủ đi thị xã Mường Lay và tỉnh Lai Châu, trung tâm huyện cách thành phố Điện Biên Phủ khoảng 60 km về phía Tây Bắc, cách thị xã Mường Lay 50 km về hướng Bắc. Diện tích tự nhiên hiện nay của huyện là 118.989,50 ha và có toạ độ địa lý từ 21035' - 2204'10" vĩ độ Bắc và 102058'16" - 103017'53" kinh độ Đông, có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Nậm Nhùn - tỉnh Lai Châu và thị xã Mường Lay - tỉnh Điện Biên;
- Phía Nam giáp huyện Điện Biên;
- Phía Đông giáp huyện Tủa Chùa, Tuần Giáo và huyện Mường Ảng;
- Phía Tây giáp huyện Nậm Pồ, nước CHDCND Lào.

Mường Chà là huyện miền núi biên giới có các tuyến quốc lộ chạy qua: Quốc lộ 4H tuyến đường đi huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên; Quốc lộ 12 và Quốc lộ 6 chạy qua nối với các tỉnh Sơn La và tỉnh Lai Châu. Vì vậy Mường Chà là huyện có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng cả về kinh tế, chính trị và Quốc phòng - An ninh, là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội và mở rộng giao thông với các huyện, tỉnh lân cận.



Hình 1: Vị trí địa lý huyện Mường Chà trong mối liên hệ tỉnh Điện Biên

## **1.2. Đặc điểm điều kiện tự nhiên**

### **1.2.1. Địa hình, địa mạo**

Do ảnh hưởng của hoạt động kiến tạo nên địa hình của huyện Mường Chà rất phức tạp, được cấu tạo bởi những dãy núi với độ cao trung bình so với mặt nước biển là 800 - 1.000 m. Địa hình nghiêng dần theo hướng Tây Bắc, Đông Nam có nhiều vùng lòng chảo. Núi ở đây bị bào mòn mạnh tạo thành các thung lũng hẹp, xen kẽ là các dãy núi cao, sông suối nhỏ hẹp và phân bố khắp nơi trên địa bàn. Địa hình huyện Mường Chà có 2 dạng chính là dạng đồi núi cao trên 700 m và dạng thung lũng, các bãi bồi ven sông suối. Do mức độ chênh lệch về địa hình, lãnh thổ huyện Mường Chà được chia làm 2 vùng chính:

- Vùng 1: Gồm xã Mường Tùng và thị trấn Mường Chà gọi là vùng thấp, độ cao trung bình từ 300 m - 1.200 m.

- Vùng 2: Gồm các xã còn lại (Sa Lông, Huổi Lèng, Hừa Ngải, Huổi Mí, Sá Tổng, Pa Ham, Nậm Nèn, Na Sang, Ma Thì Hồ và Mường Mươn) gọi là vùng cao của huyện, độ cao trung bình từ 400 m - 1.500 m, địa hình đồi núi cao, chia cắt mạnh có nhiều thung lũng nhỏ xen kẽ ở các dãy núi đá vôi.

### **1.2.2. Khí hậu, thủy văn**

#### **a. Khí hậu**

Huyện Mường Chà thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa; mùa đông tương đối lạnh và ít mưa, mùa hạ nóng mưa nhiều với các đặc tính diễn biến thất thường; khí hậu phân hóa đa dạng, ít chịu ảnh hưởng của bão, chịu ảnh hưởng của gió tây khô và nóng.

#### **\* Độ ẩm không khí**

Độ ẩm không khí trung bình thu được tại trạm Mường Lay bình quân năm 2020 là 80%, tháng 7 có độ ẩm không khí cao nhất là 87%, tháng 5 có độ ẩm không khí thấp nhất là 71%.

#### **\* Chế độ gió**

Trên địa bàn huyện xuất hiện nhiều hướng gió trong năm. Hướng gió chủ đạo là hướng gió Tây và Tây Bắc, thường xuất hiện trong các tháng 10, 11, 12, 1, 2, 4, 5, 7. Tốc độ gió trung bình từ 0,4 - 0,7 m/s. Gió Tây gây khô nóng, ảnh hưởng lớn đến đời sống của con người, cây trồng, gia súc.

#### **\* Chế độ nhiệt**

Nhiệt độ trung bình năm là 23,60C. Các tháng có nhiệt độ trung bình cao nhất từ tháng 4 đến tháng 9 (khoảng 250C) và chỉ xảy ra ở các khu vực có độ cao thấp hơn 500m; tháng 5 có nhiệt độ trung bình cao nhất trong năm (27,80C), tháng 12 có nhiệt độ trung bình thấp nhất (14,90C).

#### **\* Chế độ nắng**

Tổng số giờ nắng trên địa bàn huyện năm 200 là 2.376 giờ, tháng có số giờ nắng nhiều nhất là tháng 4 với 267 giờ nắng; thấp nhất là tháng 7 với 105 giờ nắng.

#### **\* Chế độ mưa, độ ẩm không khí, lượng bốc hơi**

Là huyện chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng Tây Bắc nên lượng mưa bình quân cả năm là 1.614 mm, lượng mưa phân bố không đều, vùng núi cao lượng mưa có thể lên tới 3.000 mm/năm. Lượng mưa phân theo 2 mùa rõ rệt:

Mùa mưa nhiều: Bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 9, chiếm 75 - 85% lượng mưa cả năm; trong đó mưa nhiều nhất vào các tháng 6, 7, 8.

Mùa mưa ít (mùa khô hạn): Bắt đầu từ tháng 11 năm trước tới tháng 4 năm sau, lượng mưa chỉ còn 15 - 25% tổng lượng mưa cả năm.

- *Đánh giá chung:*

+ Thuận lợi: diễn biến khí hậu trong vùng, đặc biệt về chế độ nhiệt, chế độ mưa cho thấy huyện có tiềm năng phát triển cơ cấu cây trồng đa dạng. Đối với vùng thấp thuận lợi cho việc phát triển cây cà phê, vùng cao thích hợp phát triển lúa bậc thang và lâm nghiệp.

+ Khó khăn: lượng mưa nhiều nhưng phân bố không đều, trong khi địa hình bị chia cắt mạnh, độ dốc lớn, hệ số che phủ thấp đã thường xuyên gây hậu quả nghiêm trọng như đất bị rửa trôi, xói mòn mạnh, hư hại các công trình giao thông, thủy lợi...

*b. Thủy văn*

Huyện Mường Chà nằm trong phạm vi đầu nguồn của lưu vực sông Đà, có hệ thống sông suối chính như sau:

- *Sông Đà:* Chảy qua địa bàn huyện Mường Chà với chiều dài khoảng 11 km, tiếp nhận nước từ suối Nậm Mực (suối lớn nhất của huyện Mường Chà) nên có vai trò quan trọng trong việc điều tiết nước, đặc biệt là vào mùa lũ.

- *Suối Nậm Mực:* Đây là suối lớn nhất của huyện Mường Chà có chiều dài khoảng 87 km, diện tích lưu vực 2.680 km<sup>2</sup>, lưu lượng mùa lũ lớn nhất 892 m<sup>3</sup>/s, mùa khô khoảng 5,21 m<sup>3</sup>/s. Các nhánh suối nhỏ của suối Nậm Mực bao gồm suối Nậm Chim, Nậm Mươn và một số nhánh suối nhỏ khác như Suối Tạ Thai, Hạt Dền, Ngựa, Ta Ven, Ho, ...

- *Suối Nậm He:* Suối chảy trên địa bàn xã Mường Tùng, có chiều dài khoảng 24 km. Suối gồm các hệ thống suối nhánh nhỏ: Nậm Piền, Huổi Pan, Huổi Hết, Huổi Pâu, Huổi Chá, Huổi Lý, Huổi Léch, Huổi Pâu 2.

- *Suối Nậm Lay:* Bắt nguồn từ khu vực xã Huổi Lèng, chảy qua các xã Huổi Lèng, Mường Tùng, Lay Nưa (huyện Mường Lay) và đổ vào sông Đà tại thị xã Mường Lay, có chiều dài trên địa bàn huyện khoảng 13 km. Suối Nậm Lay có các suối nhánh Huổi Luân, Huổi Én, Huổi Khóm, Huổi Tóng, Sa Lương, Huổi Lạng, Huổi Lèng.

- Nhìn chung hệ thống sông suối trên địa bàn huyện phân bố khá dày, các sông suối này có độ dốc lớn, vì vậy vào mùa mưa thường có lũ. Khi có mưa lớn nước dâng cao đột ngột, hết mưa nước lại cạn kiệt ngay. Mùa lũ thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 10, với dòng chảy mạnh các suối thường gây sạt lở, lũ lụt.

### *1.2.3. Hiện trạng môi trường*

Là huyện miền núi nên phát triển kinh tế của huyện chủ yếu là nông - lâm nghiệp do vậy môi trường chưa có những tác động cũng như dấu hiệu về ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, tuy nhiên trong những năm tới cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, môi trường tự nhiên cần được chú trọng tới:

#### *a. Môi trường nước*

- Nguồn nước mặt của huyện Mường Chà chủ yếu là dựa vào sông Đà, sông Nậm Mực và hệ thống suối chính, nước mặt của các hồ đập và nước bề xây giữ nước mặt phục vụ sinh hoạt của nhân dân. Nhìn chung nguồn nước mặt trên địa bàn huyện chưa có những đánh giá chi tiết nhưng qua việc khảo sát, kiểm tra nước mặt cho thấy tổng khoáng nhỏ, hầu hết các thành phần chủ yếu là Bicabannat, Clorua Natri, Natri Canxi, Natri Magiê hoặc nồng độ các vi tố đều ở dưới mức tiêu chuẩn cho phép.

- Nguồn nước ngầm của huyện mặc dù chưa có đánh giá chi tiết nhưng nguồn nước ngầm được hình thành do các vết nứt caster, lỗ hổng trầm tích đã tồn tại nhiều năm, nước ngầm hình thành do lắng tụ nguồn nước mặt ở những vùng có địa hình lòng chảo, nguồn nước ngầm này cơ bản chưa bị ô nhiễm và an toàn cho nhân dân sử dụng trong đời sống sinh hoạt. Song ở một số nơi nguồn nước ngầm có dấu hiệu ô nhiễm tại những điểm sản xuất kinh doanh không có hệ thống xử lý nước thải, trong các khu dân cư tập trung hệ thống tiêu thoát nước mặt chưa đầu tư đồng bộ.

#### *b. Môi trường đất*

Do là huyện miền núi có địa hình dốc nhiều, mật độ che phủ rừng và thảm thực vật còn hạn chế, tập quán canh tác trên đất dốc của nhân dân vẫn được duy trì nên đất đai bị rửa trôi, xói mòn sạt lở nhiều.

Bên cạnh đó việc người dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học còn tùy tiện, thiếu an toàn, chưa có khu vực tập trung thu hồi bao bì, vỏ chai đựng thuốc là nguyên nhân làm hoang hóa tài nguyên đất, ô nhiễm nguồn nước ngầm, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người.

#### *c. Môi trường không khí*

Môi trường không khí trên địa bàn huyện Mường Chà hiện nay còn tương đối tốt, đảm bảo cho cuộc sống hàng ngày của người dân trên địa bàn huyện. Tuy nhiên những năm gần đây hoạt động của các ngành kinh tế đang phần nào ảnh hưởng tới chất lượng môi trường không khí ở đây: quá trình đốt cháy nhiên liệu hoá thạch; hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải (do các xe vận tải tới thị xã Mường Lay và tỉnh Lai Châu, ... Mặc dù mức độ ô nhiễm chưa ở mức báo động nhưng vẫn cần có các phương án, giải pháp dự phòng, khắc phục trong những năm tới. Chỉ số chất gây ô nhiễm chính là  $10.1 \mu\text{g}/\text{m}^3$ , nồng độ PM2.5 trong không khí tại thị trấn Mường Chà hiện ở 1 lần mức trên khuyến cáo tiếp xúc của WHO.

- Công tác thu gom xử lý rác thải:

Tại địa bàn thị trấn Mường Chà, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và Xây dựng tỉnh Điện Biên là đơn vị thực hiện thu gom và xử lý rác thải. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom bằng các xe đẩy đến các điểm tập kết, sau đó được xe cuốn ép rác vận chuyển ra bãi chứa, đổ rác thải cách trung tâm thị trấn 5km. Song, thống kê cho thấy, lượng chất thải được thu gom mới đạt khoảng 85% chất thải phát sinh.

Còn tại khu vực nông thôn (các xã còn lại của huyện) đều chưa có tổ vệ sinh môi trường thu gom rác thải, toàn bộ lượng chất thải ở đây được người dân tự thu gom và xử lý bằng cách đốt hoặc chôn lấp. Các tổ chức hội, đoàn thể như: Phụ nữ, Nông dân, đoàn thanh niên vận động đoàn viên, hội viên tham gia thu gom, xử lý chất thải trên sông, suối, kênh mương thủy lợi, góp phần bảo vệ môi trường và cảnh quan khu vực

nông thôn. Tuy nhiên, một bộ phận nhỏ người dân vẫn vứt rác thải ra vườn, đồng ruộng, sông suối, trục đường giao thông, ... gây ảnh hưởng đến mỹ quan, môi trường và sức khỏe.

### 1.3. *Thực trạng điều kiện xã hội*

#### 1.3.1. *Dân số*

Tổng số dân của huyện Mường Chà là 49.616 người, trong đó dân số nam là 25.216 người, dân số nữ là 24.400 người. Dân cư phân bố không đồng đều trên địa bàn huyện, tập trung đông ở thị trấn và các xã gần trục đường giao thông chính.

- Dân số trung bình 49.616 người, tỷ suất tăng dân số tự nhiên là 24,39‰ (chưa đạt so với kế hoạch), tỷ lệ phát triển dân số bình quân 2,8% (chưa đạt kế hoạch).

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2015 là 1,58%, năm 2020 đạt 2,44% chưa đạt so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020 (1,62%).

- Tổng số hộ của toàn huyện năm 2020 đạt 9.500 hộ, tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo giảm so với năm 2015, số hộ thoát nghèo tăng so với năm 2015.

- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2015 là 3,88%, năm 2020 đạt 4,17% đã đạt được so với mục tiêu giai đoạn 2016-2020 đề ra.

- Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2020 đạt 27.737 người trong đó:

+ Lao động trong lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2020 đạt 66,5% giảm 3,6% so với năm 2015;

+ Lao động trong lĩnh vực Công nghiệp và xây dựng năm 2020 đạt 14,8% tăng 2,4% so với năm 2015;

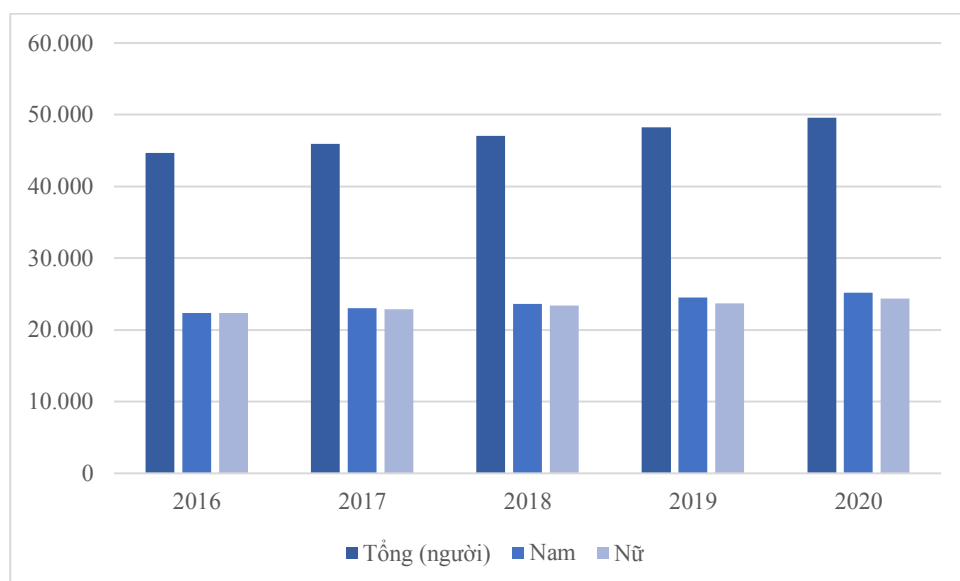
+ Lao động trong lĩnh vực Dịch vụ năm 2020 đạt 18,7% tăng 1,2% so với năm 2015.

*Bảng 1. Bảng thống kê dân số huyện Mường Chà giai đoạn 2016-2020*

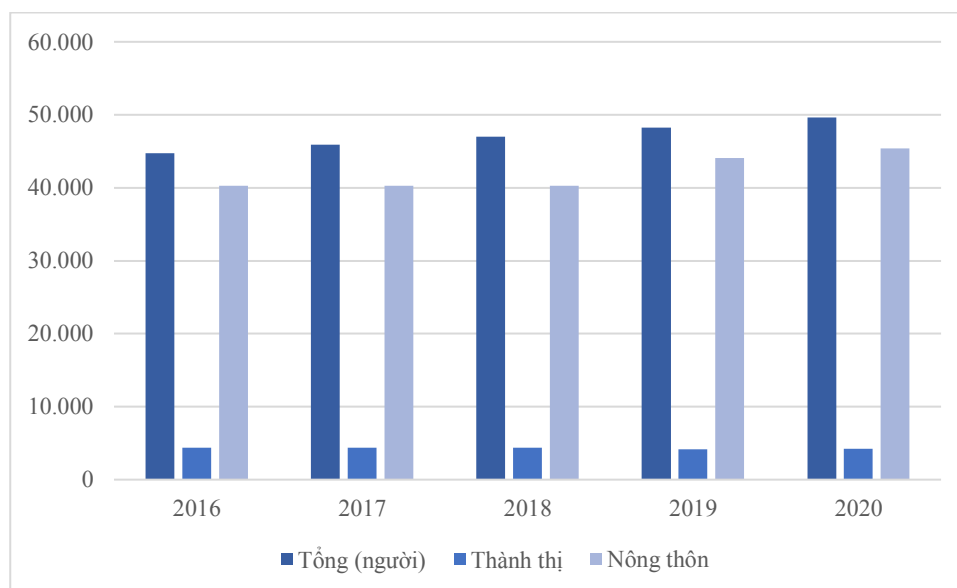
<b>Năm</b>		<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>
<b>Tổng (người)</b>		44.702	45.916	47.036	48.230	49.616
<b>Nam</b>	<b>Dân số (người)</b>	22.376	23.045	23.607	24.538	25.216
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	50,06	50,19	50,19	50,88	50,82
<b>Nữ</b>	<b>Dân số (người)</b>	22.326	22.871	23.429	23.692	24.400
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	49,94	49,81	49,81	49,12	49,18
<b>Thành thị</b>	<b>Dân số (người)</b>	4.402	4.402	4.402	4.171	4.232
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	9,85	9,59	9,36	8,65	8,53
<b>Nông thôn</b>	<b>Dân số (người)</b>	40.300	40.300	40.300	44.059	45.385



	Tỷ lệ (%)	90,15	87,77	85,68	91,35	91,47
--	-----------	-------	-------	-------	-------	-------



Hình 2: Biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số Nam và Nữ huyện Mường Chà giai đoạn 2016-2020



Hình 3: Biểu đồ thể hiện cơ cấu dân số thành thị và nông thôn huyện Mường Chà giai đoạn 2016-2020

### 1.3.2. Dân tộc và tôn giáo

Huyện hiện có 13 dân tộc sinh sống, đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm 94,38%), trong đó dân tộc Thái chiếm 15,32%, dân tộc Mông chiếm 69,26%, dân tộc Kinh chiếm 5,62%, dân tộc Khơ Mú chiếm 6,02%, dân tộc Kháng chiếm 2,4%, dân tộc Hoa (Xạ Phang) chiếm 1,23%; còn lại là các dân tộc khác như: Tày, Mường, Hà Nhì, Dao, ...

phong tục tập quán đa dạng, nề nếp tác phong lao động chưa chuyên nghiệp... cũng đặt ra nhiều khó khăn trong việc phát triển, nâng cao năng lực trong lao động.

### **1.3.3. Lao động việc làm**

Số người trong độ tuổi lao động năm 2020 là 28.737 người, chiếm 58% so với tổng dân số trung bình, trong đó: Lao động nông thôn 25.591 người, lao động thành thị: 3.146 người; Số lao động nữ: 14.201 người chiếm 49%. Ngành nông nghiệp là ngành nghề chính của người lao động; ngành thương mại, dịch vụ thu hút một lượng lớn lao động nữ.

Duy trì tạo việc làm ổn định, thường xuyên cho 27.195 lao động, trong đó giải quyết việc làm và tạo việc làm mới cho 540 lao động, đạt 108% kế hoạch; đào tạo nghề cho 1.524 lao động; xuất khẩu lao động 1 người (đi lao động tại Nhật Bản).

Thu nhập bình quân đầu người/năm có xu hướng tăng, năm 2020 đạt 27 triệu đồng và tăng 8,5 triệu đồng so với năm 2016.

## **1.4. Thực trạng tài nguyên thiên nhiên**

### **1.4.1. Tài nguyên đất**

#### **\* Diện tích**

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Mường Chà là 118.989,50 ha trong đó đất nông nghiệp có 91.105,64 ha chiếm 76,57% tổng diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp có 2.740,75 ha, chiếm 2,30% tổng diện tích tự nhiên, đất chưa sử dụng có 25.143,11 ha, chiếm 21,13% tổng diện tích tự nhiên.

#### **\* Đặc điểm thổ nhưỡng**

Tài nguyên đất đai trên địa bàn huyện gồm 4 nhóm đất chính với 17 loại đất, trong đó 8 loại đất chính có ý nghĩa quan trọng cho việc phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp:

- Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi: Diện tích: 26.451,37 ha, chiếm 22,23% diện tích tự nhiên. Nhóm đất này phân bố ở độ cao từ 900 - 2.000 m. Địa hình cao dốc, hiểm trở, chia cắt mạnh (>70% diện tích nhóm đất ở độ dốc >250) nên đất bị xói mòn mạnh vào mùa mưa. Nhóm đất này có 2 loại đất chính: đất mùn đỏ vàng trên đá sét có diện tích 11.708,57 ha, chiếm 9,84% diện tích tự nhiên, có hàm lượng chất hữu cơ tích lũy ở tầng mặt cao, thích hợp với các cây trồng lâu năm, cây đặc sản, cây dược liệu... và đất mùn vàng nhạt trên đá cát có diện tích 14.730,9 ha; chiếm 12,38% diện tích tự nhiên, đất chua, dễ bị xói mòn rửa trôi, phù hợp cho phát triển lâm nghiệp, cây lâu năm và một số cây đặc sản có giá trị kinh tế cao.

- Nhóm đất đỏ vàng: diện tích 34.459,36 ha; chiếm 28,96% diện tích tự nhiên. Phân bố rộng khắp trên các đồi - núi thấp, ở độ cao < 900 m. Đất hình thành trên sản phẩm phong hoá của nhiều loại đá mẹ khác nhau. Nhóm đất này có 4 loại đất chính, thích hợp trồng các loại cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày, hoa màu, ...

- Nhóm đất phù sa: Diện tích 214,18 ha; chiếm 0,18% diện tích tự nhiên. Đất được hình thành do quá trình bồi tụ của các suối lớn. Hàm lượng chất hữu cơ ở tầng mặt trung bình, các tầng dưới thấp, phù hợp cho sản xuất nông nghiệp nhằm phát triển các loại cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp ngắn ngày.

- Nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ (D): Diện tích 23,8 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên. Đây là nhóm đất tốt, tầng dày >100 cm, phân bố ở địa hình bằng thoải, độ dốc < 80, thích hợp trồng lúa nước ở những nơi thuận tiện nguồn nước tưới; hoặc hoa màu trên các chân đất cao, thoát nước.

Đánh giá khả năng thích nghi của đất cho các loại cây trồng:

- Quỹ đất thích hợp cho gieo trồng lúa nước (đất chuyên trồng lúa nước) chỉ chiếm khoảng 0,42% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm các loại đất phân bố ở độ dốc dưới 80; tầng dày lớn hơn 30 cm; chủ yếu là nhóm đất phù sa.

- Quỹ đất thích hợp cho cây ngắn ngày khác (lúa nương, hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, ...) chiếm khoảng 2,30% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm các loại đất có độ dốc 8 - 150, tầng dày trên 30 - 50 cm, chủ yếu là nhóm đất đỏ vàng (gồm các loại đất chính là đất đỏ vàng trên đá sét Fs và đất đỏ vàng trên đá cát Fq).

- Quỹ đất thích hợp cho phát triển cây dài ngày theo phương thức nông lâm kết hợp chiếm khoảng 4,6% tổng diện tích tự nhiên; gồm các loại đất phân bố ở độ dốc từ 150 đến 250, tầng dày trên 50 cm. Chủ yếu là nhóm đất đỏ vàng và nhóm đất mùn vàng nhạt trên đá cát (Hq).

- Quỹ đất dành cho phát triển lâm nghiệp chiếm khoảng 80% tổng diện tích tự nhiên, bao gồm các loại đất nằm ở độ dốc trên 250 và một phần đất ở độ dốc dưới 250 nhưng có tầng đất dày dưới 50 cm.

Như vậy, phần lớn quỹ đất của huyện Mường Chà thích hợp cho phát triển lâm nghiệp. Quỹ đất này cần được sử dụng một cách triệt để, phủ xanh đất trống đồi núi trọc sớm đưa ngành lâm nghiệp trở thành một ngành có đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của huyện, đồng thời đảm bảo chức năng phòng hộ đầu nguồn cho toàn khu vực. Quỹ đất phù hợp cho phát triển nông nghiệp hạn chế, vì vậy cần chú trọng việc áp dụng các kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất để nâng cao chất lượng và năng suất cây trồng. Phát huy tối đa khả năng quỹ đất thích hợp để phát triển các cây dài ngày theo phương thức nông lâm kết hợp, đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững. Việc mở rộng quỹ đất cho phát triển cây lương thực và hoa màu phải đi đôi với phát triển thủy lợi, giữ nước cho đất và các biện pháp bảo vệ và cải tạo đất, ... nhằm phát triển bền vững.

#### ***1.4.2. Tài nguyên nước***

Tài nguyên nước: Nguồn tài nguyên nước của huyện Mường Chà chủ yếu là nguồn nước mặt trong phạm vi đầu nguồn của lưu vực sông Đà, bao gồm một số hệ thống sông suối chính: Sông Nậm Mực, Suối Nậm Chim, Suối Nậm Lay. Huyện Mường Chà có tài nguyên nước phong phú, lưu vực lớn có khả năng khai thác thủy lợi, xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

- Tài nguyên nước mặt: phụ thuộc vào nguồn nước mưa và lượng nước ở các sông suối, ao hồ,.... Lượng nước khai thác sử dụng trong sản xuất và sinh hoạt chủ yếu được lấy từ nguồn nước mặt này.

- Tài nguyên nước ngầm: có trữ lượng thấp, chất lượng tốt, là nước khe mạch nứt trong các khe đá, nước có độ tổng khoáng hoá nhỏ và ít biến động theo mùa. Loại hình hoá học của nước phổ biến là bicacbonat - clorua hoặc clorua - bicacbonat, nồng độ các

vi nguyên tố đều rất nhỏ và nhỏ hơn giới hạn cho phép. Nguồn nước ngầm được nhân dân sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày.

#### *1.4.3. Tài nguyên rừng*

Hiện trạng năm 2020, diện tích đất có rừng toàn huyện Mường Chà là 48.400,04 ha, chiếm 40,68% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó, đất rừng sản xuất có diện tích là 19.958,92 ha, đất rừng phòng hộ diện tích là 28.441,12 ha. Tổng diện tích giao khoán bảo vệ rừng là 41.122,68 ha, khoán chăm sóc rừng trồng là 204,62 ha. Diện tích rừng khoanh nuôi tái sinh là 1.860,87 ha; trồng rừng mới tập trung là 94,52 ha. Tỷ lệ độ che phủ của rừng đạt 41,04%.

Rừng huyện Mường Chà có một số loại gỗ quý có giá trị kinh tế cao như lát, dổi, dẻ, đinh, ... tuy nhiên chỉ còn ở những nơi cao, xa và địa hình hiểm trở. Ngoài ra còn các loại hình cây bụi, cây gỗ rải rác, các trảng cỏ cao nhiệt đới núi thấp và á nhiệt đới núi trung bình. Ngoài ra ở đây còn có các cây đặc sản như cánh kiến, tre nửa Đông vật còn rất ít, chủ yếu là gấu, hươu, nai, khỉ, hoẵng, lợn rừng. Cùng với việc mất rừng do khai thác bừa bãi là sự suy giảm nhanh tới mức báo động dẫn đến mất cân bằng sinh thái, xói mòn, lũ quét, gây sạt lở, thiệt hại lớn vào mùa mưa và thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô. Tuy nhiên cho tới nay, huyện đã cố gắng làm tốt công tác khoanh nuôi, bảo vệ, giao đất giao rừng cho các nông hộ.

#### *1.4.4. Tài nguyên khoáng sản*

Huyện Mường Chà được đánh giá là một trong những huyện có thế mạnh, tiềm năng về khoáng sản với 28 điểm mỏ khoáng sản phân bố ở hầu hết các xã, thị trấn

Theo Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010 của UBND tỉnh Điện Biên Về việc phê duyệt quy hoạch thăm dò khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2015, có tính đến năm 2020. Trên địa bàn huyện Mường Chà có các loại khoáng sản sau:

- Điểm than gồm 3 điểm mỏ: Huổi Sáy, Nậm Piền, Nậm Chu;
- Vàng (Au) gồm 2 điểm mỏ: Púng Dắt, Nậm Múc;
- Đồng (Cu) gồm 3 điểm: Nậm He, Huổi Sáy và Nậm Nèn;
- Sắt (Fe) ở 3 điểm mỏ: Phong Châu, Pa Ham và Chiêu Ly;
- Chì kẽm (Pb-Zn) ở 1 điểm mỏ: Nà Pheo;
- Antimon (Sb) ở điểm mỏ: Tây Púng Dắt;
- Pirit (Py) ở điểm mỏ: Nà Pheo;
- Nước gồm 3 điểm: Nước nóng (NN) ở Đông Phi Lĩnh và Cò Đưa; nước khoáng (NK) ở Tây Nậm Chim;
- Đá vật liệu xây dựng gồm các điểm mỏ: Đá xây dựng (Dxd) Phi Hai, Xá Tổng, Phiêng Ban, Tin Tót 2, Na Cang, Nậm Nèn, Km 130 - QL2, Sa Lông, Hô Múc, Phi Lĩnh, Nà Pheo 1, Nà Pheo 2, Na Sang, Huổi Dích, ... Đến năm 2020 Trên địa bàn huyện có 2 điểm mỏ được cấp phép khai thác đá là điểm mỏ Huổi Dích (xã Na Sang) của Công ty Cổ phần công trình giao thông tỉnh Điện Biên và điểm mỏ khối 1 (thị trấn Mường Chà) của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Quản lý đường bộ 2; còn một số điểm khai thác đá tận thu để làm các công trình giao thông, đến nay đã ngừng hoạt động.

Trong những năm qua, hầu hết các đơn vị khai thác đá đã chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật, đồng thời doanh nghiệp có những đóng góp nhất định trong giải quyết việc làm cho lao động trên địa bàn.

#### **1.4.5. Tài nguyên du lịch nhân văn**

Theo kết quả thống kê đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số dân toàn huyện Mường Chà là 49.616 người với nhiều dân tộc sinh sống. Cộng đồng các dân tộc ở huyện Mường Chà có 13 dân tộc anh em cùng chung sống trong đó có 5 dân tộc chính là H'mông (59,73%), Thái (23,33%), Kinh (7,74%), Khơ mú (4,88%), Hoa (2,22%) còn lại là các dân tộc khác như Mường, Thổ, Dao, Mảng, ... chiếm khoảng 2%. Mỗi dân tộc có một tập quán truyền thống riêng nên đã hình thành một nền văn hóa đa dạng, phong phú và có những nét độc đáo, giàu tính nhân văn sâu sắc.

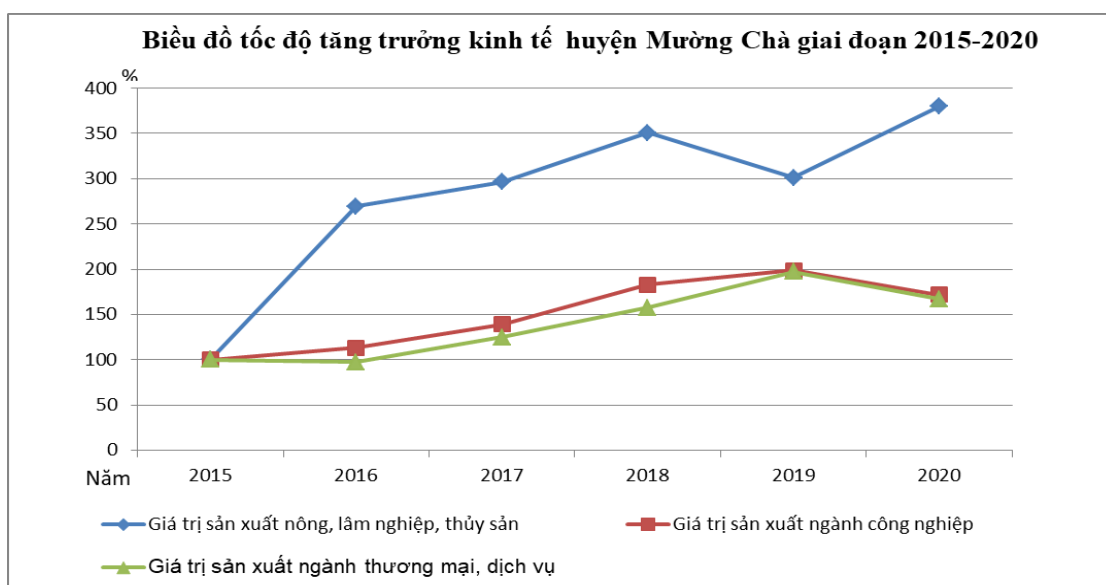
Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, các dân tộc trong huyện luôn kề vai sát cánh với quân dân cả nước chống giặc ngoại xâm, đồng thời năng động sáng tạo, có ý chí tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, kế thừa và phát huy những kinh nghiệm, thành quả đạt được trong lao động sản xuất, tiếp tục từng bước đưa huyện Mường Chà trở thành một huyện phát triển trong thời gian tới.

## **2. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN**

### **2.1. Thực trạng về kinh tế**

Kinh tế của huyện phát triển khá, giá trị sản xuất tăng bình quân 5 năm (2016-2020) đạt 8,3%/năm. Tổng giá trị sản xuất năm 2020 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 916,96 tỷ đồng. Trong đó:

- Giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản là 272,43 tỷ đồng, tăng 200,72 tỷ đồng so với năm 2015.
- Giá trị sản xuất ngành công nghiệp là 218,38 tỷ đồng, tăng 91,29 tỷ đồng so với năm 2015.
- Giá trị sản xuất ngành thương mại, dịch vụ là 426,15 tỷ đồng, tăng 171,13 tỷ đồng so với năm 2015.



#### *Hình 4: Biểu đồ tốc độ tăng trưởng kinh tế huyện Mường Chà giai đoạn 2015-2020*

Trong những năm gần đây, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo đúng hướng đã đề ra, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ và giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản. Tuy nhiên, nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế chủ lực của huyện, tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn còn chậm.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng hướng, tỷ trọng nông - lâm - thủy sản chiếm 31,16%, công nghiệp - xây dựng chiếm 35,78%, dịch vụ chiếm 33,06%. So với năm 2016, tỷ trọng nông - lâm - thủy sản giảm 0,44%, công nghiệp - xây dựng tăng 0,83%, dịch vụ giảm 0,39%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 27 triệu đồng, tăng 2,3 triệu đồng so với mục tiêu nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ huyện đề ra.

##### *2.1.1. Sản xuất nông, lâm, thủy sản*

###### *a. Trồng trọt*

Ngành trồng trọt hiện đang là ngành chính của nông nghiệp, tạo ra khối lượng sản phẩm lương thực, thực phẩm lớn.

- Cây lương thực có hạt:

+ Cây lúa: Lúa vụ Chiêm xuân 300 ha, năng suất 49,48 tạ/ha, sản lượng 1.484,4 tấn; Lúa vụ mùa: 1.673 ha, năng suất 48,5 tạ/ha; sản lượng 8.114,05 tấn; Lúa nương: 5.125 ha, năng suất 12 tạ/ha; sản lượng 6.150 tấn.

+ Cây ngô: 2.995 ha, năng suất 20,41 tạ/ha, sản lượng 6.112,8 tấn.

- Cây công nghiệp dài ngày: Duy trì chăm sóc 1.282,68 ha cây sao su, trong đó đã khai thác mủ 742,94 ha, đạt 113,5% kế hoạch; sản lượng ước 973,92 tấn mủ khô, đạt 165,35% kế hoạch, giá trị sản phẩm mủ cao su đạt 23.512 triệu đồng.

- Cây trồng khác:

+ Cây đậu tương 426,5 ha, năng suất 13,74 tạ/ha; sản lượng 586 tấn.

+ Cây lạc cả năm 162,2 ha, năng suất 12,24 tạ/ha; sản lượng 198,5 tấn.

+ Cây dừa diện tích trồng 229,1 ha; năng suất 150 tạ/ha; sản lượng 3.436,5 tấn.

+ Cây dong riềng 235 ha; năng suất 550 tạ/ha; sản lượng 12.925 tấn.

+ Cây sắn 565 ha; năng suất 72 tạ/ha; sản lượng 4.068 tấn.

###### *b. Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản*

Tiếp tục phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng đàn gia súc tăng bình quân 4,5%/năm (đạt kế hoạch), người dân tăng cường thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; phát triển đàn lợn đảm bảo an toàn sinh học; tổng đàn gia súc hiện gần 52.000 con trong đó: Đàn trâu 14.410 con; đàn bò 3.185 con; đàn lợn 34.405 con; 190.500 con gia cầm.

Tăng cả về diện tích và số lượng; tổng diện tích 35,8 ha; tổng sản lượng 46,11 tấn.

###### *c. Lâm nghiệp*



Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng. Giai đoạn 2016-2020, đã trồng mới được 141,39 ha rừng, khoanh nuôi tái sinh được 4.498 ha rừng, bảo vệ 44.176 ha, tỷ lệ che phủ rừng năm 2019 đạt 40,5% (vượt 0,5% so với NQĐH).

### **2.1.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng**

#### **a. Công nghiệp**

Quan tâm, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất phát triển, mở rộng địa bàn kinh doanh góp phần tích cực vào sự tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và tăng nguồn thu ngân sách cho huyện.

*Bảng 2. Kết quả sản xuất công nghiệp huyện Mường Chà giai đoạn 2016-2020*

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	THỰC HIỆN TỪNG NĂM				
			Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Điện sản xuất và nhập khẩu	Triệu Kwh	185,30	185,30	298,50	298,50	298,50
3	Đá xây dựng	1000m <sup>3</sup>	25,00	27,00	28,00	30,00	30,00
4	Nước máy sản xuất	1000m <sup>3</sup>	180,00	180,00	180,00	150,00	180,00
5	Gạch xây	Triệu viên	3,00	3,40	3,70	4,00	4,50
6	Mủ Cao su (quy khô)	Tấn		85,06	338,64	535,00	904,00
7	Bột Dong riềng	Tấn	223,2	312,0	318,0	225,6	282,0

(Nguồn: Báo cáo số 633/BC-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Mường Chà)

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 đạt 424.539 tỷ đồng, tăng 9,0%/năm. Kết quả một số chỉ tiêu sản xuất công nghiệp như sau:

- Tổng số điện sản xuất và nhập khẩu: Đến năm 2020 là 298,5 triệu Kwh tăng 113,2 Kwh so với năm 2016;
- Sản lượng khai thác đá xây dựng: Đến năm 2020 là 30.000 m<sup>3</sup> tăng 5.000 m<sup>3</sup> so với năm 2016;
- Nước máy sản xuất: Đến năm 2020 là 180.000 m<sup>3</sup> không đổi so với năm 2016;
- Sản xuất gạch xây: Đến năm 2020 là 4,5 triệu viên tăng 1,5 triệu viên so với năm 2016;
- Sản lượng khai thác mủ cao su (quy khô): Đến năm 2020 là 904 tấn tăng 818,94 tấn so với năm 2017, năm 2016 chưa có sản lượng cao su khai thác mủ;
- Sản lượng bột dong riềng: Đến năm 2020 là 282 tấn tăng 58,8 tấn so với năm 2016.

#### **b. Xây dựng**

Thực hiện phối hợp triển khai quy hoạch, đầu tư xây dựng và khai thác các dự án thủy điện (hiện trên địa bàn có 04 thủy điện đang hoạt động với công suất 134MW; đang xây dựng 03 thủy điện với công suất 50,3MW). Tiếp tục duy trì 97% dân số thị trấn được dùng nước sạch, 87,5% dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% số xã có điện lưới Quốc gia đến trung tâm xã, 77,42% hộ dân được sử dụng điện.

### *2.1.3. Thương mại, dịch vụ*

#### *a. Hoạt động thương mại, dịch vụ*

##### *- Hoạt động thương mại:*

Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển khá, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 8,7%/năm, đã hình thành một số loại hình dịch vụ chất lượng cao, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của người dân.

- Hạ tầng thương mại được phát triển cả về loại hình và số lượng, các trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng thực phẩm an toàn bước đầu chiếm tỷ trọng khá trong thị trường bán lẻ hàng hóa. Công tác kiểm soát hàng giả, hàng kém chất lượng được tăng cường. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu khu vực kinh tế dịch vụ như sau:

- Về thương mại: Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2020 đạt 12% giảm 2,7% so với năm 2015.

##### *- Về vận tải:*

+ Tốc độ tăng khối lượng hàng hoá vận chuyển năm 2020 đạt 10,16% tăng 1,56% so với năm 2015.

+ Tốc độ tăng khối lượng hàng hoá luân chuyển năm 2020 đạt 13,84% giảm 1,76% so với năm 2015.

+ Tốc độ tăng khối lượng hành khách vận chuyển năm 2020 đạt 13,9% giảm 1,6% so với năm 2015.

+ Tốc độ tăng khối lượng hành khách luân chuyển năm 2020 đạt 14,84% giảm 2,56% so với năm 2015.

##### *Về thông tin - truyền thông:*

+ Số thuê bao điện thoại/100 dân năm 2020 đạt 35,92% tăng 9,52% so với năm 2015.

+ Số thuê bao internet băng thông rộng/100 dân năm 2020 đạt 2,88% tăng 1,32% so với năm 2015.

##### *- Hoạt động dịch vụ:*

+ Có bước phát triển khá cả về quy mô và chất lượng, cơ bản đáp ứng nhu cầu thiết yếu trên địa bàn. Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng, bước đầu thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch, hình thành một số khu du lịch, điểm dừng chân ngắm cảnh thu hút khách du lịch trong và ngoài huyện.

+ Duy trì tốt hoạt động bưu chính viễn thông, đảm bảo hệ thống thông tin liên lạc, thu phát sóng thông tin di động, đường truyền internet tốc độ cao, chất lượng cơ bản đáp ứng nhu cầu thị trường.



+ Thường xuyên, kịp thời duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường liên xã, liên bản, đảm bảo an toàn giao thông vận tải đến trung tâm các xã được thông suốt, đáp ứng nhu cầu đi lại, giao thương hàng hoá của người dân.

*b. Hoạt động tài chính ngân hàng*

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý điều hành ngân sách đảm bảo đúng luật định. Tổng thu ngân sách giai đoạn 2016-2020 đạt 2.869,1 tỷ đồng, bình quân đạt 573,82 tỷ đồng/năm, tăng trung bình 35,37 tỷ đồng/năm; thu ngân sách trên địa bàn năm 2020 ước đạt 33,793 tỷ đồng, tăng bình quân 12,84%/năm (đạt 131,5% so với kế hoạch). Thực hiện chi và quản lý chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an - ninh, đảm bảo nhu cầu chi thường xuyên, chi an sinh xã hội và thực hiện một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất.

Chủ động cân đối ngân sách để thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh; giai đoạn 2016-2020 đã bố trí kinh phí cho phòng, chống dịch bệnh tổng kinh phí 29.091 triệu đồng. Tính đến hết ngày 30/11/2020:

- Dịch lở mồm long móng là 682 triệu đồng; Dịch rệp cây xanh đô thị là 87 triệu đồng; châu chấu tre lưng vàng là 168 triệu đồng; Dịch tả lợn Châu Phi là 1.047 triệu đồng; Đại dịch Covid-19 là 25.862 triệu đồng.

- Phun phòng tiêu độc khử trùng 265 triệu đồng; Tiêm phòng định kỳ 980 triệu đồng.

Dịch vụ tín dụng phát triển, hoạt động Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng Chính sách xã hội và quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn ngày càng có hiệu quả. Tổng mức dư nợ tăng, đến năm 2020 đạt 640 tỷ đồng, đã góp phần hỗ trợ tích cực cho sản xuất kinh doanh, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện.

*c. Hoạt động bưu chính viễn thông*

Hiện nay mạng thông tin di động tỉnh Điện Biên nói chung, khu vực nghiên cứu nói riêng. Đang sử dụng công nghệ GSM và CDMA, với nhiều nhà cung cấp dịch vụ: Vinaphone, Mobiphone, Viettel, ... Vùng phủ sóng đã phủ toàn bộ phạm vi nghiên cứu. Tuy nhiên, chất lượng các dịch vụ thông tin di động còn chưa được đảm bảo, do việc đầu tư cơ sở hạ tầng còn chưa theo kịp với tốc độ phát triển dịch vụ, tình trạng nghẽn mạng, và tín hiệu yếu vẫn xảy ra, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa.

Mạng bưu chính trên địa bàn chủ yếu do bưu điện tỉnh xây dựng, chất lượng ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân, hầu hết các xã có điểm phục vụ bưu chính và có thùng thư. Hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn đã đáp ứng được nhu cầu của dân cư trong vùng.

Tập trung tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung các tin, bài, phóng sự, kịp thời đưa tin phản ánh đầy đủ tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương và công tác chỉ đạo, điều hành của huyện.

Quan tâm đầu tư, nâng cấp đài truyền thanh - truyền hình; củng cố thông tin điện tử huyện; thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo về thông tin. Hiện toàn huyện có 11/11 xã có đài truyền thanh không dây; trên 90% số hộ xem được truyền hình Việt Nam, truyền hình tỉnh.

## 2.2. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất

### 2.2.1. Hiện trạng sử dụng đất

Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 toàn huyện theo kết quả điều tra như sau:

Bảng 3. Hiện trạng sử dụng đất năm 2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>118.989,50</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>91.105,64</b>	<b>76,57</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.868,90	8,29
-	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	503,63	0,42
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	30.030,18	25,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.753,15	2,31
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	28.441,12	23,90
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	19.958,92	16,77
-	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	18.676,17	15,70
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	50,81	0,04
1.8	Đất làm muối	LMU	0,00	0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,56	0,00
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>2.740,75</b>	<b>2,30</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	15,50	0,01
2.2	Đất an ninh	CAN	1,22	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,69	0,00
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,77	0,00
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,00	0,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	12,66	0,01
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.404,43	1,18
-	Đất giao thông	DGT	590,02	0,50
-	Đất thủy lợi	DTL	62,31	0,05
-	Đất xây dựng cơ sở văn hoá	DVH	1,37	0,001
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,33	0,004
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	42,01	0,04
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	1,92	0,002
-	Đất công trình năng lượng	DNL	655,00	0,55

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,70	0,001
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,00	0,00
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,00	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,05	0,001
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,00	0,00
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	45,00	0,04
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	0,00	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,00	0,00
-	Đất chợ	DCH	0,22	0,000
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	28,47	0,02
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,77	0,001
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,54	0,000
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	332,45	0,28
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	30,04	0,03
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,49	0,01
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,91	0,001
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,00	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	897,72	0,75
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>25.143,11</b>	<b>21,13</b>

Nguồn: Thống kê kiểm kê đất đai năm 2020

*a. Đất nông nghiệp*

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất nông nghiệp là 91.105,64 ha, chiếm 76,57% tổng diện tích tự nhiên, trong đó:

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất trồng lúa là 9.868,90 ha, chiếm 8,29% tổng diện tích tự nhiên (trong đó đất chuyên trồng lúa nước là 503,63 ha, chiếm 0,42% tổng diện tích tự nhiên). Phân bố ở 12 xã, thị trấn nhưng tập trung chủ yếu tại các xã: Huổi Mí (1.645,59 ha), Hừa Ngài (1.291,96 ha), Ma Thì Hồ (1.214,43 ha), ... Trong giai đoạn quy hoạch tới cần khai thác, mở rộng diện tích đất trồng lúa nước tại những khu vực thuận lợi và đã được đầu tư các công trình thủy lợi để tăng sản lượng lương thực cho nhân dân trên địa bàn huyện.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất trồng cây hàng năm khác là 30.030,18 ha, chiếm 25,24% tổng diện tích tự nhiên. Phân bố ở 12 xã, thị trấn nhưng tập trung chủ yếu tại các xã: Na Sang (6.059,80 ha), Ma Thì Hồ (5.577,76 ha), Huổi Mí (4.342,10 ha), Sá Tổng (3.132,53 ha), ...

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất trồng cây lâu năm 2.753,15 ha, chiếm 2,31% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 12 xã, thị trấn, nhưng tập trung chủ yếu ở các xã: Na Sang (1.302,32 ha), Mường Mươn (687,37 ha), các xã và thị trấn còn lại diện tích đất trồng cây lâu năm còn khá nhỏ.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất rừng phòng hộ là 28.441,12 ha, chiếm 23,90% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên toàn 12 xã, thị trấn, trong đó tập trung chủ yếu ở các xã: Mường Tùng (7.693,25 ha), Huổi Mí (4.133,66 ha), Hừa Ngài (3.581,85 ha), ... Diện tích đất rừng phòng hộ ngày càng giảm, do vậy cần có các biện pháp khoanh nuôi, bảo vệ và đưa diện tích đất chưa sử dụng vào trồng rừng phòng hộ.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất rừng sản xuất là 19.958,92 ha, chiếm 16,77% tổng diện tích tự nhiên (trong đó đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 18.676,17 ha, chiếm 15,70% tổng diện tích tự nhiên). Phân bổ trên 12 xã, thị trấn, nhưng tập trung chủ yếu ở các xã: Huổi Lèng (4.385,72 ha), Ma Thì Hồ (2.380,42 ha), Mường Mươn (2.039,46 ha), ... Để có thể sử dụng diện tích đất rừng sản xuất hiệu quả hơn cần khai thác sử dụng kết hợp với bảo vệ và cải tạo.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất nuôi trồng thủy sản 50,81 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên, phân bổ trên toàn 12 xã, thị trấn. Diện tích ao, hồ đưa vào nuôi trồng thủy sản không lớn do vậy cần khuyến khích và tạo điều kiện để người dân tăng sản lượng nuôi trồng thủy sản.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất nông nghiệp khác là 2,56 ha chỉ có ở xã Mường Tùng, chiếm 0,002% tổng diện tích tự nhiên.

#### *b. Đất phi nông nghiệp*

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất phi nông nghiệp là 2.740,75 ha, chiếm 2,30% tổng diện tích tự nhiên. Với cơ cấu như trên có thể thấy diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện còn ít. Trong thời gian tới, để đáp ứng nhu cầu về cơ sở hạ tầng, dịch vụ, ... ngày càng cao của người dân cần phải tăng thêm diện tích quỹ đất phi nông nghiệp. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện như sau:

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất quốc phòng là 15,50 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ ở thị trấn Mường Chà (3,83 ha) và 2 xã Mường Mươn (4,72 ha), Na Sang (6,95 ha).

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất an ninh 1,22 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên, phân bổ ở thị trấn Mường Chà (0,82 ha) và xã Nậm Nèn (0,40 ha).

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất thương mại, dịch vụ là 0,69 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 5 xã, thị trấn, tập trung chủ yếu tại các xã: Mường Tùng (0,34 ha), Nậm Nèn (0,13 ha), Na Sang (0,11 ha).

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,77 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 3 xã, thị trấn, nhưng tập trung chủ yếu ở thị trấn Mường Chà (0,73 ha), 2 xã Na Sang và Nậm Nèn diện tích rất nhỏ.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 12,66 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 5 xã, thị trấn, nhưng tập trung chủ yếu ở thị trấn Mường Chà (5,80 ha), xã Na sang (2,63 ha), Mường Mươn (2,23 ha), ...

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện 1.404,43 ha, chiếm 1,18% tổng diện tích tự nhiên. Bao gồm diện tích đất để xây dựng các công trình công cộng như: Giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, năng lượng, chợ, ... phục vụ nhân dân. Cùng với sự phát triển kinh tế và nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân trong huyện, trong giai đoạn tới cần dành phần lớn diện tích để xây dựng các công trình công cộng, hạ tầng xã hội. Đặc biệt cần phát triển hệ thống giao thông là tiền đề cho sự phát triển. Hiện trạng sử dụng các loại đất như sau:

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất giao thông 590,02 ha, chiếm 0,50% tổng diện tích tự nhiên.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất thủy lợi 62,31 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích tự nhiên. Hệ thống thủy lợi hiện tại chưa đáp ứng đủ nhu cầu tưới tiêu cho cây lúa và các cây trồng khác, do vậy trong thời gian tới cần phải bổ sung thêm diện tích đất thủy lợi.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất xây dựng cơ sở văn hóa 1,37 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 4 xã, thị trấn trên địa bàn huyện: thị trấn Mường Chà (0,77 ha), xã Mường Tùng (0,48 ha), 2 xã còn lại là Mường Mươn và Sa Lông có diện tích nhỏ.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất xây dựng cơ sở y tế 4,33 ha, chiếm 0,004% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 12 xã, thị trấn: thị trấn Mường Chà (1,22 ha), xã Pa Ham (0,96 ha), Mường Tùng (0,39 ha), ... Diện tích đất xây dựng cơ sở y tế cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 42,01 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên toàn 12 xã, thị trấn, trong đó thị trấn Mường Chà có diện tích lớn nhất (7,79 ha), xã Mường Tùng (3,76 ha), Huổi Mí (4,23 ha), Ma Thì Hồ (3,66 ha), ...

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 1,92 ha, chiếm 0,002% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ tại thị trấn Mường Chà (1,37 ha), và 2 xã Mường Mươn (0,20 ha), Mường Tùng (0,34 ha).

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất công trình năng lượng là 655,00 ha, chiếm 0,55% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 12 xã, thị trấn, tập trung chủ yếu tại các xã Huổi Mí (119,27 ha), Mường Tùng (117,99 ha), Na Sang (106,21 ha), ...

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất công trình bưu chính, viễn thông là 0,70 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 9 xã, thị trấn, tập trung chủ yếu tại thị trấn Mường Chà (0,22 ha), xã Mường Mươn (0,14 ha), các xã còn lại diện tích đất công trình bưu chính, viễn thông còn nhỏ.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất bãi thải, xử lý chất thải 1,05 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ tại thị trấn Mường Chà (0,94 ha) và xã Ma Thì Hồ (0,11 ha), các xã còn lại đều chưa có nơi thu gom rác tập trung, người dân chủ yếu vẫn là xử lý rác tại chỗ.

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 45,00 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 12 xã, thị trấn, nhưng tập trung chủ yếu tại các xã: Na Sang (7,75 ha), Sa Lông (6,05 ha), Sá Tổng (4,25 ha), ...

- Diện tích hiện trạng năm 2020 đất chợ 0,22 ha, chiếm 0,0002% tổng diện tích tự nhiên. Hiện đất chợ chỉ có tại thị trấn Mường Chà, trong thời gian tới cần phải bổ sung thêm diện tích đất chợ để đáp ứng nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa của nhân dân.

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất danh lam thắng cảnh 28,47 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên. Trên địa bàn huyện có điểm danh lam thắng cảnh hang động tại bản Huổi Cang, Huổi Đáp xã Pa Ham là địa điểm du lịch thu hút du khách tham quan.

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất sinh hoạt cộng đồng 1,77 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên, phân bổ trên 10 xã, thị trấn của huyện.

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 0,54 ha, phân bổ tại xã Sa Lông.

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất ở tại nông thôn là 332,45 ha, chiếm 0,28% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 11 xã của huyện, tập trung chủ yếu tại các xã: Sá Tổng (46,58 ha), Mường Mươn (36,28 ha), Na Sang (35,59 ha), ...

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất ở tại đô thị là 30,04 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên, phân bổ tại thị trấn Mường Chà.

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất xây dựng trụ sở cơ quan là 9,49 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 12 xã, thị trấn của huyện: thị trấn Mường Chà (2,77 ha), và các xã: Pa Ham (1,64 ha), Mường Tùng (1,23 ha), ...

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 0,91 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ tại thị trấn Mường Chà (0,32 ha) và xã Huổi Lèng (0,59 ha).

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 897,72 ha, chiếm 0,75% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 12 xã, thị trấn, tập trung chủ yếu tại các xã: Mường Tùng (236,13 ha), Sá Tổng (215,34 ha), Ma Thì Hồ (101,13 ha), ...

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất có mặt nước chuyên dùng là 0,70 ha, chiếm 0,001% tổng diện tích tự nhiên. Phân bổ tại 3 xã Hừa Ngải (0,43 ha), Huổi Lèng (0,23 ha) và xã Mường Mươn (0,04 ha).

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất phi nông nghiệp khác là 3,39 ha, chiếm 0,003% tổng diện tích tự nhiên, phân bổ trên 5 xã, thị trấn của huyện.

### c. Đất chưa sử dụng

Diện tích hiện trạng năm 2020 đất chưa sử dụng là 25.143,11 ha, chiếm 21,13% diện tích tự nhiên. Phân bổ trên 12 xã, thị trấn, tập trung chủ yếu tại các xã: Mường Mươn (3.398,76 ha), Sa Lông (3.349,72 ha), Sá Tổng (3.256,48 ha), ...

### 2.2.2. Biến động sử dụng đất

Bảng 4. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2012-2020

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích năm 2012 (ha)	Tăng (+) giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích năm 2012 (ha)	Tăng (+) giảm (-)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>118.989,50</b>	<b>119.942,09</b>	<b>-952,59</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>91.105,64</b>	<b>68.264,81</b>	<b>22.840,83</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.868,90	5.877,77	3.991,13
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>503,63</i>	<i>227,72</i>	<i>275,91</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	30.030,18	5.074,44	24.955,74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.753,15	2.828,01	-74,86
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	28.441,12	35.799,95	-7.358,83
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00		0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	19.958,92	18.649,37	1.309,55
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>18.676,17</i>	<i>18.649,37</i>	<i>26,80</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	50,81	34,62	16,19
1.8	Đất làm muối	LMU	0,00		0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,56	0,65	1,91
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>2.740,75</b>	<b>2.347,70</b>	<b>393,05</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	15,50	11,64	3,86
2.2	Đất an ninh	CAN	1,22	1,22	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00		0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00		0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,69		0,69
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,77	1,28	-0,51
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,00	3,00	-3,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	12,66	33,53	-20,87
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.404,43	889,75	514,68
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>590,02</i>	<i>629,59</i>	<i>-39,57</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>62,31</i>	<i>65,80</i>	<i>-3,49</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hoá</i>	<i>DVH</i>	<i>1,37</i>	<i>1,13</i>	<i>0,24</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>4,33</i>	<i>2,56</i>	<i>1,77</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>42,01</i>	<i>30,48</i>	<i>11,53</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>1,92</i>	<i>1,14</i>	<i>0,78</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>655,00</i>	<i>115,19</i>	<i>539,81</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,70</i>	<i>3,73</i>	<i>-3,03</i>
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,00</i>		<i>0,00</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>1,05</i>	<i>1,00</i>	<i>0,05</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>0,00</i>		<i>0,00</i>

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2020 (ha)	Diện tích năm 2012 (ha)	Tăng (+) giảm (-)
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	45,00	38,91	6,09
-	Đất chợ	DCH	0,22	0,22	0,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	28,47		28,47
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	1,77		1,77
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,54		0,54
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	332,45	243,87	88,58
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	30,04	26,69	3,35
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,49	11,00	-1,51
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,91		0,91
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00		0,00
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,00		0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	897,72	1.103,11	-205,39
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,70		0,70
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	3,39	22,61	-19,22
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>25.143,11</b>	<b>49.329,58</b>	<b>-24.186,47</b>

Nguồn: thống kê, kiểm kê đất đai năm 2020

Tổng diện tích tự nhiên của toàn huyện năm 2020 là 118.989,50 ha, giảm 952,59 ha so với năm 2011 (119.942,09 ha). Nguyên nhân:

- Trong kỳ kiểm kê năm 2005, tổng diện tích tự nhiên được điều chỉnh theo Quyết định số 272/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27 tháng 02 năm 2007 về việc phê duyệt kết quả kiểm kê đất đai năm 2005 và công văn số 759/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 28 tháng 02 năm 2007 về việc hướng dẫn điều chỉnh diện tích tự nhiên cấp xã năm 2005 cho đúng với diện tích của cả nước được tính trên bản đồ địa hình Quốc gia thống nhất ở tỷ lệ 1/50.000.

- Theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 25 tháng 08 năm 2012 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện thuộc tỉnh Điện Biên thì huyện Mường Chà chia tách 5 xã với tổng diện tích 57.235,47 ha để thành lập huyện Nậm Pồ.

- Đến kỳ kiểm kê 2014 theo quy định Bộ Tài nguyên và Môi trường việc tổng hợp số liệu được cập nhật từ bản đồ khoanh vẽ các thửa trong địa giới hành chính do vậy dẫn đến diện tích tự nhiên giảm.

#### *a. Biến động đất nông nghiệp*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2020 của huyện là 91.105,64 ha, tăng 22.840,83 ha so với hiện trạng năm 2012 (68.264,81 ha). Trong đó:

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng lúa năm 2020 của huyện là 9.868,90 ha, tăng 3.991,13 ha so với hiện trạng năm 2012 (5.877,77 ha).

- Diện tích hiện trạng đất chuyên trồng lúa nước năm 2020 của huyện là 503,63 ha, tăng 275,91 ha so với hiện trạng năm 2012 (227,72 ha).



- Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng cây hàng năm khác năm 2020 của huyện là 30.030,18 ha, tăng 24.955,74 ha so với hiện trạng năm 2012 (5.074,44 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất trồng cây lâu năm năm 2020 của huyện là 2.753,15 ha, giảm 74,86 ha so với hiện trạng năm 2012 (2.828,01 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất rừng phòng hộ năm 2020 của huyện là 28.441,12 ha, giảm 7.358,83 ha so với hiện trạng năm 2012 (35.799,95 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất rừng sản xuất năm 2020 của huyện là 19.958,92 ha, tăng 1.309,55 ha so với hiện trạng năm 2012 (18.649,37 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất nuôi trồng thủy sản năm 2020 của huyện là 50,81 ha, tăng 16,19 ha so với hiện trạng năm 2012 (34,62 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp khác năm 2020 của huyện là 2,56 ha, tăng 1,91 ha so với hiện trạng năm 2012 (0,65 ha).

*b. Biến động đất phi nông nghiệp*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2020 của huyện là 2.740,75 ha, tăng 393,05 ha so với hiện trạng năm 2012 (2.347,70 ha). Trong đó:

Diện tích hiện trạng sử dụng đất quốc phòng năm 2020 của huyện là 15,50 ha, tăng 3,86 ha so với hiện trạng năm 2012 (11,64 ha).

Diện tích hiện trạng sử dụng đất an ninh năm 2020 của huyện là 1,22 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2012.

Diện tích hiện trạng sử dụng đất thương mại, dịch vụ năm 2020 của huyện là 0,69 ha, tăng 0,69 ha so với hiện trạng năm 2012.

Diện tích hiện trạng sử dụng đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp năm 2020 của huyện là 0,77 ha, giảm 0,51 ha so với hiện trạng năm 2012 (1,28 ha).

Diện tích hiện trạng sử dụng đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản năm 2020 của huyện giảm 3,00 ha so với hiện trạng năm 2012 (3,00 ha).

Diện tích hiện trạng sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm năm 2020 của huyện là 12,66 ha, giảm 20,87 ha so với hiện trạng năm 2012 (33,53 ha).

Diện tích hiện trạng sử dụng đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã năm 2020 của huyện là 1.404,43 ha, tăng 514,68 ha so với hiện trạng năm 2012 (889,75 ha). Trong đó:

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất giao thông năm 2020 của huyện là 590,02 ha, giảm 39,57 ha so với hiện trạng năm 2012 (629,59 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất thủy lợi năm 2020 của huyện là 62,31 ha, giảm 3,49 ha so với hiện trạng năm 2012 (65,80 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa năm 2020 của huyện là 1,37 ha, tăng 0,24 ha so với hiện trạng năm 2012 (1,13 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế năm 2020 của huyện là 4,33 ha, tăng 1,77 ha so với hiện trạng năm 2012 (2,56 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo năm 2020 của huyện là 42,01 ha, tăng 11,53 ha so với hiện trạng năm 2012 (30,48 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao năm 2020 của huyện là 1,92 ha, tăng 0,78 ha so với hiện trạng năm 2012 (1,14 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất công trình năng lượng năm 2020 của huyện là 655,00 ha, tăng 539,81 ha so với hiện trạng năm 2012 (115,19 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất công trình bưu chính, viễn thông năm 2020 của huyện là 0,70 ha, giảm 3,03 ha so với hiện trạng năm 2012 (3,73 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất bãi thải, xử lý chất thải năm 2020 của huyện là 1,05 ha, tăng 0,05 ha so với hiện trạng năm 2012 (1,00 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng năm 2020 của huyện là 45,00 ha, tăng 6,09 ha so với hiện trạng năm 2012 (38,91 ha).

- Diện tích hiện trạng sử dụng đất chợ năm 2020 của huyện là 0,22 ha, không thay đổi so với hiện trạng năm 2012.

Diện tích hiện trạng sử dụng đất danh lam thắng cảnh năm 2020 của huyện là 28,47 ha, tăng 28,47 ha so với hiện trạng năm 2012.

Diện tích hiện trạng sử dụng đất sinh hoạt cộng đồng năm 2020 của huyện là 1,77 ha, tăng 1,77 ha so với hiện trạng năm 2012.

Diện tích hiện trạng sử dụng đất khu vui chơi, giải trí công cộng năm 2020 của huyện là 0,54 ha, tăng 0,54 ha so với hiện trạng năm 2012.

Diện tích hiện trạng sử dụng đất ở tại nông thôn năm 2020 của huyện là 332,45 ha, tăng 88,58 ha so với hiện trạng năm 2012 (243,87 ha).

Diện tích hiện trạng sử dụng đất ở tại đô thị năm 2020 của huyện là 30,04 ha, tăng 3,35 ha so với hiện trạng năm 2012 (26,69 ha).

Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan năm 2020 của huyện là 9,49 ha, giảm 1,51 ha so với hiện trạng năm 2012 (11,00 ha).

Diện tích hiện trạng sử dụng đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp năm 2020 của huyện là 0,91 ha, tăng 0,91 ha so với hiện trạng năm 2012.

Diện tích hiện trạng sử dụng đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối năm 2020 của huyện là 897,72 ha, giảm 205,39 ha so với hiện trạng năm 2012 (1.103,11 ha).

Diện tích hiện trạng sử dụng đất có mặt nước chuyên dùng năm 2020 của huyện là 0,70 ha, tăng 0,70 ha so với hiện trạng năm 2012.

Diện tích hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp khác năm 2020 của huyện là 3,39 ha, giảm 19,22 ha so với hiện trạng năm 202 (22,61 ha).

### *c. Biến động đất chưa sử dụng*

Diện tích hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng năm 2020 của huyện là 25.143,11 ha, giảm 24.186,47 ha so với hiện trạng năm 2012 (49.329,58 ha).

## **2.3. Hiện trạng phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn**

### *\* Hiện trạng phát triển đô thị*

Hiện tại trên địa bàn toàn huyện có 01 đô thị loại V đó là thị trấn Mường Chà.



Thị trấn Mường Chà có diện tích là 2.215,90 ha, dân số 4.582 người; đây là trung tâm kinh tế, xã hội của huyện Mường Chà, là đô thị kết nối thành phố Điện Biên Phủ với thị xã Mường Lay và huyện Nậm Pồ, huyện Mường Nhé.

Với lợi thế là trung tâm kinh tế, xã hội của huyện, thị trấn Mường Chà đã đạt được những thành tựu quan trọng đặc biệt là phát triển kinh tế, đẩy mạnh thương mại, dịch vụ. Chăm lo phát triển kinh tế đi đôi với xây dựng kết cấu hạ tầng luôn được Đảng bộ chính quyền quan tâm, đầu tư xây dựng. Thị trấn Mường Chà đã tập trung huy động mọi nguồn lực để thực hiện quy hoạch và xây dựng cơ bản:

- Hệ thống giao thông được cứng hóa gần 100%; hệ thống mương, kè chỉnh trị suối Nậm Mươn cũng được kiên cố hóa, trụ sở làm việc xây dựng khang trang, có đủ các phòng làm việc cho cán bộ, công chức, người lao động của thị trấn cùng với đó việc phát triển kinh tế, lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến rõ nét, phong trào “Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa” được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng tích cực.

- Thị trấn đã có 9/11 tổ dân phố, bản được công nhận tổ dân phố, bản văn hóa, 100% các tổ dân phố, bản đã xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước văn hóa.

- Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch đến năm 2020 là 97% tăng 6% so với năm 2016.

- Thu gom chất thải rắn ở đô thị đạt 95% năm 2020 tăng 10% so với năm 2016 và đạt so với kế hoạch đề ra.

*\* Hiện trạng phát triển khu dân cư nông thôn*

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được đầu tư nâng cấp mạnh; diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao. Xây dựng nông thôn mới được chỉ đạo quyết liệt, thực hiện sâu rộng, diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới.

Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư, nâng cấp, mở rộng ngày càng khang trang; nhiều mô hình sản xuất phát triển nhanh, thiết chế văn hóa được phát huy. Đời sống người dân có nhiều tiến bộ; dân chủ xã hội được mở rộng; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; hệ thống chính trị cơ sở ngày càng được củng cố.



Đường nông thôn mới đi bản Chiêu Lý,  
xã Sa Long



Hệ thống thủy lợi của bản Phiêng  
Đất B, xã Nậm Nèn mới hoàn thành

Trong năm 2020 UBND huyện đã phối hợp với Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh Điện Biên mở 6 lớp tập huấn Chương trình xây dựng nông thôn mới cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cấp xã, Bí thư chi bộ, trưởng bản và trưởng ban công tác mặt trận với 180 học viên tham gia. Mặc dù xuất phát điểm thấp và gặp nhiều khó khăn, song đến nay. Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Mường Chà đã đạt được những kết quả đáng khích lệ: Xây dựng nông thôn mới đã trở thành phong trào sôi nổi, bộ mặt nông thôn thay đổi rõ rệt, cơ sở hạ tầng thiết yếu được đầu tư đồng bộ, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố và an ninh trật tự được giữ vững; tỷ lệ hộ nghèo giảm, thu nhập bình quân đầu người tăng; các điều kiện về y tế, giáo dục, văn hóa và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được nâng lên; cảnh quan môi trường nông thôn được cải thiện; dân chủ cơ sở được phát huy.

Kết quả đạt được một số chỉ tiêu như sau:

- Đến năm 2020 toàn huyện có 4 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 3 xã đạt 16 tiêu chí (Mường Mươn, Na Sang, Sa Long), 01 xã đạt 15 tiêu chí (Nậm Nèn); 5 xã đạt từ 11 - 14 tiêu chí, còn lại 2 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí; bình quân là 12,37 tiêu chí/xã tăng 7,234 tiêu chí so với năm 2015; xác định được 3 sản phẩm (OCOP) đó là: Dứa quả, Miến dong, và tinh dầu xả Java.

- Tỷ lệ số hộ nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh năm 2020 là 87,5%.
- Tỷ lệ hộ nông thôn có nhà tiêu hợp vệ sinh đến năm 2020 là 30,8%.
- Tỷ lệ hộ nông thôn được sử dụng điện đến năm 2020 là 77,42%.

### **3. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

#### **3.1. Hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội**

##### **3.1.1. Hạ tầng giáo dục**



Giáo dục - đào tạo là một trong những lĩnh vực có vai quan trọng thực hiện mục đích “Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài” hình thành đội ngũ có tri thức, có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ năng động sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội. Nhận thấy tầm quan trọng đó, ban lãnh đạo huyện Mường Chà đã đề ra nhiều dự án, chính sách để hỗ trợ lĩnh vực giáo dục - đào tạo đạt được thành tựu ngày càng cao.

Năm học 2019-2020, toàn huyện có 43 trường và 1 trung tâm với 745 lớp, 17.956 học sinh; xây dựng mới 184 phòng học, 17 phòng công vụ; tỷ lệ kiên cố hóa trường, lớp đạt trên 63%, bán kiên cố 17,4%, phòng học tạm (3 cứng) còn 19,6%.

Trường Trung học phổ thông (THPT): 22 lớp, 668 học sinh; 1 trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông (PTDTNT THPT) với 10 lớp 345 học sinh; 15 trường mầm non với 291 nhóm, lớp 6.424 học sinh; 14 trường tiểu học với 296 lớp, 6.326 học sinh; 12 trường Trung học cơ sở với 126 lớp, 4.059 học sinh; 1 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX) với 5 lớp 134 học sinh.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn cao, cơ bản đáp ứng được nhu cầu thực hiện nhiệm vụ. Toàn huyện có tổng số 1.666 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, trong đó: 151 cán bộ quản lý, 1.280 giáo viên và 233 nhân viên.

Trường mầm non: 539 người (58 cán bộ quản lý; 423 giáo viên; 58 nhân viên); tiểu học: 628 người (53 cán bộ quản lý, 481 giáo viên, 94 nhân viên); THCS: 385 người (32 cán bộ quản lý, 294 giáo viên, 59 nhân viên); THPT: 57 người (3 cán bộ quản lý, 47 giáo viên, 5 nhân viên); PTDTNT THPT 39 người (3 cán bộ quản lý, 24 giáo viên, 12 nhân viên); Trung tâm GDNN-GDTX: 18 người (2 cán bộ quản lý, 11 giáo viên, 5 nhân viên).

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tiếp tục được đầu tư, nâng cấp đáp ứng được nhu cầu dạy và học. Hiện nay toàn huyện có 30 trường đạt chuẩn quốc gia (mầm non 9, tiểu học 10, THCS 9, THPT 01, PTDTNT THPT 01) đạt 69,76%.

Cơ sở vật chất trường lớp được đầu tư và hiện địa hóa phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập. Công tác huy động dân số trong độ tuổi đến trường các cấp học cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch giao:

- 12/12 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, đạt chỉ tiêu kế hoạch giao.

- 12/12 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt chỉ tiêu kế hoạch giao; 11/12 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, tăng 1 xã so với chỉ tiêu kế hoạch.

- 12/12 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2, đạt chỉ tiêu kế hoạch giao; 5/12 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, tăng 1 xã so với chỉ tiêu kế hoạch.

- 12/12 xã, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, tăng 1 xã so với kế hoạch.

- 30/43 trường đạt kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia đạt 69,76%.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 là 46,5% tăng 7,5% so với năm 2016, tỷ lệ lao động qua đào tạo ngày càng tăng hiệu quả công việc, sản xuất cũng tăng theo.

Công tác phổ cập giáo dục - chống mù chữ được quan tâm đúng mức. Tính đến nay, toàn huyện vẫn duy trì được các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục THCS mức độ 2; hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú tiếp tục được củng cố và phát triển. Các đơn vị trường thường xuyên tổ chức hoạt động giao lưu tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số; tổ chức dạy học tăng thời lượng môn Tiếng Việt lớp 1, tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày nhằm nâng cao chất lượng đọc, viết cho học sinh dân tộc ngay từ đầu cấp học phổ thông.

Chỉ đạo các trường quản lý tốt việc ăn ở, sinh hoạt của học sinh bán trú, đặc biệt là đảm bảo an toàn trong thời gian phòng, chống dịch covid-19.

Nghiêm túc thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách hỗ trợ đối với học sinh và cán bộ giáo viên, nhân viên trường PTDTBT đảm bảo theo quy định của Nhà nước. Tích cực thay đổi phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, xây dựng môi trường học tập thân thiện, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp đã góp phần không nhỏ trong việc huy động học sinh ra lớp và đảm bảo tỷ lệ chuyên cần.

Tiếp tục thực hiện tốt Đề án dạy tiếng Thái, tiếng Mông cho học sinh tiểu học và THCS tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015 định hướng đến năm 2020 tại 10 đơn vị trường đảm bảo mục tiêu kế hoạch giao.



Bảng 5: Bảng tổng hợp về các chỉ tiêu giáo dục giai đoạn 2016-2020

Giáo dục	Đơn vị tính	Năm (2016)	Năm (2019)	Năm (2020)
<b>1.1. Số trường mẫu giáo</b>	Trường	16	16	15
1.2. Số lớp mẫu giáo	Lớp	245	290	297
1.3. Số giáo viên mẫu giáo	Người	312	378	421
1.4. Số học sinh mẫu giáo	Cháu	4.967	6.394	6.449
<b>1.5. Số trường phổ thông</b>	Trường	31	31	26
Tiểu học	"	16	16	14
Trung học cơ sở	"	13	13	12
Trung học phổ thông	"	2	2	2
<b>1.6. Số lớp học</b>	Lớp	496	449	454
Tiểu học	"	331	295	296
Trung học cơ sở	"	133	122	126
Trung học phổ thông	"	32	32	32
<b>1.7. Số phòng học</b>	Phòng	533	451	447
Tiểu học	"	342	296	296
Trung học cơ sở	"	152	125	123
Trung học phổ thông	"	39	30	28
<b>1.8. Số giáo viên phổ thông</b>	Người	814	865	848
Tiểu học	"	462	493	481
Trung học cơ sở	"	276	301	295
Trung học phổ thông	"	76	71	72
<b>1.9. Số học sinh phổ thông</b>	Người	10.952	11.532	12.120
Tiểu học	"	5.935	6.340	6.738
Trung học cơ sở	"	3.936	4.111	4.237
Trung học phổ thông	"	1.081	1.081	1.145
<b>1.10. Giáo dục trung học chuyên nghiệp</b>		-	-	-
Số giáo viên	Người		-	-
Số học sinh	"		-	-
Số học sinh tốt nghiệp	"		-	-
<b>1.11. Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp tiểu học</b>	%	100	100,0	100,0
<b>1.12. Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp trung học cơ sở</b>	%	94,5	96,4	97,0
<b>1.13. Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp trung học phổ thông</b>	%	36,54	100,00	99,70

(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Điện Biên)

### 3.1.2. Hạ tầng y tế

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/HU, ngày 20/7/2018 về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của BCHTW Đảng (khoá XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 12-NQ/HU, ngày 20/7/2018 về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII) về công tác dân số trong tình hình mới. Công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân được nâng cao; mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố và phát triển. Tuy nhiên cơ sở hạ tầng tại các trạm y tế xã trên toàn huyện chưa được đồng bộ, cụ thể:

- Các xã Nậm Nèn, Ma Thì Hồ, Mường Mươn, Hừa Ngải, Sa Lông và trạm y tế thị trấn Mường Chà có điều kiện cơ sở hạ tầng chật hẹp, xuống cấp, không đủ các phòng chức năng, mặt bằng ở quá cao, gây ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ y tế do vậy các xã đã tiến hành lập kế hoạch xây dựng nâng cấp các trạm y tế tại 6 xã, thị trấn trên vào năm 2021 để đảm bảo đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã;

- Trạm y tế xã Huổi Lèng sẽ quy hoạch xây dựng mới tại vị trí thuận lợi cho nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn xã;

- Trạm y tế trên địa bàn 5 xã còn lại đã được xây dựng và hoàn thiện đảm bảo về điều kiện cơ sở hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh, đồng thời đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020.

Hiện toàn huyện có tỷ lệ 8,7 bác sỹ/vạn dân (đạt 96,67 so với kế hoạch); bình quân 16,6 giường bệnh/vạn dân (không đạt kế hoạch); 94,5% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin (đạt 99% so với kế hoạch); tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi) đạt 25,8% (chưa đạt so với kế hoạch); 12/12 xã, thị trấn có bác sỹ (đạt 1% so với kế hoạch); 8/12 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020 (đạt 133% so với kế hoạch); tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,98%.

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, y tế dự phòng và vệ sinh an toàn thực phẩm, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Chỉ đạo triển khai quyết liệt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn, tổ chức kiểm tra thực hiện tốt công tác khám, cách ly người nghi nhiễm bệnh, hiện tại trên địa bàn huyện chưa phát hiện trường hợp nào mắc bệnh Covid-19.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra việc hành nghề y, dược tư nhân.





*Bảng 6: Bảng tổng hợp chỉ tiêu y tế giai đoạn 2016-2020*

Y tế	Đơn vị tính	Năm (2016)	Năm (2019)	Năm (2020)
<b>2.1. Số cơ sở khám chữa bệnh</b>	Cơ sở	15	18	18
Trong đó:				
Bệnh viện, phòng khám khu vực, viện điều dưỡng	Cơ sở	3	3	3
Trạm y tế xã, phường, cơ quan, xí nghiệp	"	12	12	12
<b>2.2. Số giường bệnh</b>	Giường	116	116	116
Trong đó:				
Bệnh viện, phòng khám khu vực, viện điều dưỡng	Giường	80	80	80
Trạm y tế xã, phường, cơ quan xí nghiệp	"	36	36	36
<b>2.3. Số cán bộ ngành y</b>	Người	152	189	172
Bác sĩ	"	33	43	43
Y sĩ	"	76	64	59
Điều dưỡng	"	36	32	32
Hộ sinh	"	30	18	19
Kỹ thuật viên Y		5	5	5
Khác		5	27	14
<b>2.4. Số cán bộ ngành dược</b>	Người	32	11	13
Dược sĩ	"	14	4	7
Dược sĩ cao đẳng, trung cấp	"	11	7	6
Dược tá		1		
Kỹ thuật viên dược		1		
Khác		5		
2.5. Số bác sĩ bình quân một vạn dân	Bác sĩ	7,50	8,92	8,67
2.6. Số giường bệnh bình quân một vạn dân	Giường		24,05	23,38
2.7. Tỷ lệ xã/phường/thị trấn có bác sỹ	%	75	100	100
2.8. Tỷ lệ xã/phường/thị trấn có hộ sinh hoặc y sỹ sản	%	97	100	100
2.9. Tỷ lệ xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã	%	25	58,3	66,7
2.10. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	%	94	94,60	94,50
2.11. Số trẻ em dưới 15 tuổi mắc do các loại bệnh có vắc xin phòng ngừa	Người			
2.12. Số trẻ em dưới 15 tuổi chết do các loại bệnh có vắc xin phòng ngừa	Người			
2.13. Tỷ lệ trẻ sơ sinh có trọng lượng dưới 2500 gram	%	2,14	2,70	2,30
2.14. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng	%		17,00	16,10

*(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Điện Biên)*

### **3.1.3. Hạ tầng văn hóa – thể thao**

#### **a. Văn hóa**

Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao tiếp tục phát triển; đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa, du lịch và bảo tồn, phát triển văn hoá các dân tộc gắn với phát triển kinh tế - xã hội được tăng cường. Đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, toàn huyện có 56,4% số hộ gia đình, 70% số bản, tổ dân phố, 98% cơ quan, đơn vị được công nhận gia đình, thôn, bản, cơ quan văn hóa.

Thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư; chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa; hiện huyện có 1 trung tâm Hội nghị - văn hóa cấp huyện, 90,1% xã có nhà văn hóa, 32% số bản có nhà văn hóa; có 2 di sản văn hóa là: Nghệ thuật thêu hoa văn trên trang phục truyền thống của người Mông Hoa và di tích danh lam thắng cảnh hang, động Huổi Cang, Huổi Đáp, xã Pa Ham được công nhận cấp quốc gia; có 3 nghệ nhân được công nhận là nghệ nhân ưu tú (trong đó: 1 nghệ nhân thực hành Then Tày, Nùng, Thái). Công tác gia đình và phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm chỉ đạo; quy ước thôn bản, tổ dân phố được rà soát bổ sung kịp thời.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, ổn định và phát triển sản xuất, không di cư tự do, xuất cảnh trái phép. Quan tâm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chế độ, chính sách, chương trình dự án đầu tư hỗ trợ trên địa bàn.

Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo, tiến hành rà soát, cấp chứng nhận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, tạo điều kiện và hướng dẫn các chức sắc, tín đồ theo tôn giáo sinh hoạt ổn định, đúng chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các hoạt động lợi dụng tôn giáo làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn.

#### *b. Thể dục thể thao*

Toàn huyện có 46 câu lạc bộ thể thao, 2.750 gia đình thể thao, 15.000 người thường xuyên luyện tập TDTT, 108 đội văn nghệ.

Phong trào thể dục - thể thao được duy trì thường xuyên và ngày càng phát triển sâu rộng, cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Toàn huyện có 29,8% người thường xuyên tham gia luyện tập thể dục thể thao, 15,3% gia đình được công nhận gia đình thể thao.

Phong trào thể thao quần chúng đã phát triển sâu rộng cho mọi đối tượng, các loại hình tập luyện TDTT được thành lập dưới nhiều hình thức như các câu lạc bộ TDTT, các điểm tập luyện TDTT trong các cơ quan, đơn vị, khu dân cư....

Tỷ lệ người tập thể dục thể thao thường xuyên và gia đình thể thao trong huyện ngày càng tăng.

### **3.2. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

#### **3.2.1. Hiện trạng giao thông**

##### Đường bộ:

Quốc Lộ: Trên địa bàn huyện có 3 tuyến quốc lộ là quốc lộ 6A, quốc lộ 12, quốc lộ 4H, các tuyến đường có kết cấu đường nhựa, 2 làn đường.

Đường tỉnh: Trên địa bàn huyện có 3 tuyến đường tỉnh là ĐT.144, ĐT.144B, ĐT.150.

Đường huyện: Huyện Mường Chà có 9 tuyến đường huyện với tổng chiều dài là 109,75 km, trong đó có 20,8 km đường nhựa, 8,35 km đường bê tông, 44,9 km đường cấp phối, 14,3 km đường đất.

Đường đô thị: Hệ thống đường đô thị trên địa bàn thị trấn Mường Chà có tổng chiều dài 6,59 km, tất cả các tuyến đường đều được trải nhựa.

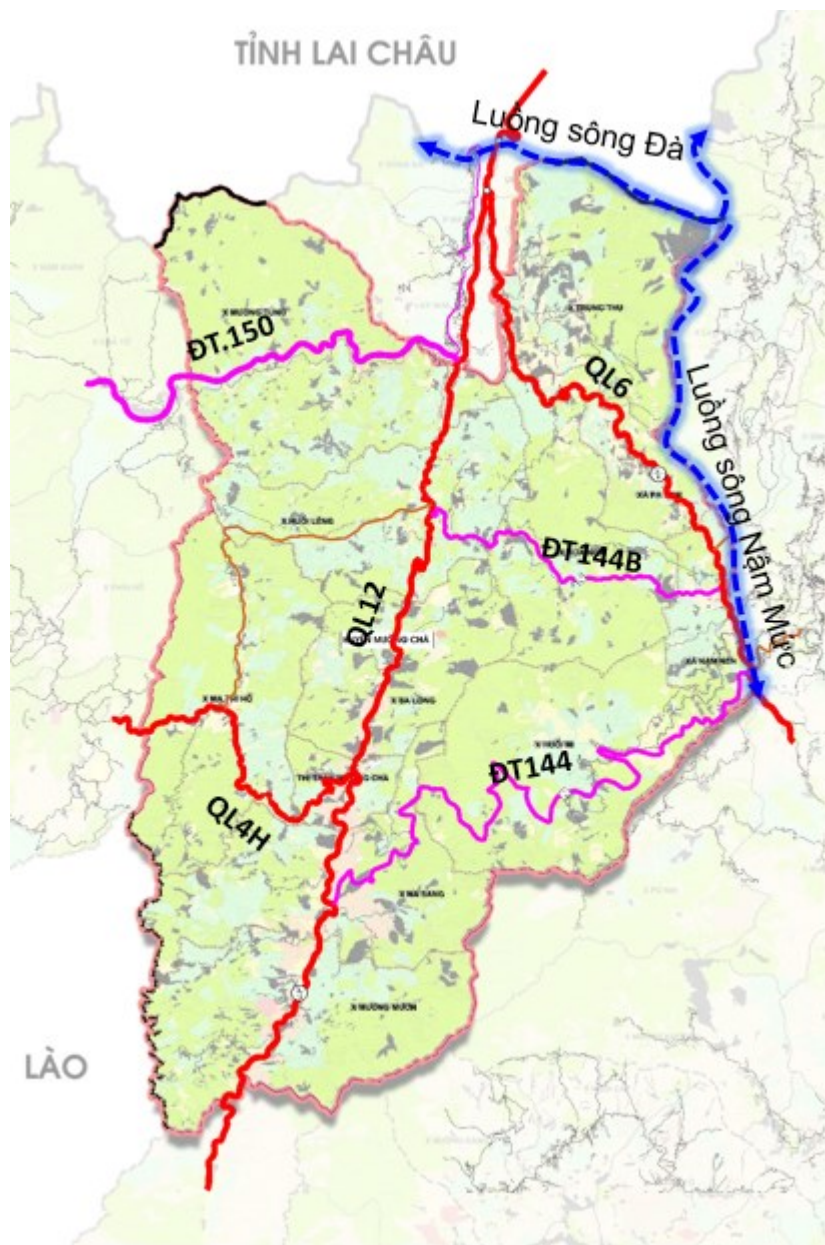
Đường xã: Các tuyến đường xã của huyện bao gồm 35 tuyến đường với tổng chiều dài là 217,8 km trong đó nhiều tuyến đường vẫn là đường đất.

Đường thủy:

Trên địa bàn hiện nay có 2 luồng tuyến thủy nội địa trên Sông Đà và sông Nậm Mực có tiềm năng phát triển vận tải đường thủy.



*Hình 5: Bản đồ hiện trạng giao thông huyện Mường Chà*



### 3.2.2. Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng

#### a. Hiện trạng cao độ nền xây dựng

**Khu vực đô thị:** Thị trấn Mường Chà: Địa hình đồi núi, chia cắt mạnh. Hnền = 409÷700m. Nền xây dựng được cải tạo san lấp trên cơ sở nền địa hình tự nhiên. Khu vực ven suối thường bị ngập lụt, sạt lở, có lũ ống lũ quét ở khu vực hợp thủy. Khu vực ta luy sườn đồi dốc có hiện tượng sạt lở, phải xử lý bằng các giải pháp kỹ thuật.

**Khu vực nông thôn:** Nền xây dựng các khu dân cư nông thôn hầu hết phụ thuộc vào việc lựa chọn địa điểm xây dựng thôn bản và tập quán sinh hoạt của mỗi dân tộc, hầu hết nền xây dựng ở các khu dân cư nông thôn đều dựa trên nền địa hình tự nhiên ít san lấp và chỉ san gạt cục bộ. Tuy nhiên ở những khu vực thấp, ven các trục lộ cũng có các trường hợp phải san lấp lớn hoặc san nền theo cấp khi xây dựng công trình để nền công trình phù hợp với địa hình chung của khu vực.

#### b. Hiện trạng thoát nước mặt

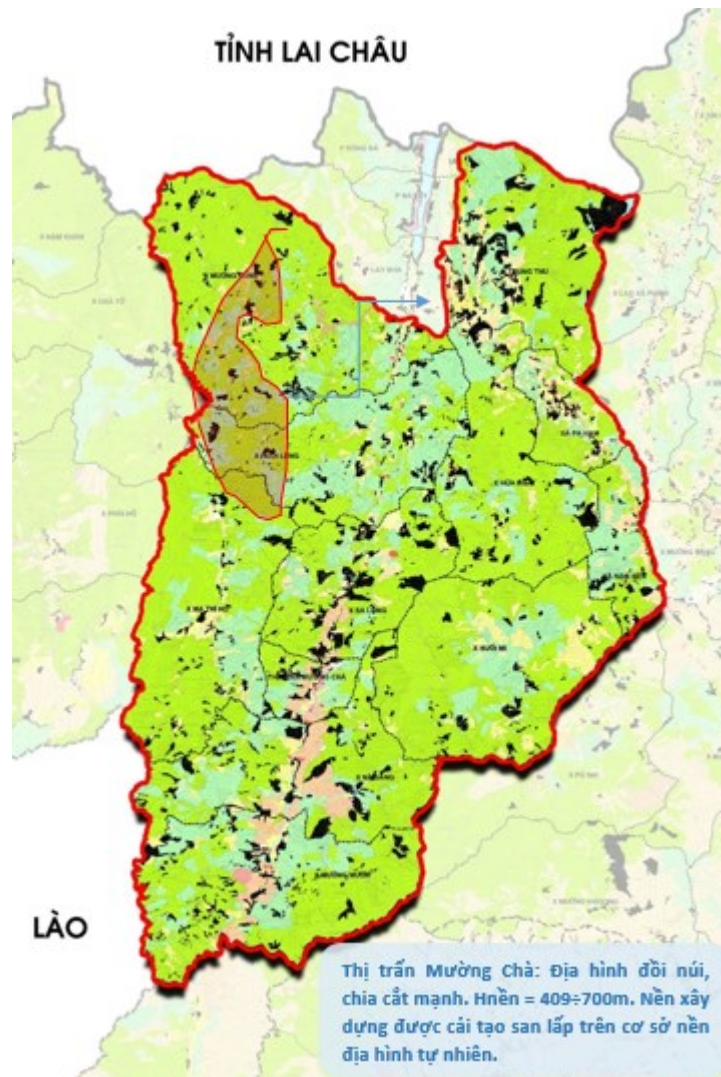


Hệ thống thoát nước mưa đã cơ bản được hình thành ven các trục giao thông và ven các tiểu khu. Hầu hết sử dụng hệ thống thoát chung với nước thải. Chế độ thoát tự chảy. Kết cấu đa dạng kết hợp giữa mương nắp đan, cống tròn và cống hộp. Cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về thoát nước mặt trong thời điểm hiện tại.

Toàn bộ hệ thống thoát nước mưa được bố trí theo mạng lưới giao thông nội thị. Kích thước hệ thống cống thoát nước mưa chính là BxH: 800 x 800 mm, các tuyến nhánh có kích thước Bx H = 600 x 700. Toàn bộ thoát về phía suối Nậm Mươn rồi chảy xuống phía nam về sông Nậm Múc.

Khu vực nông thôn: Khu vực dân cư nông thôn hiện nay hầu như chưa có xây dựng hệ thống thoát nước mưa. Nước mưa chủ yếu thoát theo địa hình tự nhiên ra sông, suối, khe hoặc tự thấm.





Hình 6: Bản đồ hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật huyện Mường Chà

### 3.2.3. Hiện trạng thủy lợi

Hệ thống thủy lợi kênh mương trên địa bàn huyện mặc dù đã được đầu tư nâng cấp, hoàn thiện trong những năm gần đây để phục vụ cho tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp tuy nhiên, mới chỉ đáp ứng được nhu cầu tưới cho cây lúa còn một số cây trồng cạn như bông, lạc, ngô, ... vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu.



Công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng tại xã Ma Thi Hồ, huyện Mường Chà

Giai đoạn 2016-2020, xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa 48 công trình thủy lợi nâng tổng số công trình thủy lợi trên địa bàn huyện lên 70 công trình, phục vụ tưới tiêu cho 1.246 ha lúa ruộng; đầu tư xây dựng 18 công trình kè bảo vệ dân cư, trường học và đất nông nghiệp với tổng chiều dài 6,67km; các công trình thủy lợi sử dụng biện pháp cấp nước chủ yếu là tưới bằng trọng lực.

Trên địa bàn huyện hiện tại có 58 công trình đập dâng và phai tạm. Tổng chiều dài kênh mương là 78,6 km, trong đó: kênh kiên cố 66,3 km, kênh đất 12,3 km.

Năng lực tưới thiết kế là 1.608,5 ha, trong đó: vụ chiêm 640,5 ha, vụ mùa 968,0 ha. Năng lực tưới thực tế là 656,5 ha, trong đó: vụ chiêm 125,5 ha, vụ mùa 531,0 ha.

#### **3.2.4. Hiện trạng cấp điện**

Lưới phân phối điện của Huyện Mường Chà được phát triển nhanh trong những năm gần đây.

Hiện nay, toàn bộ lưới điện Huyện Mường Chà đang được cấp từ:

- Nguồn lưới điện Quốc gia thông qua trạm 110kV Điện Biên, công suất 2x25MVA và trạm 110kV Mường Chà, công suất 1x25MVA.

- Nguồn thủy điện vừa và nhỏ của tỉnh gồm 04 dự án thủy điện vừa và nhỏ gồm:

- + Nhà máy thủy điện Nậm Núa, công suất 10.8MW, xây dựng tại xã Mường Tùng, Huyện Mường Chà; nhà máy phát điện đấu nối vào lưới điện 110kV khu vực.

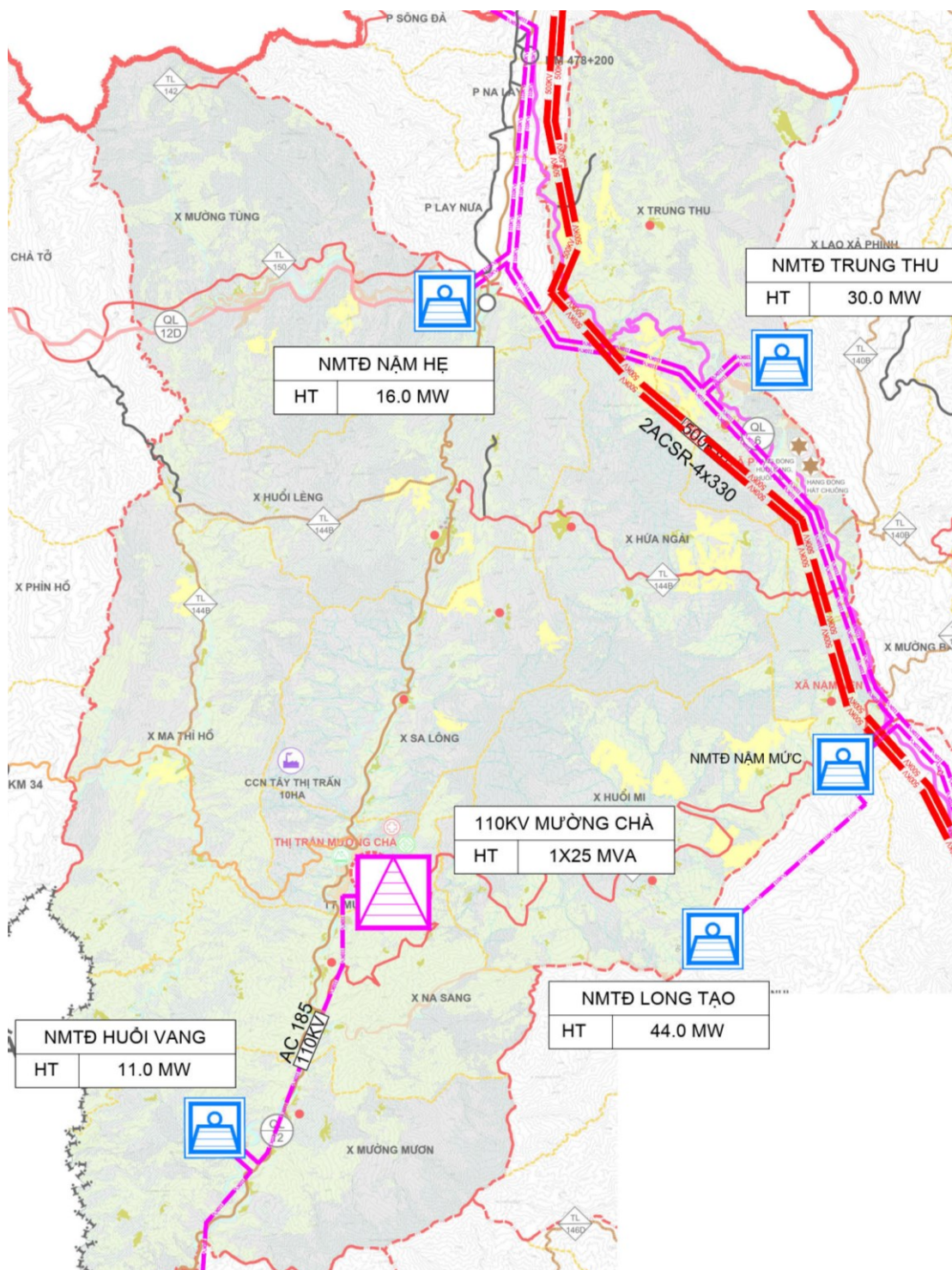
- + Nhà máy thủy điện Trung Thu, công suất 30.0MW, xây dựng tại dòng Nậm Mực thuộc xã Trung Thu huyện Tủa Chùa và xã Pa Ham, Huyện Mường Chà; nhà máy phát điện đấu nối vào lưới điện 35kV khu vực.

- + Nhà máy thủy điện Huổi Vang, công suất 11.0MW, xây dựng tại xã Mường Mươn, Huyện Mường Chà; nhà máy phát điện đấu nối vào lưới điện 110kV khu vực.

- + Nhà máy thủy điện Long Tạo, công suất 44.0MW, xây dựng tại dòng Nậm Mực thuộc xã Pú Xi, huyện Tuần Giáo và các xã Mường Mươn, Na Sang, Huổi Mí, Huyện Mường Chà; nhà máy phát điện đấu nối vào lưới điện 110kV khu vực.



Mạng lưới truyền tải có 02 tuyến 110kV, 500kV từ các TBA 500kV, 220kV, 110kV tỉnh Lai Châu, Sơn La đi qua khu vực huyện, đấu nối với các trạm 110KV tỉnh Điện Biên. Ngoài ra còn có 01 tuyến 110kV mạch kép (hiện đang treo 1 mạch) 110kV Điện Biên – Mường Chà.



Hình 7: Bản đồ hiện trạng cấp điện



Mạng lưới điện nông thôn được cải tạo, nâng cấp, Năm 2020 100% xã có điện lưới quốc gia; năm 2019, tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới đạt 80%, tăng 8% so với năm 2015.

Việc phát triển hệ thống tải điện rộng khắp Huyện Mường Chà đã tạo điều kiện phục vụ sản xuất nông nghiệp, dịch vụ và sinh hoạt, nâng cao trình độ dân trí, văn hoá tinh thần cho nhân dân.

### **3.2.5. Hiện trạng cấp nước**

#### **a. Hiện trạng nguồn nước**

##### **Nước mặt:**

- Nguồn nước mặt trên địa bàn huyện gồm có hệ thống sông suối, công trình thủy lợi.

- Trên địa bàn huyện có các phụ lưu chính là sông Nậm Ma, Sông Nậm Bum, Sông Nậm Pụ, sông Nậm Mức, sông Nậm Cản....chảy qua. Đây là tuyến sông phụ lưu chính cung cấp nguồn nước mặt của huyện.

- Ngoài sông Nậm Ma, Sông Nậm Bum, Sông Nậm Pụ, sông Nậm Mức, sông Nậm Cản thì trên địa bàn huyện còn có các tuyến suối, đây cũng là các nguồn nước mặt cấp cho huyện.

##### **Nước ngầm:**

- Hiện nay nguồn nước ngầm trên địa bàn huyện ít được khai thác để sử dụng vào mục đích ăn uống, sinh hoạt.

#### **b. Hiện trạng công trình cấp nước**

- Nâng cấp sửa chữa 12 công trình nước sinh hoạt. Toàn huyện có 97% dân số thị trấn được sử dụng nước sạch, 87,5% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, tăng 2% so với năm 2015.



*Mường Chà tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng nước sinh hoạt*

- Tính đến năm 2020, tổng số công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn hiện có trên địa bàn huyện 105 công trình, trong đó:

- Công trình hoạt động tốt 28 công trình, chiếm 26,7%;

- Công trình hoạt động trung bình 42 công trình, chiếm 40%;
- Công trình bị hư hỏng xuống cấp, không hoạt động 35 công trình, chiếm 33,3%.

*c. Hiện trạng cấp nước sinh hoạt*

- Hiện nay trên địa bàn huyện đã được cấp nước sạch từ Nhà máy nước sạch Mường Chà với công suất thiết kế là 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

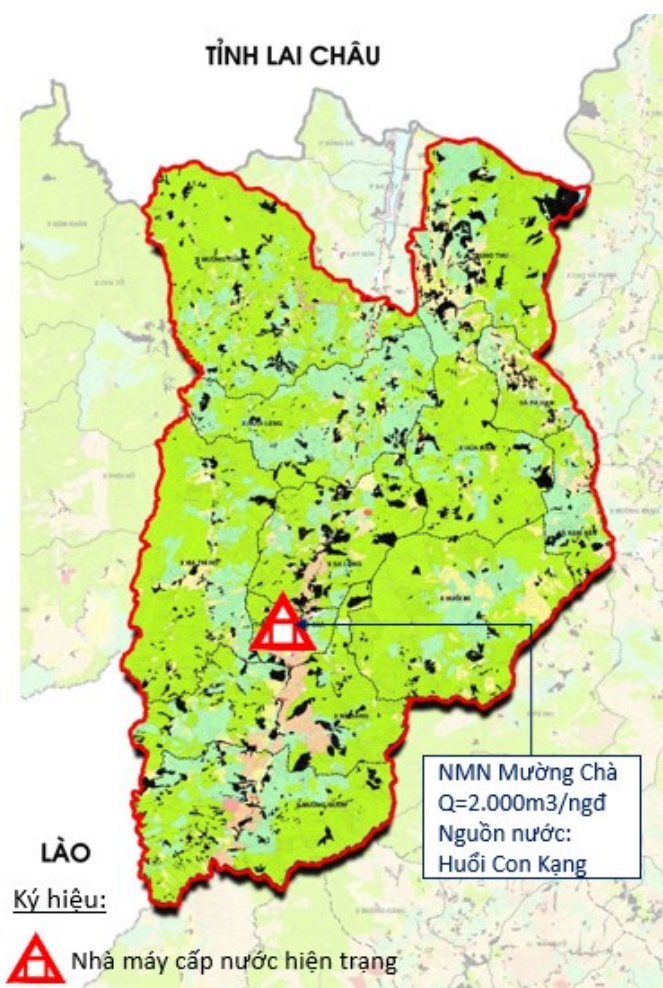
- Nước sinh hoạt của người dân trong huyện chủ yếu là nước tập trung, nước giếng, nước suối, nước tự chảy và nước mưa. Nguồn nước là các khe lạch, nằm ở cao độ nhất định so với mặt bằng khu dân cư, phần lớn các hệ tự chảy nhỏ đều có các bể lọc cát tuy nhiên lại không được thường xuyên bảo dưỡng và thau rửa.

- Cấp nước nông thôn hiện nay chủ yếu từ nguồn nước mặt, nước mưa. Một số khu vực thì sử dụng nước ngầm.

- Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước hợp vệ sinh là >80%.

- Các loại hình cấp nước của khu vực nông thôn huyện rất đa dạng: hệ thống cấp nước tập trung (loại vừa, loại nhỏ), giếng khoan, giếng đào và lu, bể chứa nước mưa.

- Nhìn chung nước sinh hoạt nông thôn từ các loại hình cấp nước nêu trên mới chỉ đạt chất lượng nước hợp vệ sinh. Cần chú trọng đầu tư mới, cải tạo đưa chất lượng nước đạt tiêu chuẩn quốc gia, góp phần xóa đói giảm nghèo, nâng cao sức khỏe cho nhân dân.



Hình 8: Bản đồ hiện trạng cấp nước huyện Mường Chà

### **3.2.6. Hiện trạng thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang**

#### ***Thoát nước thải***

- Hiện tại chưa xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng, trạm xử lý tập trung.
- Nước thải tại một số hộ gia đình, cơ quan sau khi xử lý qua bể tự hoại được đổ chung vào hệ thống cống hộp thoát nước mưa.
- Một số khu vực nước thải sinh hoạt không qua xử lý, ngấm xuống đất hoặc đổ trực tiếp vào các khe suối.

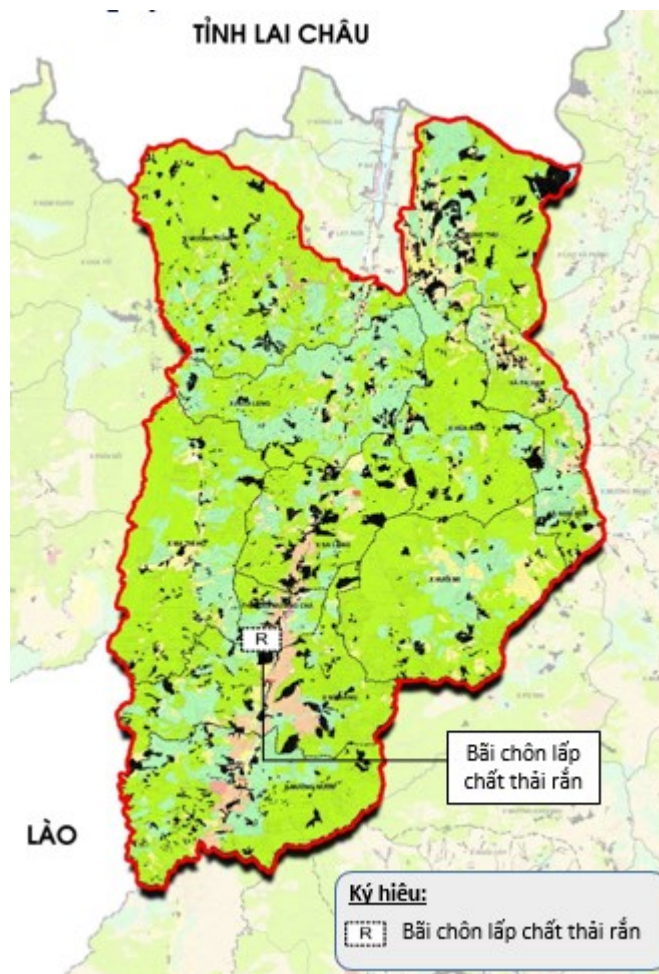
#### ***Thu gom xử lý chất thải rắn:***

- CTRSH phát sinh 2,7 tấn/ngày CTRSH thu gom 2,3 tấn/ngày chiếm khoảng 85% ở khu vực đô thị
- Hiện nay hầu hết CTRSH tại các thôn, bản đều chưa được thu gom xử lý. Các xã nông thôn trên địa bàn các huyện do lượng CTRSH phát sinh không lớn, dân cư phân tán, diện tích đất ở rộng, giao thông đi lại khó khăn và xa các trung tâm xử lý chất thải rắn của đô thị do đó hầu hết các hộ dân khu vực nông thôn đều tự phân loại, một phần làm thức ăn chăn nuôi và bán để tái chế, phần còn lại được đổ thải gần khu vực ở và một số nơi khi đầy thì đốt lộ thiên.
- Bãi chôn lộ thiên thị trấn Mường Chà công suất 1.446 tấn/năm, diện tích khoảng 700 m<sup>2</sup>; Phạm vi phục vụ thị trấn Mường Chà
- Riêng TTYT huyện Mường Chà, CTR y tế nguy hại được đào hố và vận chuyển đến đổ ven tuyến QL4h (cách TTYT 5km) và đốt định kỳ
- Tại các cơ sở y tế tuyến xã và các trung tâm y tế dự phòng chưa có lò đốt: CTR y tế nguy hại phát thải được các cơ sở y tế đốt thủ công hoặc chôn lấp ngay trong khuôn viên bệnh viện.

#### ***Nghĩa trang:***

- Hình thức chôn lấp chủ yếu là hung táng, các bản xa trung tâm đều có các nghĩa trang nhỏ lẻ của từng bản nằm xen kẽ nhà dân, đất nông nghiệp không đảm bảo khoảng cách ly an toàn. Diện tích nghĩa trang của toàn huyện Mường Chà 48 ha





Hình 9: Bản đồ hiện trạng khu xử lý chất thải rắn huyện Mường Chà

#### 4. Đánh giá chung

##### 4.1. Điểm mạnh

- Vị trí: huyện Mường Chà là trung điểm của tỉnh Điện Biên là cầu nối giữa vùng phía Tây Bắc (Mường Nhé, Nậm Pồ) với các vùng phía Đông Nam và phía Nam của tỉnh thông qua QL12, QL4h, QL6.
- Là cầu nối giữa các cụm đô thị lớn của tỉnh Điện Biên là thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay và thành phố Lai Châu thông qua QL12.
- Có tài nguyên thiên nhiên phong phú: Có diện tích đất nông nghiệp lớn phù hợp với nhiều loại cây trồng đại thích hợp cho việc sản xuất nông lâm nghiệp (đặc biệt là lâm nghiệp và các loại cây công nghiệp lâu năm). Có điều kiện phát triển các vùng chuyên canh cao su, dứa, ... cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tài nguyên khoáng sản đa dạng.
- Có Văn hóa đa dạng các dân tộc: Lễ hội Pao dân tộc Mông; lễ hội Kin Pang Then (Then, Tày, Nùng, Thái); Lễ hội Tung Cờn của dân tộc Thái; các trò chơi dân gian khác. Có di sản văn hóa cộng đồng dân tộc ( Thái, Mông, Khơ Mú, Kháng, Hoa)..
- Có cảnh quan thiên nhiên gắn đồi rừng và các hang động.
- Có hệ thống sông, suối dày, độ dốc lớn là tiềm năng phát triển thủy điện.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tương đối ổn định, quốc phòng đảm bảo; nhiều dân tộc anh em sinh sống, đoàn kết, gắn bó tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

#### **4.2. Điểm yếu**

- Địa hình đồi núi phức tạp khó khăn cho việc phát triển mở rộng đô thị, các khu chức năng,...

- Thiếu các tuyến giao thông kết nối, nền kinh tế qui mô nhỏ, phát triển còn chậm, chưa tương xứng với lợi thế và tiềm năng của trong khu vực. Khả năng thu hút đầu tư còn thấp, thiếu nguồn nhân lực có trình độ kỹ thuật cao, chưa phát huy vai trò vị thế của huyện trong tỉnh.

- Khí hậu phân hoá theo mùa gây nên tình trạng thiếu nước về mùa khô, lũ quét về mùa mưa, ảnh hưởng xấu đến hạt động sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân. Bên cạnh đó lũ bão thường xuyên xảy ra gây thiệt hại lớn về cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Là huyện nhiều dân tộc, mặt bằng dân trí không đồng đều; kinh tế - xã hội của huyện vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là về nguồn lực đầu tư; hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tuy đã được quan tâm đầu tư song vẫn thiếu đồng bộ

- Đường biên giới trên địa bàn huyện khá dài lại ở những nơi xa xôi hiểm trở nên vấn đề bảo vệ chính quyền biên giới và an ninh chính trị trong khu vực luôn diễn biến phức tạp, tình trạng buôn lậu qua biên giới vẫn xảy ra.

#### **4.3. Cơ hội**

Huyện Mường Chà là vùng đất hình thành sớm, cư dân cần cù chịu khó với bản sắc văn hóa lâu đời.

Hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (vùng lâm nghiệp và trồng cây lâu năm: cao su, dứa, mắc ca..).

Hình thành các công nghiệp chế biến nông lâm sản, công nghiệp sản xuất VLXD..

Hình thành công nghiệp sản xuất điện (thủy Điện).

Hình thành các điểm dừng chân kết hợp với phát triển du lịch trên các tuyến giao thông đối ngoại.

Phát triển du lịch gắn với du lịch công đồng du lịch văn hóa, lễ hội, sinh thái..

#### **4.4. Nguy cơ**

Tình hình thế giới phức tạp

Cạnh tranh với địa phương lân cận

Tác động của biến đổi khí hậu

Mất cân đối trong phát triển giữa các khu vực

Xung đột giữa phát triển và bảo tồn

Là huyện miền núi, biên giới, địa bàn rộng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của huyện còn gặp nhiều khó khăn; thời tiết diễn biến phức tạp, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi thường xuyên xảy ra ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển sản xuất và đời sống nhân dân; nguồn lực đầu tư từ Ngân sách Nhà nước còn hạn chế, kết cấu hạ tầng kinh tế

- xã hội chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là vùng sâu, vùng xa; trình độ sản xuất, sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn những nhân tố phức tạp; việc điều chỉnh địa giới hành chính đã phần nào gây xáo trộn, khó khăn nhất định cho nhân dân trên địa bàn ...làm ảnh hưởng đến việc lãnh đạo, chỉ đạo và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của huyện.

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 các hoạt động văn hóa xã hội bị ảnh hưởng, tác động xấu đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, đời sống, sinh hoạt của nhân dân bị xáo trộn, thu nhập của người dân giảm, nguy cơ tái nghèo cao.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhân tố gây mất ổn định như: Việc lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, di cư tự do, tội phạm ma túy, mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện ở một số nơi trên địa bàn còn xảy ra. Công tác phối hợp nắm tình hình, quản lý địa bàn, đối tượng có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả chưa cao.

## **PHẦN THỨ 2: ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MUỐNG CHÀ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050.**

### **1. BỐI CẢNH VÀ VỊ THẾ VAI TRÒ CỦA HUYỆN**

#### **1.1. *Bối cảnh phát triển***

##### **1.1.1. *Bối cảnh quốc tế***

Trong những năm tới, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có sự thay đổi nhanh chóng, diễn biến phức tạp, mở ra những cơ hội phát triển nhanh chóng nhưng cũng tiềm ẩn những nguy cơ và thách thức lớn. Một số xu thế tác động trực tiếp tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta những năm tới là:

Toàn cầu hóa và quốc tế hóa sẽ tiếp tục tiến triển nhưng cục diện thế giới đa cực, đa trung tâm sẽ ngày càng rõ nét và sẽ có những điều chỉnh theo các tâm trục và lĩnh vực khác nhau, chủ nghĩa khu vực sẽ tăng lên. Các nước lớn vừa hợp tác, vừa kiềm chế lẫn nhau, cạnh tranh gay gắt hơn;

Cải tổ thương mại đa phương, thúc đẩy liên kết mới: trong bối cảnh Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung được dự báo tiếp tục kéo dài là diễn biến khó lường, các biện pháp bảo hộ gia tăng, các nước sẽ tiếp tục chính sách đa dạng hóa, đa phương hóa liên kết kinh tế, hình thành các trung tâm kết nối mới nhằm giảm phụ thuộc vào một thị trường nhất định.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục là khu vực động lực cho tăng trưởng thương mại toàn cầu thời kỳ tới. Các nước như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Ấn Độ và cả Nga sẽ tiếp tục thúc đẩy thương mại với khu vực châu Á-Thái Bình Dương thông qua các Hiệp định FTA;

Cách mạng công nghiệp 4.0 với nền tảng công nghệ thông tin tạo ra thời cơ mới cho Việt Nam hội nhập sâu hơn và hiệu quả hơn vào kinh tế thế giới.

##### **1.1.2. *Bối cảnh quốc gia***

Việt Nam có quy mô dân số khoảng 97,6 triệu người (tính đến tháng 9 năm 2019), thuộc Nhóm quốc gia đang phát triển với đặc điểm chung là: Thu nhập trung bình thấp, khoảng 2.553 USD/người (2018), đứng hàng thứ 129 trên thế giới; Mức sống khiêm tốn; Chỉ số phát triển con người (HDI) không cao; Rủi ro về sức khỏe gắn với việc thiếu nước uống an toàn, ô nhiễm không khí trong, ngoài nhà và tai nạn giao thông; Hệ thống kinh tế chưa thoát ra khỏi lĩnh vực sản xuất có giá trị gia tăng thấp như nông nghiệp và khai thác tài nguyên tự nhiên, để hướng tới tăng trưởng trong lĩnh vực dịch vụ, giáo dục, nghiên cứu phát triển, thông tin; Nền tảng CN kém phát triển, chưa đạt được mức công nghiệp hóa tương xứng với quy mô dân số; Năng lực hội nhập hạn chế, trước hết là chính sách thương mại; Có nhiều vấn đề phải giải quyết về giáo dục đào tạo, phát triển KHCN, thông tin, văn hóa và tính nghiêm minh của Luật pháp; Chịu sự tác động của BĐKH hậu nhiều hơn so với các nước giàu... Việt Nam đang đứng trước cơ hội và thách thức liên quan đến khả năng huy động sức mạnh toàn dân để vừa tập trung giải quyết các vấn đề cấp thiết nêu trên, vừa phải thúc đẩy Hội nhập quốc tế và Phát triển bền vững. Việt Nam đang tiến hành đổi mới đồng bộ cả chính thể, kinh tế và văn hóa với mục tiêu chuyển từ một quốc gia nông nghiệp trở thành quốc gia biển, phát triển bền vững và mong muốn đến năm 2030 thuộc Nhóm nước công nghiệp mới và đến năm 2045 thuộc Nhóm nước phát triển với tiêu chí chung phổ quát là “Một quốc gia cho phép công dân

của mình được hưởng một cuộc sống tự do và lành mạnh trong một môi trường an toàn”. Theo dự báo của Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và đầu tư, “Tầm nhìn Việt Nam” đang đặt ra những yêu cầu phát triển Việt Nam từ một quốc gia có thu nhập trung bình thấp sang trung bình cao vào những năm 2030 và đến năm 2045 trở thành một quốc gia phát triển thịnh vượng.

### *1.1.3. Bối cảnh của vùng và tỉnh*

Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc là khu vực kinh tế rộng lớn bao gồm 14 tỉnh (Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình) với diện tích lên tới hơn 95 nghìn km<sup>2</sup>, dân số hơn 11 triệu người, giàu tiềm năng khoáng sản, nông - lâm nghiệp, du lịch nhưng có dân cư thưa thớt và phân tán, khí hậu tương đối khắc nghiệt, nhiều khu vực còn có nền kinh tế chậm phát triển.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, kinh tế của Vùng đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Tốc độ tăng GDP bình quân toàn vùng giai đoạn 2004 - 2018 tăng 10%, thu nhập bình quân đầu người của vùng đạt khoảng 44,8 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, theo hướng hiện đại, đến năm 2018 cơ cấu kinh tế vùng chuyển dịch tích cực, ngành công nghiệp xây dựng chiếm tỉ lệ 40,43%, dịch vụ 35,8%, nông lâm nghiệp, thủy sản 18,6%.

Ghi nhận những thành tựu phát triển của Vùng nhưng có thể thấy công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của vùng vẫn đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức như: chưa khai thác và phát huy hết các tiềm năng và lợi thế về địa kinh tế - chính trị của vùng (đặc biệt trong các mối quan hệ của vùng với Trung Quốc và liên vùng); các hoạt động liên kết, hợp tác trong vùng chưa đi vào chiều sâu; phát triển nông nghiệp, du lịch chưa tương xứng với tiềm năng...

Trong những năm qua, mặc dù còn rất nhiều khó khăn nhưng tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Điện Biên đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận.

Cùng với sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp uỷ Đảng và Chính quyền, kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường, đảm bảo yêu cầu, quốc phòng – an ninh được giữ vững. Điện Biên đã và đang từng bước khẳng định và nâng cao vị thế so với các tỉnh thành trong khu vực và cả nước.

## **2. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

### *2.1. Quan điểm phát triển*

Tăng trưởng kinh tế bền vững với khả năng duy trì được tốc độ tăng trưởng nhanh và hiệu quả trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển dịch cơ cấu ngành hợp lý kết hợp tăng năng suất nội ngành. Tăng trưởng nhanh, ổn định nhằm thu hẹp khoảng cách với các địa phương phát triển hơn và tạo điều kiện về tài chính và vật chất để tạo ra những tiến bộ vượt bậc về mặt xã hội. Đồng thời phải duy trì cấu trúc tăng trưởng hợp lý theo xu hướng tăng dần đóng góp của các yếu tố tăng trưởng theo chiều sâu; nâng cao được hiệu quả đạt được của các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế. Tăng trưởng kinh tế được thực hiện trong điều kiện cơ cấu ngành kinh tế luôn được dịch chuyển theo xu hướng tiến bộ, xuất phát từ việc khai thác triệt để được các



thể mạnh của địa phương và đáp ứng được các yêu cầu về liên kết, hội nhập kinh tế quốc tế cũng như khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy tiến bộ xã hội gắn kết chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội. Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy, tạo sự lan tỏa phát triển con người; nâng cao năng lực cho chính bản thân con người (tài lực, trí lực, thể lực); tạo cơ hội mở rộng sự tham gia của con người đối với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy xóa đói, giảm nghèo, không làm bất công bằng xã hội gia tăng.

Tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Quá trình tăng trưởng kinh tế phải quán triệt và bảo đảm sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, tăng năng suất, hiệu quả sử dụng tài nguyên, kéo dài chuỗi giá trị của sản phẩm hàng hóa; hướng đến tăng trưởng thân thiện với môi trường, ít gây tổn hại, ô nhiễm môi trường, lựa chọn ngành sản phẩm, quy trình công nghệ cũng như loại hình công nghệ sử dụng trong sản xuất. Đồng thời phải có biện pháp đồng bộ về chống ô nhiễm môi trường phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm xử lý kịp thời ô nhiễm môi trường và giảm thiểu tác động xấu của ô nhiễm môi trường. Tăng trưởng kinh tế gắn với điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu, các ngành sản phẩm, các công nghệ sản xuất làm giảm nhẹ biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính. Mặt khác, quá trình phát triển phải được điều chỉnh theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm giảm thiểu khả năng bị tổn thương và tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

Từ việc xác định mô hình phát triển kinh tế của huyện đến năm 2030 là mô hình phát triển theo hướng bền vững, xác định: Động lực tăng trưởng kinh tế tiếp tục là ngành thương mại dịch vụ; chuyển dần sang tăng trưởng theo chiều sâu trên cơ sở nâng cao chất lượng tăng trưởng trên cơ sở nâng cao đóng góp của nhân tố lao động vào tăng trưởng kinh tế. Nâng cao đóng góp của các doanh nghiệp trong nước để đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững. Nhà nước thực hiện vai trò kiến tạo để tạo hành lang pháp lý cho phát triển.

## **2.2. Mục tiêu phát triển**

### **2.2.1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; đẩy mạnh đổi mới toàn diện, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tối đa nguồn lực và phát huy lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên. Thực hiện tốt các chính sách về an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước, trong đó tập trung đẩy mạnh công cuộc xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân, đặc biệt quan tâm chú trọng đến các bản vùng cao, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội mới phát sinh; tập trung xây dựng nông thôn mới, từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế; phát triển và giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân, bảo tồn phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc; đảm bảo chất lượng dạy và học, xây dựng xã hội học tập; củng cố quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

### **2.2.2. Mục tiêu cụ thể**

#### **a. Các chỉ tiêu phát triển kinh tế đến năm 2030**

- Tỷ trọng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp - thủy sản là 30%, công nghiệp - xây dựng là 32%, thương mại - dịch vụ 38%.

- Tổng sản lượng lương thực đạt 25.000 tấn; bình quân lương thực đầu người 550 kg/người/năm. Thu nhập bình quân đầu người đạt 50 triệu đồng/năm.

- Tổng thu ngân sách địa phương với tốc độ tăng trưởng bình quân 10%/năm.

- Đến năm 2030 đón khoảng 50 nghìn lượt khách

*b. Chỉ tiêu dân số, văn hóa xã hội, lao động, việc làm*

- Đào tạo nghề cho 300-400 lao động/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt từ 60% trở lên vào năm 2030; giải quyết việc làm và việc làm mới cho khoảng 500-600 lao động/năm.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo 4-5%/năm.

- Duy trì, nâng cao các tiêu chí phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi; phổ cập GDTH mức độ 3; xóa mù chữ cấp độ 2; đạt chuẩn phổ cập GDTHCS mức độ 3; trên 70% trường học đạt chuẩn chất lượng giáo dục và đạt chuẩn quốc gia. Sắt nhập 10 đơn vị trường, giảm 5 đơn vị trường học.

- Phân đầu tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe đạt trên 90%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%; 100% xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ 9,17 bác sỹ/1 vạn dân; tỷ lệ giường bệnh đạt 20 giường/1 vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 95,4%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiều cao/tuổi còn 22%.

- Phân đầu trên 59% số hộ gia đình, 71,8% số thôn bản, tổ dân phố, 100% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, 80% thôn bản, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng; duy trì, nâng cao chất lượng hoạt động nhà văn hóa cấp xã.

*c. Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội*

- Duy trì 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm đi lại được quanh năm.

- 85% đường trục thôn, bản, liên thôn bản đến trung tâm xã được bê tông hóa; 100% đường nội bản được bê tông hóa;

- 100% số phòng học được kiên cố hóa;

- 95% số hộ được dùng điện lưới quốc gia;

- Hòa thiện các tiêu chí đô thị thị trấn Mường Chà loại V;

- Chương trình Xây dựng nông thôn mới: trung bình các xã đạt 17 tiêu chí/xã; 7 xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới; 5 xã cơ bản đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới, các xã khác đạt từ 13 tiêu chí trở lên.

*c. Chỉ tiêu về quốc phòng an ninh*

- Giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền biên giới quốc gia; bảo đảm quốc phòng, an ninh và tăng cường khối đoàn kết các dân tộc; kiểm chế, đẩy lùi tội phạm, tai, tệ nạn xã hội. Đảm bảo chỉ tiêu tuyển quân 100%/năm.

*d. Chỉ tiêu về đường lối, chính sách, quản lý nhà nước*

- Hoàn thành 100% chương trình kế hoạch thanh tra hàng năm; giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đạt 85% trở lên đối với các vụ việc mới phát sinh.

### **3. ĐỊNH HƯỚNG KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI.**

#### **3.1. Cấu trúc không gian phát triển tỉnh Điện Biên**

Đề xuất định hướng phát triển không gian lãnh thổ tỉnh Điện Biên gồm 03 vùng kinh tế với 01 tiểu vùng, 03 cực tăng trưởng và 04 trục phát triển kinh tế, cụ thể như sau:

**\*) 03 vùng kinh tế:**

(1) Vùng kinh tế I: Bao gồm thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên, huyện Điện Biên Đông. Vùng nằm dọc theo trục động lực gắn với hành lang phát triển QL12 và QL279, với trung tâm là thành phố Điện Biên Phủ, là đầu tàu cho sự phát triển của toàn tỉnh.

(2) Vùng kinh tế II: Bao gồm huyện Tủa Chùa, huyện Tuần Giáo và huyện Mường Ảng phát huy lợi thế về giao thông đường thủy trên sông Nậm Mực và trục QL6 để phát triển dịch vụ vận tải hàng hóa và công nghiệp chế biến lâm sản gắn với trồng rừng và phát triển ngành chăn nuôi.

(3) Vùng kinh tế III: Bao gồm thị xã Mường Lay, huyện Mường Nhé, huyện Mường Chà và huyện Nậm Pồ, phát huy lợi thế về sản xuất nông lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến gắn với thương mại – dịch vụ qua cửa khẩu biên giới.

**\*) 01 tiểu vùng:** Tiểu vùng I – Tp. Điện Biên Phủ: Thuộc Vùng kinh tế I. Là một đô thị nén và là đầu mối thương mại – dịch vụ.

**\*) 04 trục phát triển kinh tế:**

1) Trục kinh tế động lực gắn với QL279 và đường Cao tốc Sơn La – Điện Biên: Là trục nối kết các trọng điểm đô thị, du lịch, dịch vụ, cửa khẩu, cảng hàng không của tỉnh với thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Đông và Đông Nam (Lai Châu – Yên Bái – Lạng Sơn – Quảng Ninh...).

2) Trục kinh tế phát triển dọc theo QL12 là trục kết nối thành phố Điện Biên Phủ với các vùng kinh tế trong tỉnh như (huyện Mường Chà, thị xã Mường Lay) và với tỉnh Lai Châu đến cửa khẩu Mù Là Thàng.

3) Trục kinh tế phát triển dọc theo QL6 Là trục kết nối thị xã Mường Lay với khu vực huyện Tuần Giáo và các tỉnh phía Đông Nam như: Sơn La – Hòa Bình – Hà Nội.

4) Trục kinh tế phát triển dọc theo QL4H là trục kết nối nội tỉnh nằm trong vùng kinh tế 3 kết nối cửa khẩu ApaChải (huyện Mường Nhé) với huyện Mường Chà.

**\*) 04 cực tăng trưởng:**

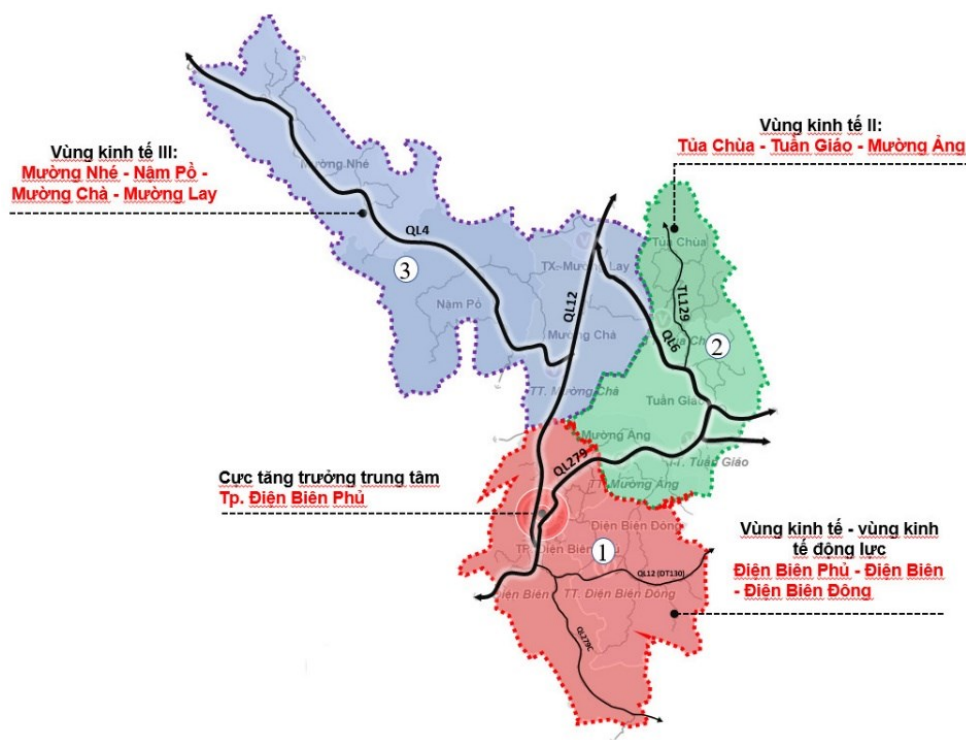
- *Thành phố Điện Biên Phủ:* là đô thị trung tâm tỉnh, trung tâm hành chính chính trị, kinh tế xã hội, thương mại dịch vụ, du lịch, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, văn hóa nghệ thuật của Tỉnh Điện. Đô thị trung tâm của vùng Tây Bắc gắn với các dự án chiến lược tạo sự đột phá gồm: Xây dựng hình ảnh đô thị Văn hóa - lịch sử và du lịch; Khu vực trung tâm động lực; phát triển mạnh vận tải trung chuyển quốc tế gắn với cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc và trục kinh tế Viên Chăn - Điện Biên Phủ - Côn Minh

- *Thị xã Mường Lay:* phát triển Mường Lay thành trung tâm du lịch sinh thái của vùng phía Bắc tỉnh. Xây dựng các cơ sở phục vụ du lịch, tạo các sản phẩm du lịch đa dạng gắn với văn hóa bản địa.

- *Thị trấn Tuần Giáo:* phát triển Tuần Giáo thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ thương mại cửa ngõ phía Đông của tỉnh. Phát triển, thu hút đầu tư xây dựng các CCN để thúc đẩy kinh tế của thị trấn cũng như vùng huyện Tuần Giáo. Đầu mối của các trục giao thông đối ngoại quan trọng QL6, QL279. Có tiềm năng về phát triển du lịch, sản xuất chế biến nông lâm sản, dịch vụ thương mại.

- Thị trấn Mường Nhé: là trung tâm vùng kinh tế số III, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, du lịch sinh thái và đặc biệt là thương mại - dịch vụ qua cửa khẩu biên giới.

Phát triển 04 cực tăng trưởng sẽ thu hút nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng, tập trung phát triển đô thị, du lịch, công nghiệp chế biến (chế biến nông, lâm sản) và dịch vụ, tăng cường và tạo ra các liên kết phát triển mới với các tỉnh trong vùng cũng như với các tỉnh Bắc Lào và Tây Nam Trung Quốc nhằm đạt được tỷ lệ tăng trưởng cao.



Hình 10: Sơ đồ cấu trúc không gian phát triển tỉnh Điện Biên

### 3.2. Cấu trúc không gian phát triển huyện Mường Chà

- **Hướng phát triển Chính của đô thị**

- Tập trung mật độ xây dựng cao tại một số khu vực trọng yếu (trung tâm), trên nền không gian xanh hiện trạng; đa dạng hóa dịch vụ và tăng giá trị đất, tránh việc đầu tư dàn trải.

- Giữ được không gian kiến trúc cảnh quan đặc thù riêng cho khu vực.

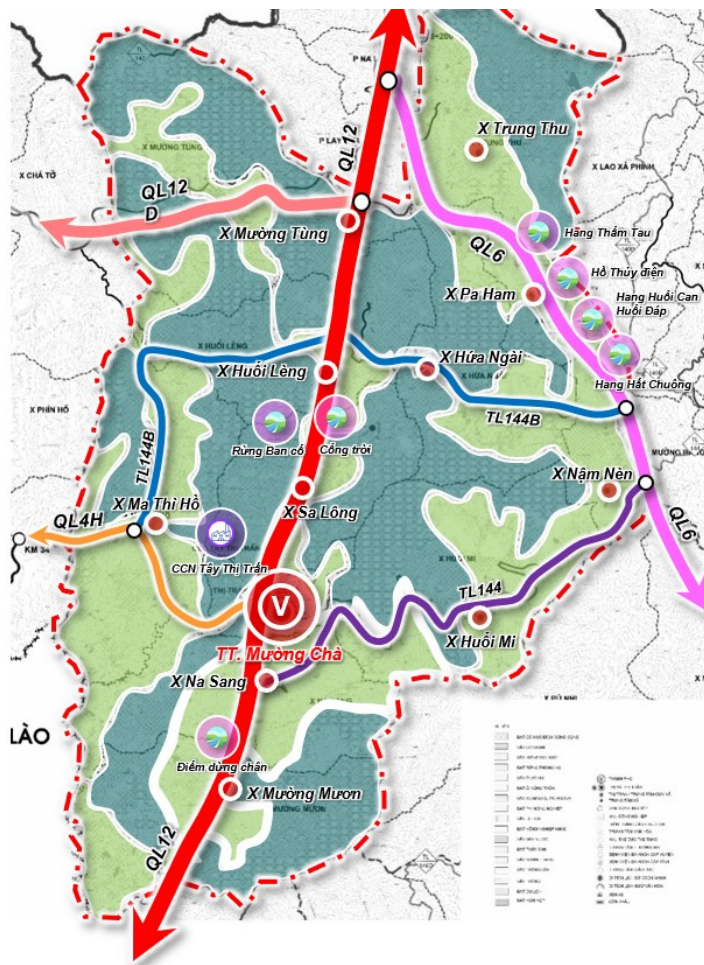
- Hình thành nên một khu đa chức năng đáp ứng nhu cầu làm việc, đồng thời đáp ứng được nhu cầu sống của cư dân trong khu vực;

- Tạo đà thu hút cư dân đến sinh sống tại khu vực thị trấn với môi trường thuận lợi cho việc giao lưu văn hóa, làm nên nét đặc sắc riêng của khu vực.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan ở trục đường chính, trục cảnh quan ven sông, các khu công cộng của thị trấn.

- Quy hoạch nên một khu vực đô thị trên nền xanh tạo nên không khí, cảnh quan của một công viên lớn thỏa mãn nhiều hoạt động công cộng, hướng đến một đô thị phát triển bền vững, thu hút phát triển du lịch bền vững theo hướng hòa nhập và thân thiện với môi trường.

- Quy hoạch hệ thống các khu chức năng bố trí phù hợp, tận dụng tối đa các điều kiện sẵn có để xây dựng và phát triển.



*Định hướng phát triển không gian huyện Mường Chà*

- **Các trục không gian chính và hệ thống trung tâm đô thị**

- Các Khu trung tâm sẽ tổ chức hệ thống không gian khu vực phù hợp với điều kiện địa hình và tính chất khai thác của quỹ đất.

- Hệ thống các trung tâm bố trí độc lập và tăng bậc theo tính chất các khu chức năng.

- Bố cục chiều cao Trong không gian đô thị

- Do đặc điểm địa hình đồi núi dốc các công trình có chiều cao thấp và tổ chức xây dựng tầng bậc mô phỏng hình ảnh của ruộng bậc thang và phù hợp với điều kiện địa hình và cảnh quan từng khu vực cụ thể.

- Hạn chế các công trình xây cao tầng, tập trung tổ hợp, hợp khối lớn các công trình Trên mặt bằng tạo nét bề thế và gắn kết với địa hình.

- Chọn lựa một số có điểm nhìn quan trọng trong không gian đô thị xây cao tầng để làm điểm nhấn cho đô thị.

- Khai thác điều kiện địa hình dốc để tạo tầm nhìn cho công trình ra phía hồ và các vùng cảnh quan đẹp. Các công trình được xây thấp dần từ phía đồi núi và thấp Dần về phía Hồ Nậm Lay.

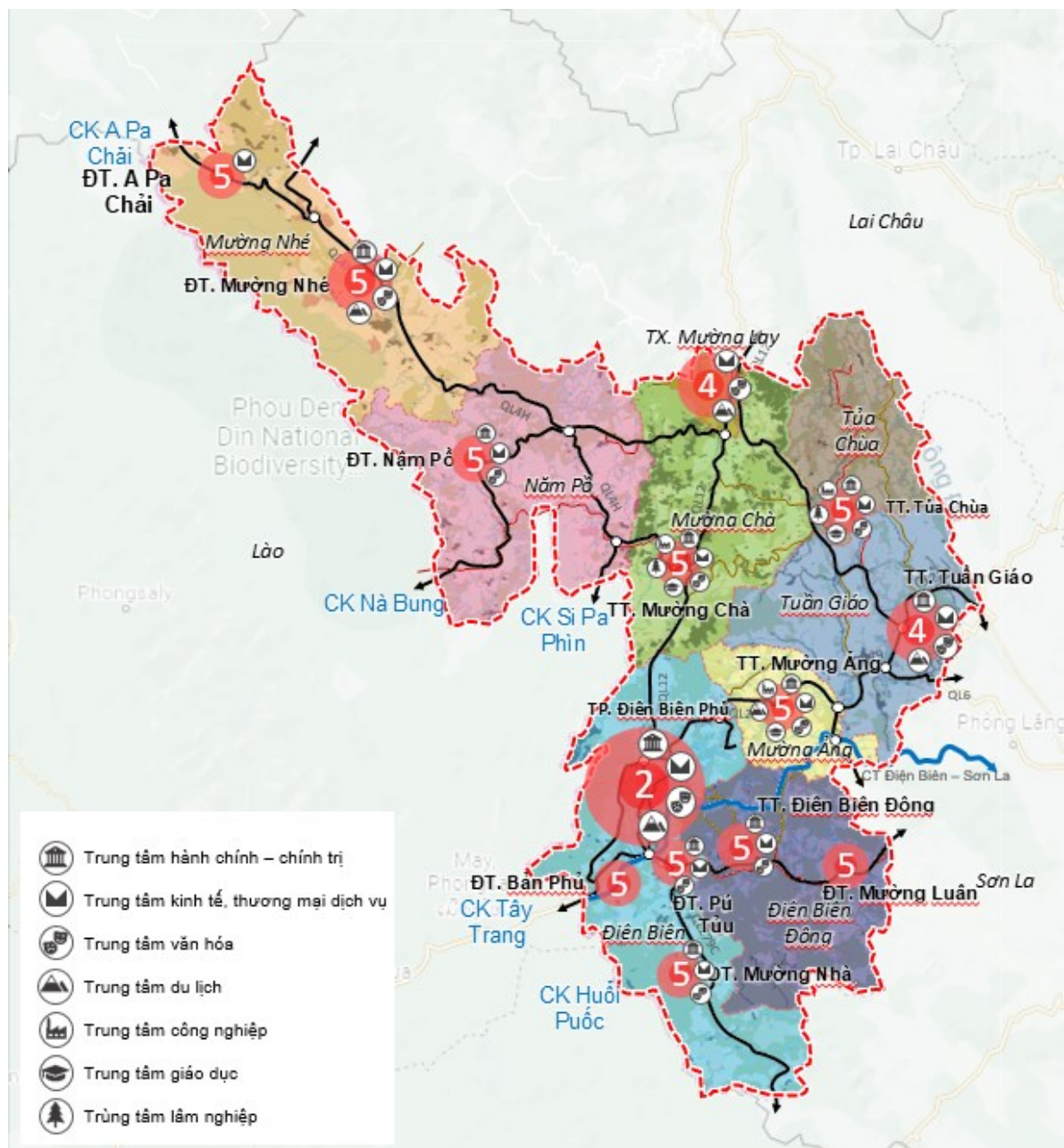
- Cảnh quan đô thị
- Khai thác cảnh quan ven hồ và kết nối vào sâu trong rừng núi thông qua hệ thống các Khe suối khá phong phú trên địa bàn thị xã.
- Khu vực đồi núi dọc hai bên hồ Nậm Lay tổ chức trồng rừng phòng hộ kết hợp với cây có giá trị kinh tế, du lịch để tạo thẩm mỹ cho không gian đô thị. Hạn chế việc trồng nương đốt rẫy trong các khu vực này.
- Khu vực ven hồ phải tổ chức hệ thống cây xanh sinh động phù hợp với Yêu cầu thẩm mỹ của khu vực cụ thể, góp phần bảo vệ môi trường, hạn chế trôi trượt đất. Đặc biệt là cây dừa là loại cây rất phù hợp với điều kiện tự nhiên của khu vực thị xã và có giá trị cảnh quan cho du lịch rất lớn.
- Bố Trí các điểm quan sát, ngắm cảnh tại các vị trí có tầm nhìn đẹp phục vụ cho khai thác du lịch.
- Căn cứ vào kế hoạch điều tiết nước của hồ thủy điện để khai thác yếu tố mặt nước Vào tạo cảnh quan cho không gian đô thị.
- Hình thức kiến trúc trong đô thị
- Hình thức kiến trúc mở, khai thác tối đa hình ảnh kiến trúc nhà sàn vào kiến trúc Công trình cũng như kết hợp hài hoà giữa kiến trúc và thiên nhiên tạo mỹ quan cho đô thị đáp ứng nhu cầu khai thác du lịch.
- Sử dụng, khai thác các vật liệu địa phương và cảnh quan thiên nhiên phong phú và Hình thức kiến trúc để đảm bảo tính thống nhất trong tổ chức không gian kiến trúc và mục đích khai thác du lịch trên địa bàn thị xã.
- Hạn chế các kiến trúc pha tạp, tự phát, không phù hợp với văn hóa bản địa xây dựng trên địa bàn thị xã.

### **3.3. Định hướng không gian phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn**

#### **3.3.1. Phân bố hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn**

##### **a) Hệ thống đô thị**





Hình 11: Định hướng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Điện Biên

ST T	Huyện, TP	Đô thị	2020		2025		2030	
			Dân số đô thị	Cá p hạn g đô thị	Dân số thành thị	Cá p hạn g đô thị	Dân số thành thị	Cá p hạn g đô thị
1	Thành phố Điện Biên Phủ	Thành phố Điện Biên Phủ	57.668	III	107.982	II	151.690	II

2	Thị Xã Mường Lay	Thị Xã Mường Lay	6.185	IV	11.909	IV	22.912	IV
3	Huyện Mường Nhé	Đô thị Apachải		-	2.000	-	2.208	V
4		TT Mường nhé	8.000	-	8.618	V	9.495	V
5	Huyện Mường Chà	TT Mường Chà	4.232	V	4.788	V	5.840	V
6	Huyện Tủa Chùa	TT Tủa Chùa	7.900	V	8.938	V	10.828	V
7	Huyện Tuần Giáo	TT Tuần Giáo	8.225	V	13.246	IV	21.259	IV
8	Huyện Điện Biên	Đô thị Mường Nhà		-	4.000	-	4.867	V
9		Đô thị Bản Phủ		-	8.500	-	10.342	V
10		TT Pú Tiủ	7.585	-	8.374	V	10.220	V
11	Huyện Điện Biên Đông	TT Điện Biên Đông	3.530	V	3.994	V	4.867	V
		Đô thị Mường Luân		-	4.262	V	5.232	V
12	Huyện Mường Ăng	TT Mường Ăng	5.431	V	6.145	V	7.422	V
13	Huyện Nậm Pồ	TT Nậm Pồ	4.823	-	5.457	V	6.532	V
	<b>Tổng</b>		<b>93.171</b>		<b>198.213</b>		<b>273.714</b>	

Định hướng đến năm 2030 thị trấn Mường Chà tiếp tục củng cố, hoàn thiện tiêu chí đô thị loại V với dự báo quy mô dân số đô thị khoảng 5,4 nghìn người.

Định hướng phát triển không gian đô thị:

Không gian đô thị phát triển theo hướng Tây và Tây Nam chạy dọc theo QL12 và suối Mường Mươn kéo dài từ cầu Na Pheo đến cầu Na Sang xã Na Sang; Tuyến đường chính theo phương ngang ven khu đất nghỉ dưỡng vuông góc thẳng từ sân vận động trung tâm đi hướng Si Pa Phin; toàn bộ thị dựa lưng vào sườn núi phía Đông, và quay mặt về phía thung lũng suối Nậm Mươn.

Khu vực cửa ngõ phía Bắc đi vào đô thị thị trấn Mường Chà, San đồi và nắn lại dòng suối, kè bờ kiên cố tạo quỹ đất xây dựng để tập trung phát triển thành khu ở mới với kiểu nhà ở chia lô bám dọc theo Quốc lộ 12 và các trục đường giao thông nội bộ.

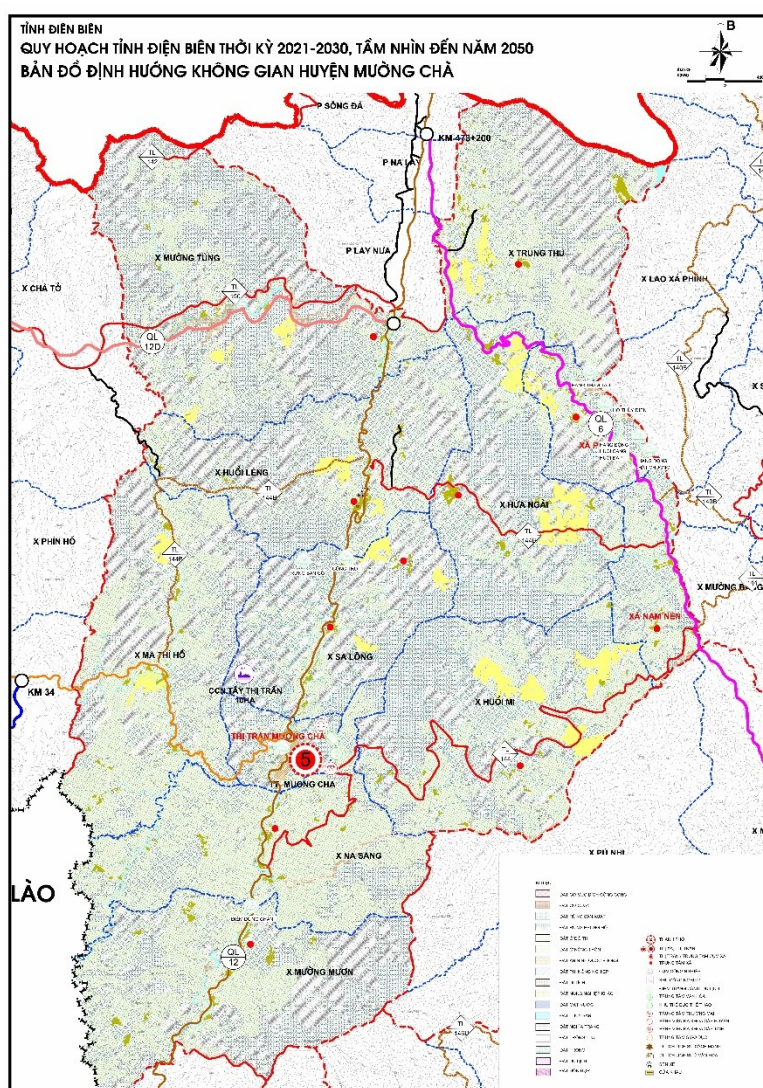
Nắn dòng suối cũ để hình thành các lô đất ở mới: Các khu dân cư mới được tập trung phát triển theo dạng nhà lô phố và biệt thự song lập tại khu vực xung quanh khu vực trung tâm nghỉ dưỡng, vừa tận dụng được môi trường cảnh quan thiên nhiên, vừa



tạo dựng được môi trường sống mới hiện đại, thu hút người dân từ nơi khác đến sinh sống tại khu vực này.

Khu đất đối diện trung tâm nghỉ dưỡng (phía tây phải đường đi Si Pa Phìn được san lấp để thực hiện bố trí tái định cư cho các hộ dân nằm trong diện phải đền bù giải tỏa khi thực hiện các công trình đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện, ngoài ra khu vực bám mặt đường đi Si Pa Phìn được bố trí quỹ đất ở mới nhằm đầu giá đất để tạo nguồn thu cho ngân sách huyện đầu tư các công trình mục tiêu trên địa bàn, lõi khu đất được bố trí xen kẽ công viên cây xanh nhằm tạo môi trường sống trong lành.

Phát triển tiếp không gian cây xanh tập trung ở giữa khu. và các khu đất thương mại dịch vụ, công cộng mới bám theo trục trung tâm theo phương ngang, tận dụng các khu đất thuận lợi để phát triển đất ở đô thị nhằm thực hiện đầu giá quyền sử dụng đất. Nổi bật ở khu vực này là khu đất sử dụng hỗn hợp bám trục đường chính của thị trấn, công trình kết hợp với hệ thống cây xanh khu vực và dọc suối tạo điểm nhấn và tầm nhìn cho cánh đồng và khu vực phía tây suối.

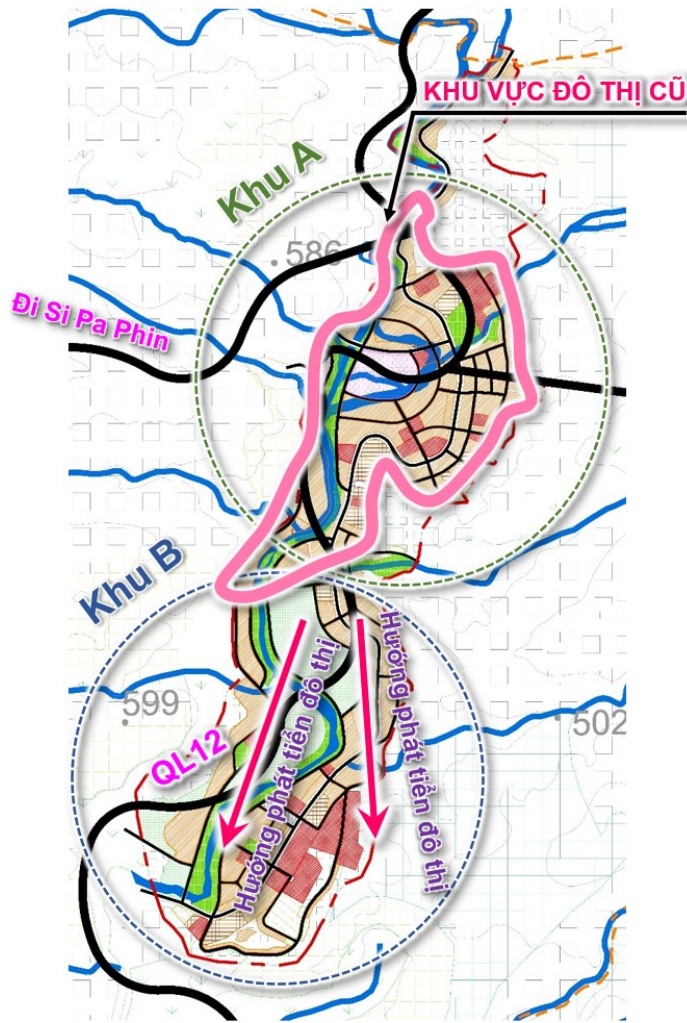


Hình 12: Định hướng hệ thống đô thị huyện Mường Chà

Thị trấn Mường Chà định hướng phân thành 2 khu A và B, như sau:

- ❖ Phát triển không gian của phân khu A (khu đô thị cũ) theo hai trục chính sau:

- Trục thứ 1: Trục trung tâm theo phương dọc Bắc - Nam, bám theo tuyến trục Quốc lộ 12, xuyên suốt toàn thị trấn.
- Trục thứ 2: Tuyến đường chính theo phương ngang ven khu đất nghỉ dưỡng vuông góc thẳng từ sân vận động trung tâm đi hướng Si Pa Phin.
- Ở cửa ngõ phía Bắc đi vào đô thị thị trấn Mường Chà: San đồi và nắn lại dòng suối, kè bờ kiên cố tạo quỹ đất xây dựng để tập trung phát triển thành khu ở mới với kiểu nhà ở chia lô bám dọc theo Quốc lộ 12 và các trục đường giao thông nội bộ.
- Nắn dòng suối cũ để hình thành các lô đất ở mới: Các khu dân cư mới được tập trung phát triển theo dạng nhà lô phố và biệt thự song lập.
- ❖ Phát triển không gian khu B tập trung phát triển mở rộng đô thị về hướng Nam
- Phát triển các khu dân cư dọc theo chân đồi phía Tây dòng suối và cũng hình thành chức năng đất ở kiểu biệt thự, nhà vườn với diện tích xấp xỉ khoảng 200 - 250 m<sup>2</sup>/hộ với giải pháp kết khai thác du lịch theo hướng thôn dã và trải nghiệm (kiểu homestay).
- Bổ sung thêm chức năng đất công cộng, cơ quan, trường học cho khu trung tâm phía Tây nhằm kéo theo sự phát triển cho khu mới phía Tây và đảm bảo bán kính phục vụ tốt của các chức năng công cộng này.
- Tạo điểm nhấn cho phía cửa ngõ vào thị trấn bằng trục cảnh quan: Quảng trường công viên cây xanh và công trình công trình thương mại dịch vụ khách sạn.



*Bản đồ định hướng không gian thị trấn Mường Chà*

*b) Khu dân cư nông thôn*

Định hướng phát triển khu vực nông thôn theo các mô hình nông thôn mới như sau:

❖ *Mô hình cụm đổi mới*

Được hình thành nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa chất lượng cao. Bán kính phục vụ 2 - 3km. 1 huyện hình thành 1 -2 cụm đổi mới. Về vị trí, cụm đổi mới được tổ chức gần với trung tâm huyện lỵ hoặc trung tâm tiểu vùng trong huyện và nằm trên trục giao thông chính của vùng để thuận tiện liên hệ với bên ngoài huyện.

❖ *Mô hình làng nghề truyền thống*

Các làng nghề truyền thống: Bảo tồn, không phát triển dân cư mới, nâng cấp điều kiện hạ tầng (giao thông, thoát nước, ...). Tách các công đoạn sản xuất gây ô nhiễm khỏi khu ở, ra khu sản xuất tập trung.

Hình thành khu vực quảng bá sản phẩm kết hợp du lịch sinh thái.

Hình thành các khu ở mới cho các làng nghề (đơn lẻ) hoặc cho cụm làng nghề. Quy mô lô đất 150-200 m<sup>2</sup>/hộ.

❖ *Mô hình làng chăn nuôi*

Áp dụng mô hình VAC trong sản xuất kinh tế hộ gia đình.

Hình thức canh tác theo kiểu trang trại đang có chiều hướng phát triển. Quy mô trang trại phổ biến 0,3-0,5 ha/hộ. Những khu sản xuất tập trung khoảng 35-40 ha. Các trang trại nằm ngoài khu vực thôn xóm.

❖ *Mô hình làng trồng rau an toàn*

Các xã trồng rau tập trung nên bố trí 1 điểm hỗ trợ sản xuất với chức năng chính là dịch vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và bảo quản sau thu hoạch. Quy mô khoảng 1-2 ha. Vị trí được tổ chức gắn liền với một trong các trung tâm xã trong cụm.

- Sản xuất trồng rau được phát triển theo mô hình trang trại rau an toàn, được bố trí tập trung xung quanh khu ở hiện có.

- Đối với xã có cảnh quan đẹp có thể hình thành điểm du lịch sinh thái gắn kết với khu vực trang trại trồng rau tập trung nhằm phát triển dịch vụ du lịch trong xã.

- Dân cư phát triển mới được bố trí tập trung chủ yếu vào điểm dân cư trung tâm xã theo dạng hộ phi nông nghiệp. Bình quân khoảng 150m<sup>2</sup>/hộ.

### **3.4. Định hướng phát triển công nghiệp**

#### **3.4.1. Quan điểm phát triển**

- Phát triển công nghiệp-TTCN của địa phương phải phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Quy hoạch phát triển các ngành kinh tế của tỉnh; Quy hoạch công nghiệp của Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và cả nước; liên kết giữa các vùng kinh tế, các địa phương; thu hút và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, liên kết đầu tư để phát triển công nghiệp-TTCN.

- Phát triển công nghiệp trên cơ sở phát huy được tiềm năng, lợi thế của địa phương đảm bảo hiệu quả, bền vững, làm nền tảng phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ khác; sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên và đảm bảo các yêu cầu về môi trường; tiếp tục giảm dần và phát triển hợp lý ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (đặc biệt là chế biến nông, lâm sản).

- Tập trung đầu tư phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng và lợi thế của địa phương. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tiếp tục phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, vật liệu xây dựng, sản xuất cơ khí trong giai đoạn trước mắt tiến tới sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp và các sản phẩm công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao trong giai đoạn sau;

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi và huy động hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế; khuyến khích phát triển khu vực kinh tế dân doanh và đầu tư nước ngoài;

- Phát triển công nghiệp theo hướng cơ cấu lại các ngành sản xuất gắn với đẩy mạnh chuyển dịch tăng tỷ trọng các ngành có kỹ thuật, công nghệ cao, đóng góp lớn cho ngân sách và ít gây ô nhiễm môi trường. Kết hợp hài hòa giữa phát triển theo rộng và chiều sâu, chủ động liên doanh, liên kết với các tập đoàn đa quốc gia để từng bước tham gia vào trong chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu;

- Phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị, từng bước hình thành các cụm công nghiệp - đô thị - dịch vụ, tạo ra trung tâm kinh tế có sức lan tỏa và là động lực phát triển kinh tế của khu vực; Củng cố, mở rộng các làng nghề truyền thống và phát triển nghề, làng nghề mới, tạo thêm việc làm cho người lao động;



- Phát triển công nghiệp gắn với phát triển bền vững, không thu hút đầu tư bằng mọi giá. Đồng thời luôn dành quỹ đất cho phát triển giai đoạn tiếp theo và đón những dự án lớn, công nghệ hiện đại góp phần tích cực vào chuyển đổi cơ cấu công nghiệp.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp gắn với với bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc, phát triển du lịch, thương mại, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn;

#### **3.4.2. Phương hướng phát triển**

- *Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản:* Phát triển ngành khai thác khoáng sản đáp ứng nhu cầu phát triển ngành chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD và các ngành công nghiệp trên địa bàn. Khuyến khích sử dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến khoáng sản nhằm nâng cao hệ số thu hồi khoáng sản, tiết kiệm tài nguyên, hợp lý và hiệu quả sử dụng các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, có sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước.

- Nâng cao tính tập trung công nghiệp, tạo điều kiện hình thành một số vùng khai thác và chế biến khoáng sản với giá thành thấp.

- Đẩy mạnh công tác điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế tài nguyên khoáng sản để làm căn cứ xây dựng kế hoạch, đầu tư khai thác và chế biến có hiệu quả.

- *Chế biến nông sản, thực phẩm:* Tiếp tục đầu tư, phát triển ngành chế biến nông sản, thực phẩm dựa trên những tiềm năng lợi thế về đất đai, thổ nhưỡng trong phát triển các sản phẩm nông nghiệp như gạo, cà phê, chè, sắn... Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm trên cơ sở gắn với quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu.

- Phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm trên cơ sở gắn với quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu. Phát triển các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nông sản theo chu trình nông nghiệp an toàn GAP, từng bước hướng đến đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ tiêu tiêu nội địa và xuất khẩu.

- Khuyến khích sắp xếp các hộ chế biến từng bước chuyển thành một số cơ sở chế biến tập trung để giải quyết việc xử lý môi trường và tăng chất lượng sản phẩm. Gia tăng các sản phẩm chế biến từ nông sản, thực phẩm để nâng cao giá trị của ngành đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và phục vụ du lịch, tạo điều kiện để hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Từng bước sản xuất sản phẩm có chất lượng cao, hướng đến đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Phát triển trên cơ sở gắn với liên kết chặt chẽ về lợi ích giữa ngành công nghiệp chế biến và người sản xuất nguyên liệu.

#### **a. Với một số ngành/sản phẩm chế biến nông sản thực phẩm chủ yếu:**

- *Chế biến, xay xát gạo, ngô:* Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, chế biến các sản phẩm theo chuỗi giá trị gia tăng, khuyến khích và tạo điều kiện cho doanh nghiệp liên doanh, liên kết với nước ngoài để phát triển, mở rộng thị trường và nâng cao chất lượng sản phẩm. Khuyến khích đầu tư xây dựng các cơ sở nông sản sấy khô với quy mô thích hợp tại các vùng trọng điểm về sản xuất nông nghiệp của đại phương.

- *Chế biến thực phẩm:* Việc quy hoạch và đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và các cơ sở chế biến thực phẩm từ sản phẩm chăn nuôi là phù hợp và rất cần

thiết. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư và phát triển cơ sở nấu rượu đặc sản từ nguyên liệu gạo, ngô, các sản phẩm rượu chế biến khác như rượu táo mèo, rượu sâu chít, rượu thuốc của các dân tộc trên địa bàn...đảm bảo các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng góp phần làm đa dạng hoá các sản phẩm thương mại, du lịch trên địa bàn tỉnh.

- *Chế biến thức ăn chăn nuôi*: Với sản lượng lương thực (gạo, ngô) có được hàng năm trên địa bàn tỉnh và để giảm chi phí vận chuyển thì việc hình thành các cơ sở chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản có quy mô vừa và nhỏ nhằm phân đầu đáp ứng từ 70-80% nhu cầu thức ăn chăn nuôi.

- *Chế biến lâm sản*: Cùng với việc Nhà nước đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp chế biến gỗ tham gia trồng rừng kinh tế, phát triển vùng nguyên liệu tại tỉnh và các địa phương khác để trồng rừng nguyên liệu phục vụ ngành chế biến gỗ. Phương hướng phát triển ngành chế biến gỗ trên địa bàn huyện trong các giai đoạn tới là phát triển tập trung vào các mặt hàng, sản phẩm như: đồ gỗ ngoài trời, đồ gỗ nội thất, gỗ dân dụng và gỗ xây dựng, (cầu thang, các loại cửa, ván sàn, tủ bếp); sản xuất các loại ván nhân tạo... Thu hút đầu tư xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến hạt mắc ca gắn với vùng nguyên liệu, phát triển sản phẩm OCOP cho sản phẩm mắc ca của địa phương.

### ***b. Sản xuất VLXD***

Tập trung phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng dựa trên lợi thế về khoáng sản của huyện. Các khoáng sản làm VLXD trên địa bàn có: sét gạch ngói, sét xi măng, đá vôi xi măng, đá cuội sỏi, đá ốp lát, đá trắng, đá hoa, đá lọc, đá xây dựng thông thường. Phát triển công nghiệp VLXD phải đảm bảo tính bền vững; bảo vệ môi trường sinh thái, tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa, du lịch và an ninh quốc phòng; kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

### ***c. Thủy điện và năng lượng tái tạo khác***

Tiếp tục vận hành khai thác có hiệu quả các nhà máy thủy điện đang vận hành khai thác; Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án thủy điện đã khởi công xây dựng; Hoàn thiện các thủ tục, dự án đầu tư để khởi công xây dựng các nhà máy thủy điện đã cho chủ trương khảo sát, nghiên cứu lập dự án đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư. Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các dự án thủy điện đã được phê duyệt trong Quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh; các dự án nguồn năng lượng tái tạo khác như điện mặt trời, điện sinh khối, điện gió...

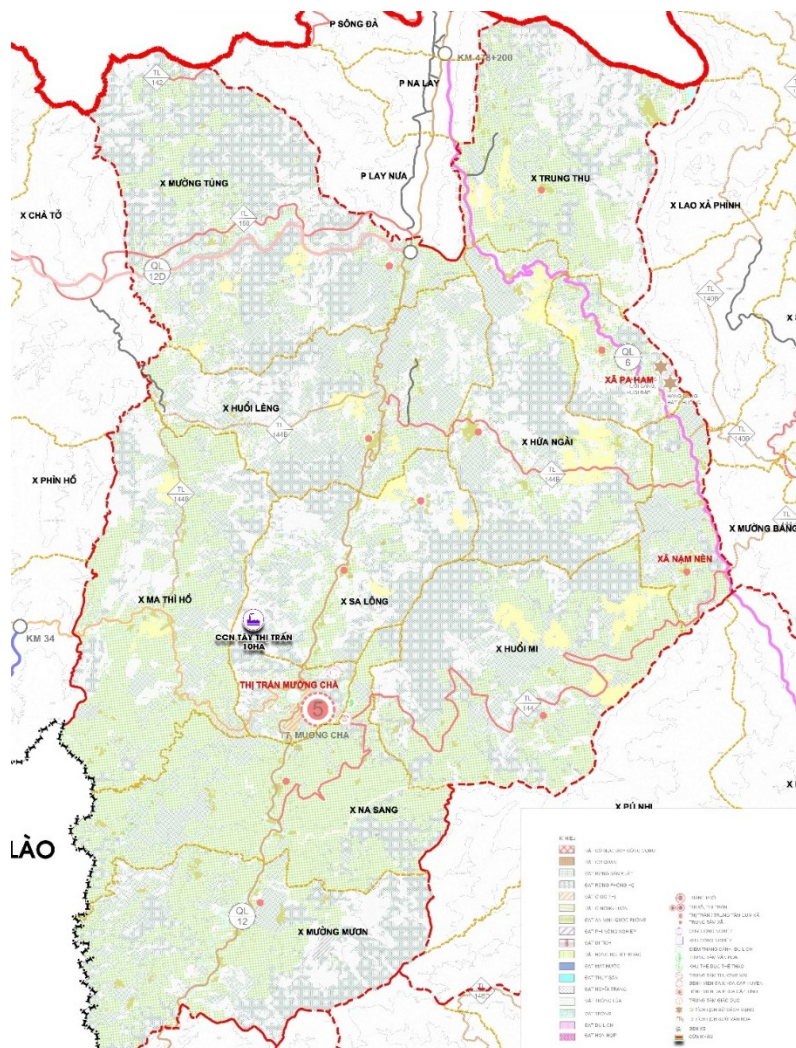
### ***3.4.3. Định hướng không gian phát triển công nghiệp***

Bố trí hợp lý các vùng công nghiệp trên cơ sở gắn kết vùng nguyên liệu trọng điểm, phù hợp với quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội. Ngoài ra phát triển cụm công nghiệp gắn với khu dân cư tập trung, nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm cho lao động trong khu vực.

### ***\* Phương án phân bố không gian ngành công nghiệp***

- Định hướng cụm công nghiệp hình thành mới nhằm định hướng phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hướng xuất khẩu và công nghiệp phụ trợ kết nối chuỗi sản xuất với các địa phương lân cận cho giai đoạn tới, theo định hướng phát triển ngành công nghiệp, cụ thể:

- Định hướng xây dựng cụm công nghiệp Tây Thị trấn, tập trung chế biến, sửa chữa cơ khí. Với diện tích quy hoạch khoảng 15 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 50%, dự kiến tạo ra 237 việc làm mới.



Hình 13: Định hướng quy hoạch khu, cụm công nghiệp huyện Mường Chà





Hình 14: Hình ảnh minh họa các khu, cụm công nghiệp

### 3.5. Định hướng phát triển nông nghiệp

#### 3.5.1. Quan điểm phát triển

- Phát triển nông nghiệp và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên phát triển chuỗi giá trị các ngành hàng có lợi thế; đặc biệt là các sản phẩm bản địa, sản phẩm chủ lực, OCOP,... phù hợp với cơ chế thị trường và điều kiện của từng địa phương, để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, trước hết là lao động, đất đai, rừng; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới quan hệ sản xuất làm động lực cho tăng trưởng, tăng thu nhập, tạo tích lũy, phát triển nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội.

- Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa có chất lượng, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và mang lại thu nhập cao cho người nông dân. Lấy liên kết sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ tiêu thụ nông sản làm trung tâm của quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao, hướng vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tạo ra sản phẩm có chất lượng.

- Lấy liên kết sản xuất, phát triển công nghệ chế biến và dịch vụ tiêu thụ nông sản làm trung tâm của quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tập trung phát triển kinh tế hợp tác và thu hút đầu tư của các thành phần kinh tế là nhiệm vụ hàng đầu.

- Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đảm bảo an toàn thực phẩm, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch; gắn với phát triển kinh tế - xã hội, hiện đại hóa nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng phải gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững. Thông qua các giải pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ tăng trưởng xanh cho từng lĩnh vực tại địa phương

#### 3.5.2. Định hướng phát triển

##### a. Nông nghiệp

###### Trồng trọt

- Phát triển sản xuất lương thực theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm; quản lý, bảo vệ tốt diện tích đất sản xuất lúa nước hiện có; áp dụng các biện pháp thâm canh thay các giống lúa cũ bằng các giống lúa mới có chất lượng như ADI 168, ADI73, HDT10, HD11, Dự hương 8, BC15, BTR225

- Tập trung chuyển đổi mạnh đất trồng lúa hiệu quả thấp sang phát triển các cây cây ngô, cây ăn quả, cây cỏ cho chăn nuôi và cây công nghiệp dài ngày, trồng rừng có giá trị cao hơn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, áp dụng nông nghiệp công nghệ cao; cải tạo vườn tạp để tăng giá trị kinh tế vườn hộ.

- Tập trung phát triển, nhân rộng diện tích các cây ăn quả có lợi thế của huyện kết hợp du nhập các giống cây ăn quả mới phù hợp với địa phương để hành thành vùng

trồng cây ăn quả tập trung ứng dụng công nghệ cao... các loại cây ăn quả hiện có trên địa bàn huyện (dứa, Bưởi, Xoài, Nhãn, Táo mèo tại các xã Na Sang, Mùòng Mưon, Sa Lông, Ma Thì Hồ, Pa Ham, Mùòng Tùòng). Trồng mới 270 ha cây Dứa tại xã Na Sang và xã Sa Lông, Xoài 80 ha, nhãn 80 ha, Bưởi 120 ha; nâng diện tích dứa toàn huyện lên 572 ha, Bưởi da xanh 173 ha, Xoài đài loan 138 ha, Nhãn chín muộn 103 ha; hình thành vùng nguyên liệu để thực hiện liên kết vùng.

- Khảo sát, quy hoạch các vùng trồng cây dược liệu, trọng tâm là phát triển các cây dược liệu dưới tán rừng, tạo sản phẩm dược liệu bản địa để phục vụ nhu cầu thị trường, tạo ra giá trị mới cho ngành nông nghiệp huyện.

### *Chăn nuôi*

- Tập trung phát triển các sản phẩm có lợi thế của huyện như: Trâu, bò, dê, lợn, lợn rừng lai, vịt bầu địa phương, gà thả đồi...đẩy mạnh chuyển đổi phương thức chăn nuôi, trồng cỏ, chế biến thức ăn chăn nuôi, ứng dụng khoa học công nghệ, đảm bảo chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, hướng đến xây dựng chỉ dẫn địa lý để quản lý và nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp.

- Phát triển các trang trại chăn nuôi tập trung quy mô theo hướng liên kết sản xuất, đảm bảo đầu vào, đầu ra cho sản phẩm; từng bước giảm dần quy mô chăn nuôi nông hộ để kiểm soát chất lượng, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường hướng đến chăn nuôi bền vững. Khuyến khích, đẩy mạnh việc hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác, chuỗi liên kết trong chăn nuôi. Thực hiện phòng ngừa, giám sát và kiểm soát tốt môi trường và dịch, bệnh trong chăn nuôi. Tập trung phát triển chăn nuôi lợn, trâu, bò vỗ béo theo hướng gia trại, trang trại gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại Thị trấn Mùòng Chà, Mùòng Mưon, Na Sang.

### *b. Lâm nghiệp*

Phát triển lâm nghiệp bền vững, tập trung khoanh nuôi bảo vệ, phát triển diện tích rừng phòng hộ; đẩy nhanh tiến độ trồng rừng sản xuất, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng. Nâng tỷ trọng ngành lâm nghiệp trong cơ cấu giá trị khu vực nông lâm nghiệp, góp phần xóa đói giảm nghèo gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững.

Bảo vệ và phát triển rừng theo hướng tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp, khai thác lợi thế các loại rừng để từng bước nâng cao thu nhập cho người dân; đẩy mạnh thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng. Phát triển lâm nghiệp gắn với đầu tư trồng rừng kinh tế, cây lâm sản ngoài gỗ và cây dược liệu dưới tán rừng.

+ Đối với rừng phòng hộ: Trên cơ sở rà soát quy hoạch 3 loại rừng và kết quả kiểm kê rừng sẽ tập trung thực hiện giao đất giao rừng đối với diện tích đất rừng phòng hộ chưa có rừng cho các hộ dân và cộng đồng quản lý, chăm sóc, bảo vệ nhằm phát triển thành rừng; đồng thời thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng để tăng thu nhập cho người dân.

+ Đối với rừng sản xuất: Rà soát quy hoạch rừng sản xuất, hỗ trợ người dân tham gia phát triển rừng sản xuất, chuyển đổi đất nương rẫy sang trồng rừng sản xuất.

Đẩy mạnh phát triển cây Mắc ca theo dự án của các doanh nghiệp đầu tư gắn với xây dựng nhà máy chế biến và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; tăng cường thực hiện rà soát, xác định quỹ đất phù hợp để cho doanh nghiệp thuê đất trồng mắc ca.

### *c. Thủy sản*

Tận dụng tối đa các loại hình mặt nước phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn sản xuất với đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển nguồn lợi và an sinh xã hội. Cải tiến hệ thống tổ chức sản xuất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn, chuyển dần từ phương thức nuôi quảng canh, quy mô nhỏ lẻ sang phương thức nuôi thâm canh, hình thành các trang trại, hợp tác xã nuôi trồng thủy sản và thành lập các tổ hợp tác tham gia liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

### **3.5.3. Phương án phân bố không gian ngành Nông – Lâm – Thủy sản**

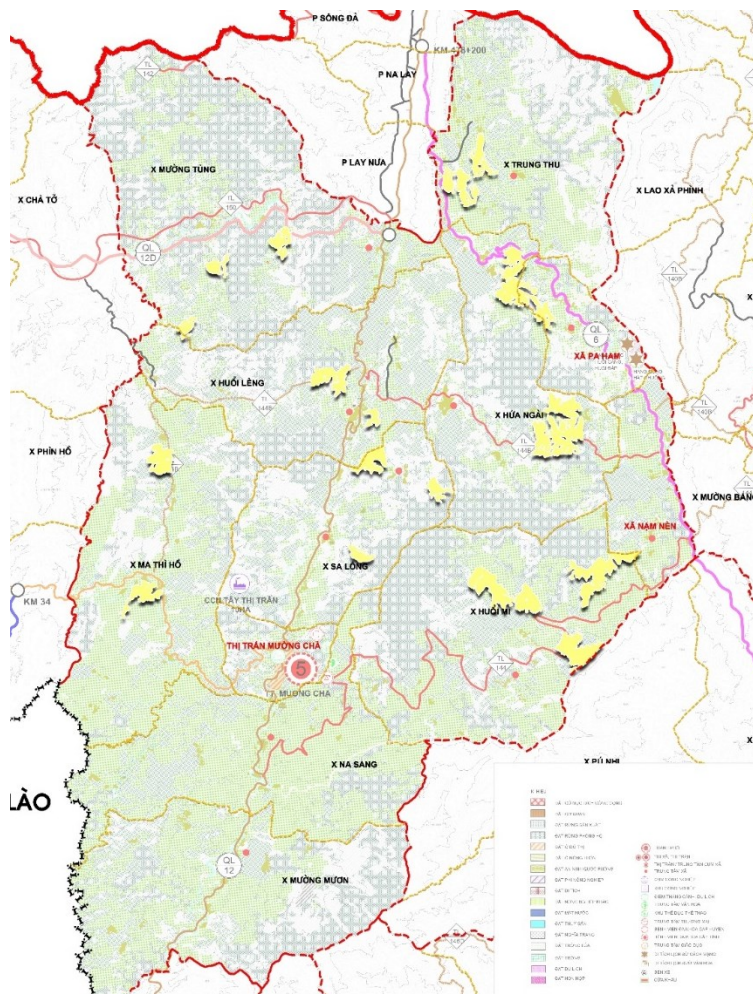
#### **a. Vùng sản xuất nông nghiệp:**

##### *Trồng trọt*

Vùng trồng lúa và cây hàng năm khác tập trung:

+ Định hướng phát triển vùng trồng lúa tập trung: đến năm 2030 toàn huyện có 9.842 ha, trong đó có 495 ha đất chuyên trồng lúa nước, giảm 9 ha so với năm 2020. Đối với lúa ruộng định hướng phát triển theo chuỗi liên kết giá trị, đối với lúa nương định hướng phát triển theo hình thức nông lâm kết hợp gắn phát triển với bảo vệ môi trường; Trong đó Lúa ruộng: tập trung chủ yếu ở các xã Ma Thì Hồ, Huổi Lèng, Pa Ham, Sa Lông, Nậm Nèn, Na Sang, Mường Tùng, Mường Mươn, Sá Tổng, Hừa Ngải' Lúa nương: tập trung chủ yếu ở các xã Huổi Mý, Ma Thì Hồ, Mường Tùng

+ Định hướng phát triển vùng trồng cây hàng năm khác: định phát triển vùng các vùng trồng ngô, đậu tương, ... an toàn theo chuỗi liên kết giá trị gắn với bảo vệ môi trường; Trong đó định hướng cây ngô: ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện, phát triển tập trung ở các xã Sá Tổng, Mường Tùng, Pa Ham, Nậm Nèn, ...; Đậu tương: tập trung chủ yếu ở các xã Sá Tổng, Pa Ham, ...; Định hướng đến năm 2030 diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 10.863,84 ha giảm 19.166,33 ha do thực hiện rà soát chuyển đổi sang đất rừng chủ yếu.



Hình 15: Bản đồ phân vùng trồng lúa huyện Mường Cha đến năm 2030

Vùng trồng cây lâu năm tập trung:

+ Cây ăn quả: Phát triển thêm 550 ha cây ăn quả phù hợp, có lợi thế, giá trị kinh tế cao theo hướng hàng hóa (cây có múi, xoài, nhãn, dứa...); Cải tạo, thâm canh các loại cây ăn quả hiện có (dứa, Bưởi, Xoài, Nhãn, Táo mèo tại các xã Na Sang, Mường Mươn, Sa Lông, Ma Thi Hồ, Pa Ham, Mường Tùng). Trồng mới 270 ha cây Dứa tại xã Na Sang và xã Sa Lông, Xoài 80 ha, nhãn 80 ha, Bưởi 120 ha; nâng diện tích dứa toàn huyện lên 572 ha, Bưởi da xanh 173 ha, Xoài đài loan 138 ha, Nhãn chín muộn 103 ha; hình thành vùng nguyên liệu để thực hiện liên kết vùng

+ Cây công nghiệp lâu năm: Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển cây công nghiệp dài ngày; tập trung chăm sóc, bảo vệ và khai thác hiệu quả 1267,68 ha cao su hiện có, đưa một số các loại cây có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện tự nhiên theo hướng sản xuất hàng hóa; thu hút đầu tư trồng 3.000-5.000 ha Mắc ca công nghệ cao; trồng mới 2.000-3.000 ha cây keo công nghệ cao; duy trì 36 ha cây quế hiện có, trồng mới thêm 2.000-2.500 ha cây quế và xây dựng chuỗi liên kết giá trị bền vững

Chăn nuôi:

Với ưu thế phần lớn diện tích đất là đồi núi, đất đai màu mỡ, mạng lưới sông suối dày đặc thuận lợi phát triển chăn nuôi, đặc biệt chăn nuôi gia súc lớn. ịnh hướng đến năm 2030 quy mô gia súc của huyện đạt khoảng 42,34 nghìn con, trong đó:

- Đàn trâu: 13,65 nghìn con
- Đàn bò: 8,58 nghìn con
- Đàn dê: 3,84 nghìn con
- Đàn lợn: 16,28 nghìn con

Định hướng đến năm 2030 đàn gia cầm đạt khoảng 301,46 nghìn con. Thực hiện đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa; tăng cường thông tin, tuyên truyền sâu rộng, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các biện pháp phòng dịch như vệ sinh, tiêu độc khử trùng, chăn nuôi an toàn sinh học nhằm hạn chế đến mức tối đa nguy cơ dịch bệnh, ưu tiên sử dụng nguồn giống tại địa phương để tái đàn; thường xuyên kiểm tra giám sát tình hình dịch bệnh trên vật nuôi tại cơ sở, chủ động phòng, chống, kiểm soát vận chuyển gia súc, gia cầm và các sản phẩm từ gia súc, gia cầm vào địa bàn; hướng dẫn nhân dân củng cố chuồng trại chăn nuôi, không thả rông gia súc, phòng chống đói rét cho gia súc. Tập trung chủ yếu ở các xã: Mường Tùng, Pa Ham, Nậm Nèn, Hừa Ngải, Huổi Mý, Sá Tổng, Huổi Lèng, Mường Mươn, Sa Lông, Ma Thì Hồ, ...

#### ***b. Vùng phát triển nuôi trồng thủy sản:***

Định hướng đến năm 2030 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 47,35 ha; Đối tượng nuôi trồng chủ lực là cá truyền thống (trắm, trôi, mè, chép), cá nước lạnh (cá tầm, cá hồi) và cá rô phi đơn tính; Tập trung chủ yếu ở các xã Mường Tùng, Pa Ham, Nậm Nèn, Mường Mươn, ...

#### ***c. Vùng phát triển lâm nghiệp:***

Định hướng

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và người dân. Tăng cường quản lý, bảo vệ diện tích rừng hiện có; tận dụng các nguồn vốn để thực hiện khoanh nuôi tái sinh; đẩy mạnh trồng rừng mới, trồng cây phân tán. Đẩy mạnh liên kết, khuyến khích các nhà đầu tư thuê đất, liên kết trồng rừng sản xuất. Xây dựng, triển khai thực hiện tốt các dự án, đề án chuyên ngành về lâm nghiệp; Xây dựng kế hoạch sớm để chủ động đáp ứng mùa vụ, chuẩn bị diện tích đất trồng rừng và giao khoán khoanh nuôi tái sinh hàng năm, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch và phát triển 3 loại rừng cho phù hợp. Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất các loại giống cây lâm nghiệp. Xây dựng 4 mô hình trồng Mắc ca công nghệ cao tại xã Ma Thì Hồ, Na Sang, Mường Mươn và xã Huổi Mý; 04 mô hình trồng cây quế tại xã Sa Lông, Huổi Lèng, Na Sang và xã Huổi Mý.

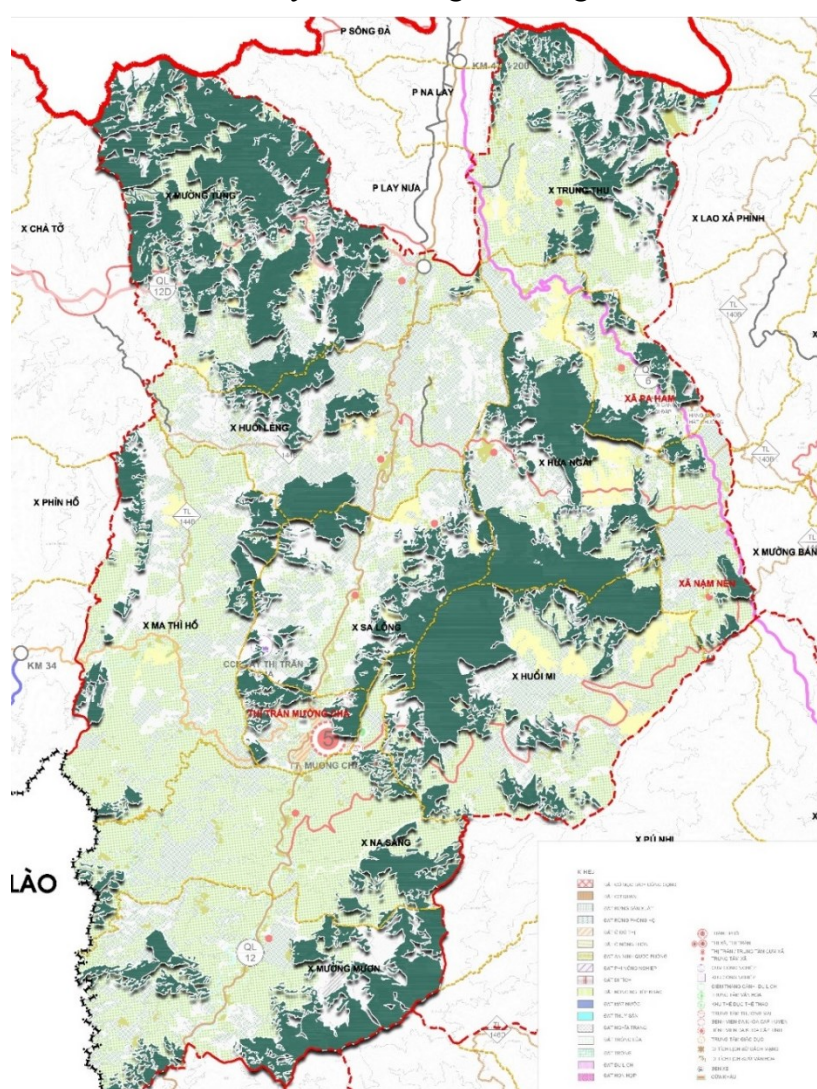
Triển khai điều tra, đánh giá và xác định số loài, trữ lượng và vùng có khả năng khai thác. Xây dựng kế hoạch và các giải pháp khai thác bền vững để nâng cao đời sống người dân và đáp ứng một phần nhu cầu trên địa bàn tỉnh. Mở rộng diện tích trồng cây lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu có giá trị (Sa nhân, Thảo quả, Đảng sâm, Sơn tra, Giỏi xanh, Trám, Mạy chả...) và tiềm năng đầu ra của sản phẩm để nâng cao thu nhập và đời sống của người dân vùng rừng, giảm áp lực khai thác dược liệu, lâm sản ngoài gỗ của người dân vào tài nguyên rừng, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên này trong tự nhiên. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển lâm sản ngoài gỗ, xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến lâm sản ngoài gỗ để tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế cao.



Căn cứ công văn số 1368/SNN-KHTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 của sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên và nhu cầu sử dụng đất cho phát triển hạ tầng lâm nghiệp trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 của các huyện, thành phố. Để nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Điện Biên dự kiến xây dựng 1 Trạm Kiểm lâm địa bàn liên xã Tả Phìn, Tả Sìn Thàng, Sinh Phình và 1 trạm kiểm lâm trên địa bàn liên xã Mường Đun, Xá Nhè

### ***Rừng phòng hộ:***

Tiếp tục thực hiện mục tiêu quản lý bền vững rừng phòng hộ, đẩy mạnh khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; tái sinh có kết hợp trồng bổ sung, trồng mới rừng; Đến năm 2030, diện tích đất rừng phòng hộ của huyện 28390.96 ha, giảm 50.16 ha do chuyển đổi sang mục đích khác và rà soát chuyển đổi sang đất rừng sản xuất



Hình 16: Bản đồ phân vùng phát triển rừng phòng hộ huyện Mường Chà đến năm 2030

### ***Rừng sản xuất***

Công tác trồng rừng, khai thác và bảo vệ rừng ở những khu vực rừng sản xuất cần được thực hiện đồng bộ. Kết hợp với việc sử dụng những loại cây trồng đem lại hiệu quả kinh tế cao, có kỹ thuật trồng xen, trồng dưới tán cây rừng để khai thác tối đa hiệu

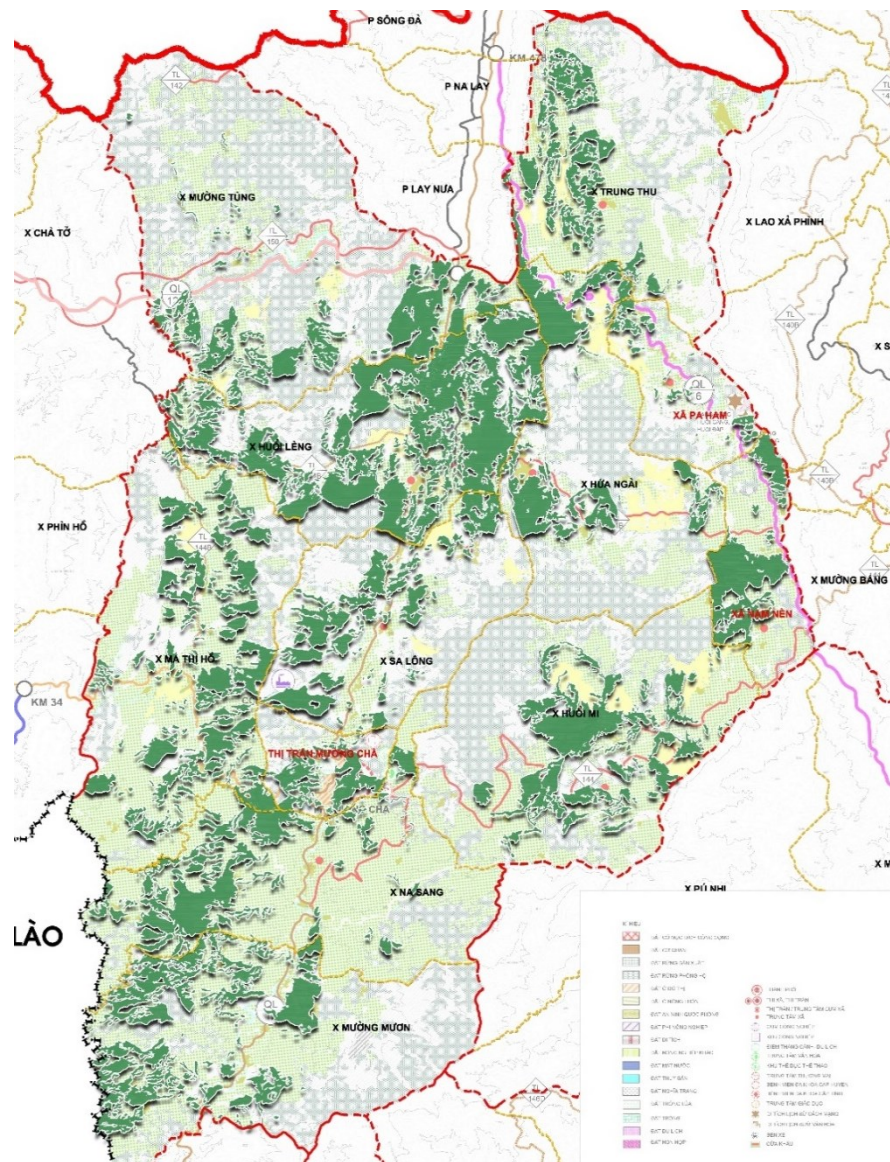


quả. Việc sử dụng đất ở những khu vực này được ưu tiên sử dụng khai thác, chuyển đổi sang cây trồng hàng năm, cây lâu năm có hiệu quả kinh tế cao.

Đến năm 2030 diện tích đất rừng sản xuất là 54.887,74ha tăng 34.928,82 ha do thực hiện rà soát chuyển đổi đất cây hàng năm, đất cây lâu năm sang đất rừng sản xuất thực hiện tái cơ cấu lâm nghiệp; Trong đó đất rừng sản xuất là đất rừng tự nhiên là 18.676,17 ha. Phân bố chủ yếu các xã Mường Tùng, Huổi Lèng, Sa Lông, Ma Thì Hồ, Hừa Ngài:

Rà soát, xác định diện tích rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh có khả năng khai thác để xây dựng phương án khai thác, kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở chế biến nhỏ, khuyến khích, hỗ trợ người dân thực hiện trồng lại các diện tích khai thác.

Đẩy mạnh trồng rừng sản xuất, trồng cây phân tán bằng các loại cây gỗ lớn, có giá trị như: Giổi xanh, Giổi găng, Tô hạp, Lát hoa, Thông caribe, ...hoặc các loài cây mọc nhanh bằng các giống mô, hom như: Keo tai tượng, Bạch đàn, ...; Trồng rừng phòng hộ theo phương thức hỗn giao với cây trồng chính là các loài cây bản địa có khả năng cho lâm sản phụ (Sơn tra, Giổi xanh, Trám ...) với các loài cho gỗ có giá trị (Giổi găng, Tô hạp, Lát hoa, Thông ...); ứng dụng khoa học kỹ thuật trong trồng, chăm sóc, thâm canh rừng để tạo ra vùng nguyên liệu đảm bảo về số lượng và chất lượng thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến gỗ.



Hình 17: Bản đồ phân vùng phát triển rừng sản xuất huyện Mường Chà đến năm 2030

### 3.6. Định hướng phát triển thương mại dịch vụ

#### 3.6.1. Quan điểm phát triển

Xác định thương mại - dịch vụ - du lịch của huyện là ngành kinh tế mũi nhọn, là lĩnh vực trung tâm và động lực cho các cơ cấu kinh tế khác phát triển, đưa lĩnh vực thương mại - dịch vụ của huyện tiếp tục là trung tâm phân phối, luân chuyển hàng hóa có hiệu quả cho phạm vi toàn tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển; tiếp tục thu hút đầu tư nâng cao chất lượng hoạt động của các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại...

Khuyến khích mở rộng các hoạt động dịch vụ đối với các thành phần kinh tế trong các lĩnh vực như: Tiêu thụ các mặt hàng tiêu dùng; sửa chữa, bảo dưỡng công trình; các hoạt động tư vấn, ứng dụng công nghệ thông tin tạo ra giá trị gia tăng cao; các dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ.

Tạo điều kiện hệ thống các nhà hàng, khách sạn trên địa bàn liên doanh, liên kết với các tour du lịch lớn nhằm giữ vai trò là điểm trung chuyển (điểm nghỉ) của huyện; từng bước quy hoạch, giới thiệu quảng bá danh lam thắng cảnh của địa phương để kêu

gọi đầu tư, khai thác khu du lịch sinh thái. Chủ động xây dựng và điều chỉnh trong công tác quy hoạch sử dụng đất, đô thị để tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân được thuận lợi tiếp cận đất đai, cơ sở hạ tầng. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư xã hội hóa các cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ thương mại - dịch vụ - du lịch.

Liên kết hợp tác với các địa phương trong tỉnh và khu vực có thể mạnh về du lịch trong việc xây dựng các tour, tuyến du lịch nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo nhân lực ngành du lịch.

Phát triển đồng bộ các dịch vụ hỗ trợ như: khách sạn, nhà hàng, thông tin liên lạc, văn hóa nghệ thuật, thể thao, hàng lưu niệm, ngân hàng, y tế và các dịch vụ khác,... tạo sức hấp dẫn mạnh với du khách.

Phát triển thương mại Điện Biên phải đảm bảo phát triển đồng bộ các cơ cấu ngành trên cơ sở khai thác các lợi thế so sánh và các nguồn lực được xã hội hóa; phát triển đồng bộ các cơ cấu ngành trên cơ sở khai thác các lợi thế so sánh và các nguồn lực được xã hội hóa; phát triển đồng bộ các hệ thống thị trường hàng hóa, bao gồm thị trường hàng công nghiệp tiêu dùng, thị trường hàng vật tư, thị trường hàng nông sản, phát triển hài hòa giữa thị trường thành thị và nông thôn, phát triển hài hòa giữa thương mại truyền thống và hiện đại.

### **3.6.2. Định hướng phát triển**

Phát triển hệ thống thị trường thương mại tập trung vào thị trường hàng công nghiệp tiêu dùng, thị trường hàng tư liệu sản xuất, thị trường hàng nông sản và các dạng thị trường chung. Trong đó, tập trung vào phát triển hoạt động kinh doanh, dịch vụ thương mại bám sát hoạt động sản xuất hàng hóa ở các vùng sản xuất chuyên canh, xây mới, mở rộng và hoàn thiện mạng lưới chợ tại các trung tâm cụm xã, xã và khu vực tập trung đông dân cư, đặc biệt tại các khu vực huyện nghèo.

Phát triển các doanh nghiệp thương mại bán lẻ của các thành phần kinh tế theo những hình thái và quy mô thích hợp với từng loại thị trường, khuyến khích các doanh nghiệp thương mại bán buôn của các thành phần kinh tế theo các hình thái như: các loại công ty bán buôn, trung tâm bán buôn, HTX thu mua bán buôn và các đại lý uỷ quyền, doanh nghiệp nhượng quyền.

Phát triển các dịch vụ phụ trợ liên quan đến quá trình phân phối hàng hóa như bảo quản, lưu kho; lắp ráp, sắp xếp và phân loại hàng hoá có khối lượng lớn, bốc dỡ và phân phối lại đối với hàng hoá khối lượng nhỏ; dịch vụ giao hàng; dịch vụ bảo quản lạnh; các dịch vụ khuyến mãi do những người bán buôn thực hiện; các dịch vụ liên quan đến việc kinh doanh của người bán lẻ (chế biến phục vụ cho bán hàng...); bãi đỗ xe; Chuyên nghiệp hoá các dịch vụ phụ trợ phù hợp với các quá trình chuyên nghiệp hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá của ngành thương mại; Tập trung hoá việc đầu tư các khu dịch vụ phụ trợ của ngành thương mại, đảm bảo cung ứng dịch vụ đầy đủ và thuận lợi, chi phí thấp cho các nhà phân phối; Tổ chức các dịch vụ phụ trợ ở các Trung tâm bán buôn, chợ đầu mối, trung tâm kho vận, các trung tâm mua sắm... Khuyến khích và hỗ trợ các nhà cung cấp dịch vụ phụ trợ áp dụng các phương thức, thiết bị, công nghệ tiên tiến; Thu hút các nguồn lực theo hướng xã hội hoá vào phát triển các dịch vụ phụ trợ của ngành thương mại.

### **3.6.3. Phương án không gian phát triển thương mại**



Mạng lưới chợ: Số chợ trong giai đoạn 2021-2030 phát triển trên địa bàn huyện là 6 chợ, trong đó xây dựng mới 5 chợ và cải tạo 1 chợ hiện có. Tổng diện tích đất chợ đến năm 2030 là 1,03ha, tăng 0,81ha so với năm 2020.

Xây dựng 1 trung tâm mua sắm, phát triển 1 siêu thị hạng 3 tại thị trấn Mường Chà

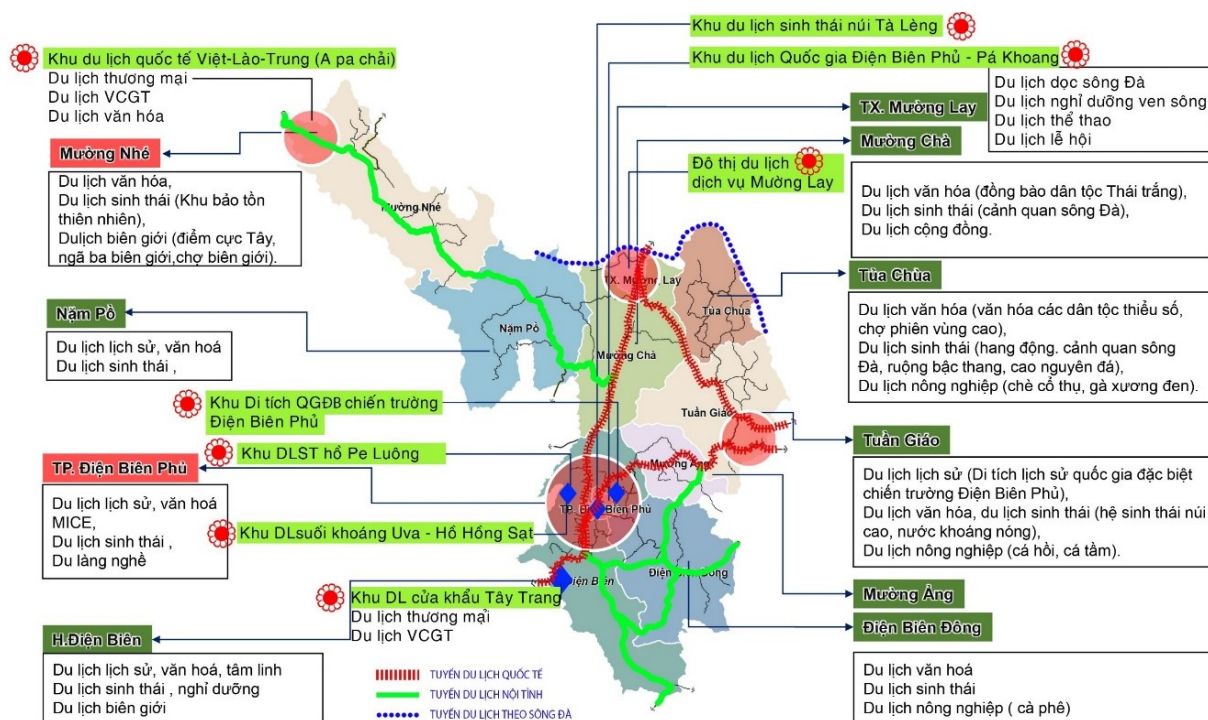
### 3.7. Định hướng không gian phát triển du lịch

#### 3.7.1. Định hướng du lịch huyện Mường Chà trong định hướng toàn tỉnh

Trung tâm phát triển du lịch: Lấy TP Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên làm trung tâm Du lịch chính của tỉnh. Trung tâm Du lịch Điện Biên Phủ là điểm dừng quan trọng trong hành lang du lịch Tây Bắc và các vùng phụ cận trong và ngoài nước, là điểm đầu mối của các hoạt động du lịch nội tỉnh, là nơi điều hành tất cả các hoạt động du lịch của toàn tỉnh.

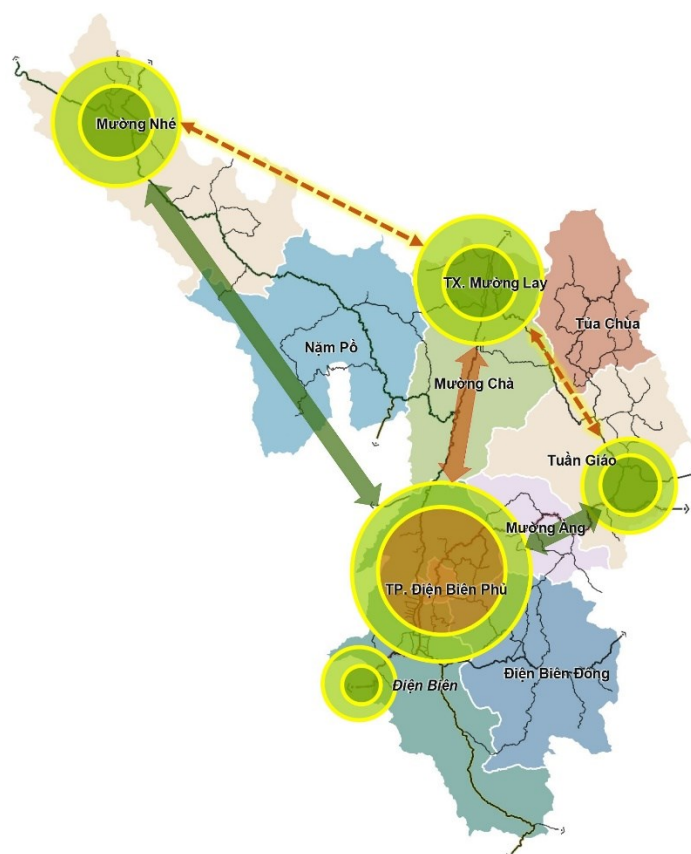
Không gian thuận lợi phát triển du lịch: Các trục không gian thuận lợi phát triển du lịch của tỉnh Điện Biên là hành lang nối các trọng tâm du lịch hoặc các khu vực tập trung tài nguyên dựa theo các trục đường quốc lộ: 6A; 12; 279; 100 và 32. Du lịch Điện Biên coi trục không gian từ cửa khẩu Việt Lào (Tây Trang) qua Thành phố Điện Biên Phủ theo quốc lộ 12 và 4D sang Lào Cai, trục không gian du lịch từ Thành phố Điện Biên Phủ theo quốc lộ 279 qua Tuần Giáo đến đèo Pha Đin sang Sơn La là các trục không gian quan trọng, thuận lợi phát triển du lịch.

Không gian ưu tiên phát triển du lịch: Gồm không gian ưu tiên phát triển du lịch ở các trung tâm du lịch và không gian ở các điểm tài nguyên du lịch có giá trị. Du lịch tỉnh Điện Biên xác định các không gian ưu tiên phát triển du lịch tập trung ở Thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên, huyện Tủa Chùa, huyện Mường Nhé, khu vực thị trấn Tuần Giáo .



Hình 18: Không gian Du lịch trọng điểm Tỉnh Điện Biên

Nguồn: nhóm chuyên gia tư vấn tổng hợp



*Hình 19: Không gian Du lịch trọng điểm Tỉnh Điện Biên*

✓ *Tuyến du lịch nội tỉnh:*

- Tuyến du lịch Thành phố Điện Biên Phủ - Thị xã Mường Lay;
- Tuyến du lịch Thành phố Điện Biên Phủ - Tuần Giáo - vùng phụ cận; cụ thể tuyến du lịch thung lũng Chu Lú huyện Tuần Giáo – hang động Xá Nhè huyện Tủa Chùa – hang động Hắt Chuông huyện Mường Chà – thị xã Mường Lay
- Tuyến du lịch Thành phố Điện Biên Phủ - Pá Khoang - Mường Phăng - Bản Phủ - Pa Thom - Tây Trang;
- Tuyến du lịch Thành phố Điện Biên Phủ - Mường Chà - Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé;
- Tuyến du lịch đường sông: Tuyến du lịch này chủ yếu bắt đầu từ Thị xã Mường Lay dọc theo sông Đà sang phía Đông đi Sìn Hồ (tỉnh Lai Châu) và các điểm tham quan du lịch khác của tỉnh Sơn La, sang phía Tây đi Mường Tè hoặc theo sông Nậm Na lên phía Bắc.

✓ *Tuyến du lịch liên tỉnh:*

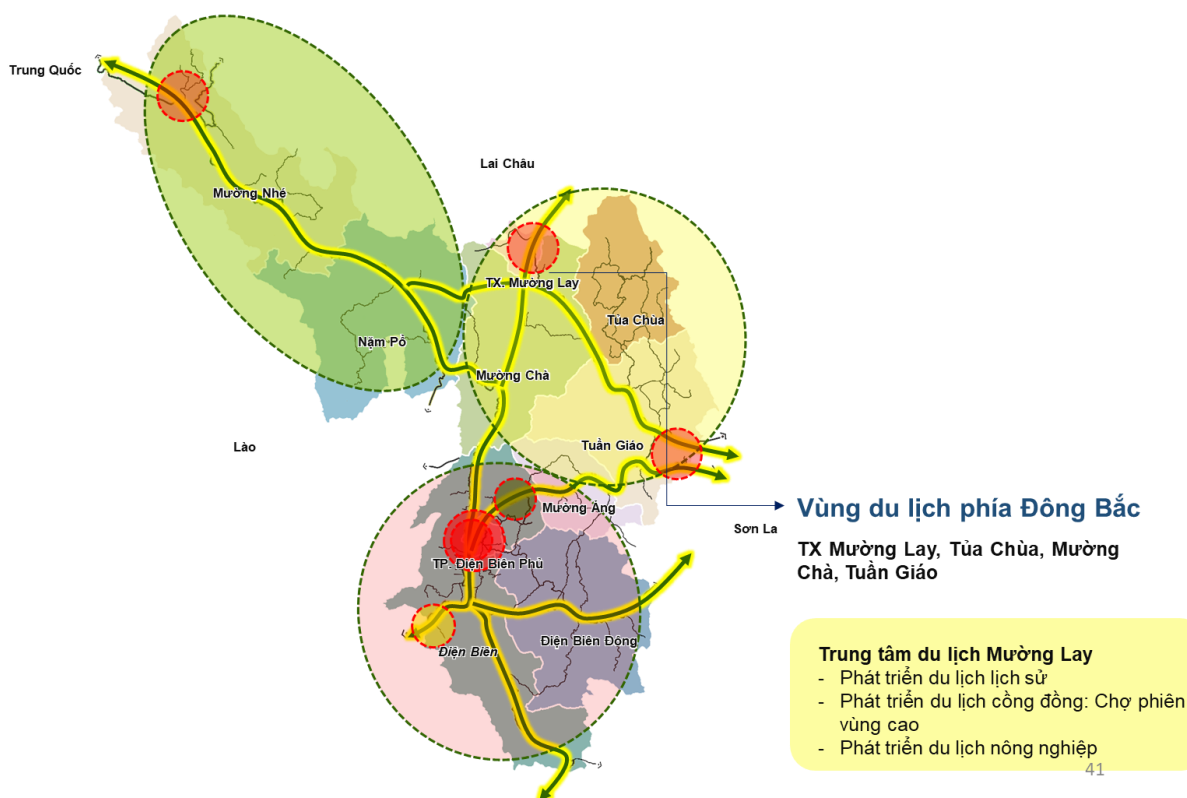
- Tuyến Hà Nội - Hòa Bình - Mai Châu - Mộc Châu - Sơn La - Điện Biên Phủ - Thị xã Mường Lay - Lai Châu - Lào Cai - Phú Thọ - Hà Nội hoặc ngược lại.

- Tuyến Hà Nội - Thành phố Điện Biên Phủ và ngược lại.
- Du lịch đường sông: Từ Thị xã Mường Lay - Sơn La - Hoà Bình hoặc ngược lại.

✓ *Tuyến du lịch quốc tế:*

- Tuyến từ Trung Quốc qua cửa khẩu Ma Lu Thàng – Thị xã Mường Lay – Thành phố Điện Biên Phủ;
- Tuyến từ Lào qua cửa khẩu Tây Trang – Thành phố Điện Biên Phủ sau đó đi các điểm du lịch khác;
- Tuyến từ Lào qua cửa khẩu Huổi Puốc - Thành phố Điện Biên Phủ sau đó đi các điểm du lịch khác;
- Tuyến từ Trung Quốc qua cửa khẩu A Pa Chải - Mường Nhé - Mường Chà - Thành phố Điện Biên Phủ sau đó đi các điểm du lịch khác.
- Đường không: Trong tương lai khi sân bay Điện Biên được nâng cấp và mở rộng thành sân bay quốc tế thì khả năng bay trực tiếp đến một số sân bay của các nước trong khu vực như Trung Quốc, ASEAN dễ dàng hơn sẽ tạo cơ hội mở rộng thị trường khách quốc tế đến Điện Biên.

**3.7.2. Định hướng không gian du lịch huyện Mường Chà**



Hình 20: Không gian du lịch huyện Mường Chà trong cùng trung tâm du lịch



a. Quan điểm và mục tiêu phát triển

- Phát triển du lịch dựa trên cơ sở khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của huyện với hai trụ cột chính đó là: Du lịch về cảnh quan thiên nhiên, môi trường sinh thái, danh lam thắng cảnh hang động và du lịch bản sắc văn hóa dân tộc, trải nghiệm, khám phá

- Tiềm năng du lịch của huyện Mường Chà không quá nổi bật so với các huyện khác của tỉnh; là điểm phụ trợ trong hệ thống du lịch của tỉnh, là nơi khách tham quan cảnh quan đặc biệt là cảnh quan hang động.

- Tập trung đầu tư, phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch theo từng vùng, từng khu vực phù hợp với tiềm năng, lợi thế của huyện.

- Phát triển du lịch bền vững, có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các dân tộc, gắn phát triển với quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ thông tin trong việc tuyên truyền quảng bá hoạt động du lịch; chú trọng phát triển nguồn nhân lực du lịch, tăng cường liên kết, hợp tác trong và ngoài huyện.

- Nâng cao tỷ trọng ngành du lịch - dịch vụ, phấn đấu đến năm 2030 ngành du lịch - dịch vụ sẽ đóng góp từ 5 - 7% tổng thu ngân sách trên địa bàn.

b. Mục tiêu

• **Mục tiêu tổng quát**

Tạo bước phát triển toàn diện về phạm vi, quy mô, tính chất để du lịch có đóng góp ngày càng cao cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Xây dựng Mường Chà trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn của tỉnh trên cơ sở khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế gắn với bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, di tích danh lam thắng cảnh, hang động, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới.

• **Các chỉ tiêu chủ yếu**

**3.1- Giai đoạn đến năm 2025**

(1) " Hoàn thành quy hoạch cơ sở hạ tầng du lịch trên địa bàn huyện; Phấn đấu đến năm 2025 có 02 điểm được công nhận là điểm du lịch (trong đó 01 điểm du lịch cộng đồng và 01 điểm du lịch sinh thái).

(2) Tốc độ tăng trưởng lượng khách bình quân đạt 8 %/năm.

(3) Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch tăng bình quân 10 %/năm.

(4) Phấn đấu 100% người làm công tác văn hóa cấp xã là người dân tộc thiểu số tại địa bàn hoặc là người có thời gian sinh sống lâu dài trên địa bàn có hiểu biết về phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống của địa phương; 90% số người làm công tác văn hóa

được đào tạo đúng chuyên ngành và thường xuyên được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ hàng năm; 50-70% đội trưởng đội văn nghệ quần chúng, người quản lý nhà văn hóa, quản lý nhà hàng, bản văn hóa du lịch, các đơn vị, doanh nghiệp được tập huấn về kỹ năng phục vụ du lịch và các chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động du lịch.

(5) Tiếp tục phát huy và duy trì các loại hình du lịch đã có, các bản văn hóa truyền thống, bản văn hóa du lịch, các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch trên địa bàn huyện, hướng tới phát triển du lịch “Thông minh hơn, văn minh hơn, an toàn hơn”.

(6) Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các công trình vui chơi giải trí phục vụ phát triển các loại hình du lịch như: Khu nghỉ dưỡng, các khu sinh thái, trải nghiệm, du lịch mạo hiểm, chỉnh trang đô thị, khôi phục các di tích, danh lam thắng cảnh, văn hóa tâm linh, du lịch lòng hồ, thương mại, nuôi trồng thủy sản.

### **3.2 Định hướng đến năm 2030**

(1) Phân đấu đến năm 2030, xây dựng 01 điểm du lịch sinh thái, danh lam thắng cảnh hang động, 01 điểm du lịch cộng đồng.

(2) Tốc độ tăng trưởng lượng khách bình quân đạt 10%/năm.

(3) Tổng doanh thu từ hoạt động du lịch tăng bình quân 12%/năm.

(4) Số ngày lưu trú du lịch bình quân của khách du lịch đến huyện Điện Biên từ 02 ngày trở lên

(5) Tập trung khai thác có hiệu quả các tiềm năng, tạo ra việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và cộng đồng dân cư, tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm thường xuyên cho lao động địa phương, tạo tiền đề cho các ngành kinh tế khác phát triển

c. Các định hướng chung:

- Xác định du lịch hang động là một trong những sản phẩm chủ lực của ngành du lịch – dịch vụ huyện Mường Chà.

- Tăng cường huy động nguồn lực để đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển du lịch; đào tạo nguồn nhân lực du lịch và tăng cường tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch Mường Chà để thu hút khách du lịch.

- Định hướng phát triển tuyến du lịch văn hóa từ Thị xã Mường Lay - Mường Chà - Pa Ham - Tòa Chùa



- Phát triển sản phẩm du lịch trải nghiệm khám phá văn hóa, lịch sử của người Thái - Điện Biên thành điểm đến của người Thái không chỉ ở Việt Nam mà ở Lào, Thái và toàn thế giới.

- Với các sản phẩm du lịch khai thác các giá trị văn hóa truyền thống: lễ hội, ẩm thực, nghề thủ công, nghệ thuật, phong tục... của dân tộc Thái.



### ***Du lịch cộng đồng:***

- Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng tìm hiểu bản sắc văn hóa các dân tộc, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể, các loại hình ca múa nhạc dân tộc, lễ hội truyền thống; trải nghiệm thêu hoa văn trên trang phục Người Mông Hoa; kỹ thuật làm giày thêu của người Hoa, ẩm thực đặc trưng, các sản phẩm OCOP (Sản phẩm du lịch OCOP Miến Dong Hoàng Tám, bưởi Da Xanh; ẩm thực dân tộc Thái).

- Nhận thức rõ về tiềm năng, nguồn lợi kinh tế mà văn hóa truyền thống dân tộc mang lại, nhiều cơ sở, đơn vị kinh doanh du lịch để khai thác những lợi thế của địa phương. Tạo dựng nên một không gian đầy màu sắc văn hóa dân tộc để giới thiệu tới bạn bè trong, ngoài tỉnh và khách quốc tế. Các loại hình nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc, nhất là đồng bào dân tộc Thái đã được đưa vào phục vụ ở các khu, điểm du lịch như: Múa, hát làn điệu truyền thống, múa xòe, múa sạp... Những nét tinh hoa ẩm thực của người Thái cũng được nâng tầm với những món ăn đặc sắc như: Xôi nếp nướng, cá nướng (pa pỉnh tộp); thịt xiên nướng; món lạp; thịt gác bếp... để chế biến phục vụ du khách. Không gian văn hóa như vậy mang đến cho du khách những cảm nhận sâu sắc về đời sống tinh thần, phong tục tập quán, kinh tế - xã hội, văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc Thái qua nhiều thế hệ.

- Khai thác loại hình nhà ở Homestay là các căn nhà sàn mang tính truyền thống với không gian đậm nét văn hóa Thái. Bản sắc văn hóa được thể hiện từ kiến trúc nhà nghỉ cho đến các trang thiết bị, đồ dùng sinh hoạt và cả ẩm thực đều gắn liền với đời sống thường ngày của đồng bào. Ngoài việc đơn thuần nhìn ngắm những thực thể kiến trúc mà còn có thể tham quan ngắm cảnh bản, tiếp xúc với người bản địa chất phác, được trải nghiệm các giá trị văn hóa, sinh hoạt thường ngày, các hoạt động sản xuất nông nghiệp... Ngoài ra, mở thêm loại hình du lịch tự mình thu hái nguyên liệu, tham gia vào quá trình chế biến các món ăn truyền thống mang đậm bản sắc dân tộc cũng như các món khác tùy theo khẩu vị của bản thân. Kết hợp quảng bá người bản địa với đồng phục là bộ váy cóm truyền thống của dân tộc Thái.

- Bên cạnh đó giới thiệu nghề dệt, thêu thổ cẩm với những sản phẩm, quà tặng

đặc trưng dân tộc như: Khăn piêu, túi đeo, áo, váy... cùng đó bảo tồn và duy trì để phục vụ du khách tham quan, trải nghiệm.

- Tạo dựng một không gian đa màu sắc dân tộc sẽ giúp du khách được hòa mình cùng với văn hóa bản địa; từ đó phát huy thêm sự đa dạng của bản sắc văn hóa vùng cao Tây Bắc, sớm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Ngoài ra, việc tạo dựng không gian đầy màu sắc dân tộc tại các khu, điểm du lịch còn mang ý nghĩa quan trọng trong gìn giữ, phát huy giá trị các di sản tồn tại mãi với thời gian.

- ***Các khu du lịch trọng điểm:***

- Chú trọng đầu tư hệ thống hạ tầng phục vụ khách tham quan hang động.

- Phát triển du lịch Mường Mươn gắn liền với dự án nhà máy thủy điện Mường Mươn có du lịch lòng hồ đập thủy điện, Rừng Ban cổ, Cổng trời,...; gắn liền với di sản văn hóa múa của dân tộc K.Mú; phát triển tham quan trải nghiệm thủy sản lòng hồ (nuôi cá lòng hồ), cùng đó là xây dựng các dịch vụ ăn uống cạnh khu vực lòng hồ;

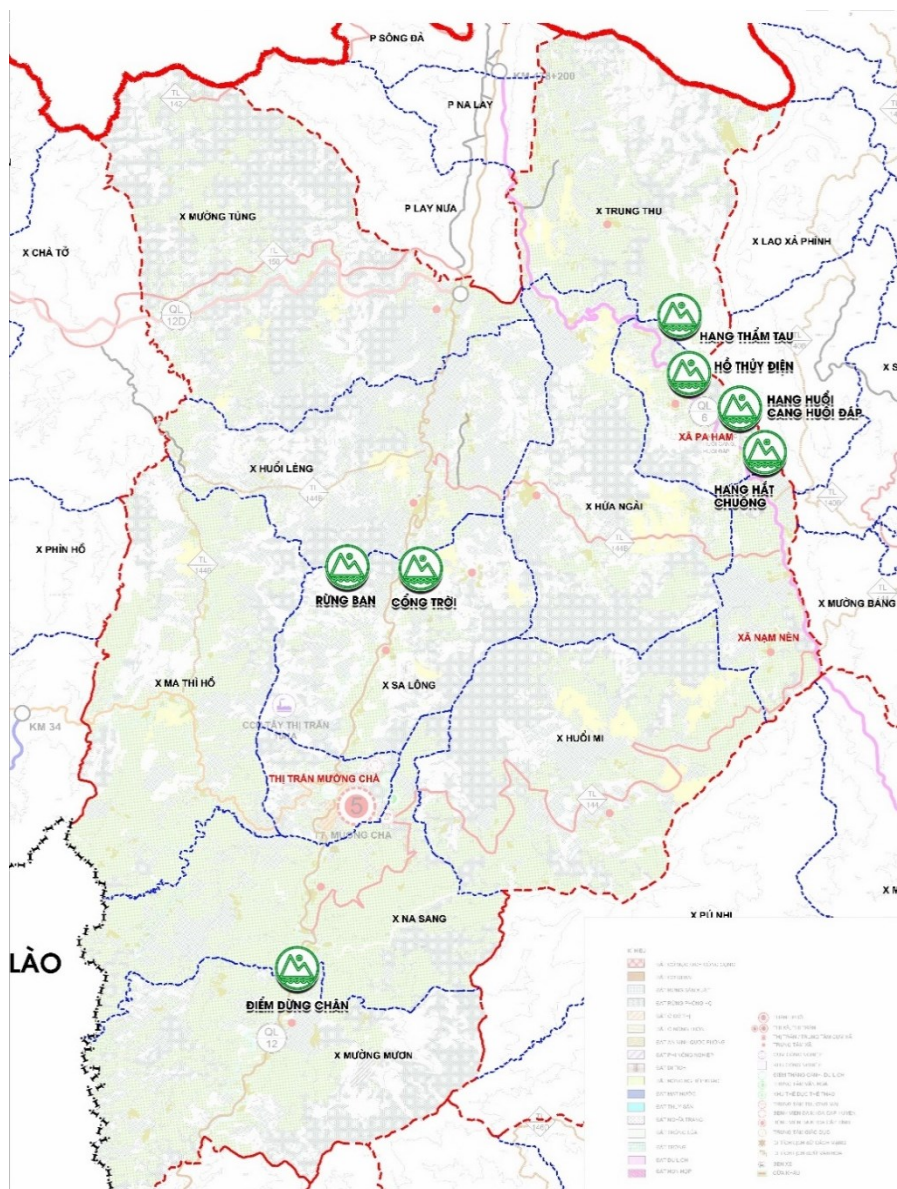
- Phát triển khu du lịch Rừng Ban Cổ tại xã Sa Lông kết hợp cùng Bản người Hoa có di sản văn hóa phi vật thể và khu vực bãi ruộng bậc thang của Bản Thèn Bản (người Hoa).

- Phát triển du lịch điểm du lịch cổng trời khu vực QL12 nằm trên đoạn giao giữa xã Huổi Lèng và Sa Lông.

- Phát triển chuỗi du lịch xã Pa Ham kết hợp lòng hồ và hang động..

- Địa danh đẹp phát triển du lịch tại khu vực xã Mường Mươn (du lịch lòng hồ đập thủy điện); Rừng Ban cổ, Cổng trời,...





Hình 21: Định hướng phát triển các khu du lịch huyện Mường Chà

Nguồn: nhóm chuyên gia tư vấn tổng hợp

- **Phương án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch**

Phát triển các khu resort nghỉ dưỡng

Các bungalow, nhà nghỉ sinh thái cần được xây dựng ở những khu vực sinh thái nghỉ dưỡng cuối tuần.

Các nhà nghỉ cộng đồng, homestay cần bố trí phát triển ở các bản văn hóa du lịch

Chất lượng: Ưu tiên xây dựng, phát triển các khách sạn 2-4 sao để thu hút thị trường quốc tế, khách có chi tiêu cao,...

Cơ sở dịch vụ: Cần đầu tư phát triển hệ thống nhà hàng du lịch; các trung tâm thương mại gắn với mua sắm, ẩm thực vùng miền; các trung tâm tổ chức sự kiện (khu hội nghị, hội thảo, hội chợ); các cơ sở dịch vụ du lịch bổ trợ khác (du lịch y tế, chăm sóc sức khỏe, làm đẹp, thẩm mỹ).



Đầu tư xây dựng bản văn hóa theo tiêu chuẩn nông thôn mới gắn với phát triển du lịch cộng đồng

Nhà hàng, khu vui chơi giải trí, mua sắm: Xây dựng khu vui chơi giải trí tại thị trấn; điểm dừng chân cổng Trời, xã Sa Long theo mô hình chợ phiên vùng cao;

Thu hút đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống các điểm dừng chân trên các tuyến giao thông phục vụ khách ngắm cảnh, chụp ảnh, mua quà lưu niệm và các sản phẩm đặc sản của địa phương trên các tuyến quốc lộ; xây dựng nhà vệ sinh đạt chuẩn tại các khu, điểm du lịch nơi tập trung đông du khách như trên tuyến quốc lộ 12 (cổng trời thuộc xã Xã Lâm, Huổi Lèng) có lợi thế về địa danh mang ý nghĩa, và thăm quan di sản văn hóa thêu hoa văn trên quần áo dân tộc Nùng, làm giấy người hoa

- ***Giải pháp phát triển du lịch***

Tăng kết nối các trung tâm du lịch của huyện với tuyến Quốc lộ, huyện lộ

Đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ các điểm di tích. Tiếp tục huy động nguồn lực trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử.

Tổ chức Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc trong huyện, Hội thi liên hoan văn nghệ, thể thao truyền thống tại các cụm xã nhằm bảo tồn và quảng bá văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc trong huyện.

Nâng cao vai trò của các cơ quan truyền thông trong công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh của huyện Mường Chà đến với du khách trong và ngoài nước. Xây dựng và duy trì hiệu quả các hoạt động quảng bá và xúc tiến du lịch trên Cổng thông tin điện tử huyện và Trang thông tin điện tử của các xã và trên các trang mạng xã hội.

Nâng cao năng lực hoạt động xúc tiến, quảng bá; ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội cho công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch.

Rà soát, xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù thúc đẩy du lịch phát triển phù hợp với tiềm năng, lợi thế của huyện, tập trung vào các nội dung: Ưu đãi thu hút đầu tư phát triển du lịch, hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch, hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng...; ưu tiên nguồn lực cho công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, xúc tiến, quảng bá, phát triển sản phẩm du lịch, huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển du lịch.

Đổi mới công tác quản lý theo hướng phục vụ doanh nghiệp, người dân; thực hiện cải cách hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, minh bạch. Khuyến khích các đơn vị, doanh nghiệp, hộ kinh doanh thường xuyên đổi mới, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch phù hợp với điều kiện của huyện và nhu cầu thị trường.

Có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân khởi nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, đặc biệt là loại hình du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa....

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các doanh nghiệp và cộng đồng trong việc xây dựng môi trường du lịch văn minh, thân thiện.

### 3.8. Định hướng phân bổ sử dụng đất

- Trên tổng diện tích tự nhiên của huyện, đến năm 2030 các nhóm đất như sau:

+ Đất nông nghiệp là 107.706,55 ha chiếm 90,52%.

+ Đất phi nông nghiệp là 3.440,88 ha chiếm 2,89%.

+ Đất chưa sử dụng còn là 7.842,07ha chiếm 6,59%.

*Bảng 7: Bảng tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất huyện Mường Chà đến năm 2030*

*Đơn vị: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Huyện Mường Chà	Tỷ lệ(%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Loại đất</b>			
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>107.706,55</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.841,81	9,14
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	494,75	0,46
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.673,01	3,41
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	28.390,96	26,36
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00	0,00
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	54.887,74	50,96
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	18.676,17	17,34
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.440,88</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	57,96	1,68
2.2	Đất an ninh	CAN	14,28	0,42
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,09	0,03
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,73	0,05
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	100,00	2,91
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	1.934,86	56,23
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	866,50	25,18
-	Đất thủy lợi	DTL	93,38	2,71

-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	21,70	0,63
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,53	0,22
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	44,42	1,29
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	3,10	0,09
-	Đất công trình năng lượng	DNL	848,32	24,65
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,02	0,03
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	0,00	0,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,00	0,00
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	46,49	1,35
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,00	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,37	0,04
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	28,47	0,83
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	410,20	11,92
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	32,00	0,93
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,18	0,32
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,04	0,03
2.14	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>7.842,07</b>	
<b>II</b>	<b>Khu chức năng</b>			
<b>1</b>	<b>Đất khu công nghệ cao</b>	<b>KCN</b>		
<b>2</b>	<b>Đất khu kinh tế</b>	<b>KKT</b>		
<b>3</b>	<b>Đất đô thị</b>	<b>KDT</b>	<b>2.215,89</b>	
<b>4</b>	<b>Khu sản xuất nông nghiệp</b>	<b>KNN</b>	<b>24.426,01</b>	
<b>5</b>	<b>Khu lâm nghiệp</b>	<b>KLN</b>	<b>83.278,70</b>	
<b>6</b>	<b>Khu du lịch</b>	<b>KDL</b>	<b>28,47</b>	
<b>7</b>	<b>Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</b>	<b>KBT</b>	<b>0,00</b>	
<b>8</b>	<b>Khu phát triển công nghiệp</b>	<b>KPC</b>	<b>0,00</b>	
<b>9</b>	<b>Khu đô thị</b>	<b>DTC</b>		
<b>10</b>	<b>Khu thương mại - dịch vụ</b>	<b>KTM</b>	<b>1,09</b>	
<b>11</b>	<b>Khu dân cư nông thôn</b>	<b>DNT</b>	<b>1.263,90</b>	

(Ghi chú: Các loại đất sẽ được xác định cụ thể theo phương án phân bổ đất đai cấp tỉnh phân bổ đến đơn vị hành chính cấp huyện)

#### **4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI**

##### **4.1. Định hướng phát triển Văn hóa – thể thao**

##### **4.1.1. Quan điểm phát triển**

###### **a) Văn hóa**

Bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt của các cấp ủy đảng, chính quyền. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội và Nhân

dân các dân tộc trên địa bàn; tạo điều kiện để các dân tộc bình đẳng, tăng cường đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; gìn giữ, phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và bài trừ các hủ tục trong đời sống; gắn chương trình bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội và phát triển du lịch, giữ vững ổn định chính trị, giải quyết các vấn đề xã hội và thực hiện tốt chính sách dân tộc. Góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng và phát triển văn hoá đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

#### *b) Thể dục thể thao*

Tiếp tục triển khai các Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa con người toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao quần chúng, nhất là trong lực lượng thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên. Ưu tiên đầu tư phát triển các môn thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao mà tỉnh có thể mạnh. Từng bước hình thành, tổ chức các sự kiện thể thao giải trí, thể thao đặc thù nhằm thu hút khách du lịch.

Về cơ sở hạ tầng: Quan tâm đầu tư phát triển các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Trong đó, tập trung đầu tư hoàn thiện, phát triển các công trình thể thao như khu thể thao cấp huyện, xã, nhà sinh hoạt cộng đồng tại các thôn, bản còn thiếu. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần, luyện tập thể dục thể thao của nhân dân.

Tiếp tục phát triển sâu rộng và bền vững hoạt động thể dục thể thao, chú trọng phát triển thể dục thể thao ở vùng miền núi, các dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học, phát triển các môn thể dục ngoại khóa. Xây dựng và triển khai đề án xoá mù bơi trong trường học, phòng chống tai nạn đuối nước.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa thể dục, thể thao, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động các liên đoàn, hiệp hội thể thao.

#### *4.1.2. Mục tiêu phát triển*

##### *a) Văn hóa*

Bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống của các dân tộc phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đặc biệt chú trọng địa bàn các dân tộc thiểu số tại khu vực biên giới, khu vực tái định cư; tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; phát huy vai trò của các chủ thể văn hóa và khích lệ sự sáng tạo các giá trị văn hóa mới trong phát triển văn hóa truyền thống các dân tộc, góp phần giảm dần sự chênh lệch về mức sống và mức hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, các dân tộc.

Gắn bảo tồn và phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, đặc biệt là phải gắn với phát triển du lịch. Phát triển văn hóa các dân tộc nhằm nâng cao mức hưởng thụ về văn hóa, góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh ở địa phương

Tiếp tục bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dân tộc và di tích danh lam thắng cảnh, đầu tư khai thác có hiệu quả các di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh nhằm phát triển du lịch trên địa bàn huyện.

### *b) Thể dục thể thao*

Phát triển thể dục thể thao phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, đồng thời gắn liền với mục tiêu công bằng, tiến bộ xã hội trong định hướng phát triển nhanh và bền vững. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, nhân dân về vai trò của thể dục thể thao trong phát triển kinh tế bền vững; là nền tảng tinh thần của xã hội.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý thể dục thể thao nhằm tạo bước đột phá; tạo môi trường hoạt động tốt hơn cho các đơn vị, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực thể dục thể thao. Huy động mọi nguồn lực, trong đó tập trung đẩy mạnh xã hội hóa cho phát triển thể dục thể thao. Kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy ngành văn hóa, thể thao, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động.

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các bộ môn thể thao thành tích cao; xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, phát huy tối đa tiềm năng, khả năng sáng tạo; phát huy vai trò của khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ số; xây dựng, củng cố hệ thống từ sản xuất đến cung ứng, quảng bá sản phẩm, dịch vụ thể thao tới công chúng. Đẩy mạnh giao lưu thể dục thể thao với các dân tộc khác trong và ngoài tỉnh để vừa giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, vừa tiếp nhận văn hóa tốt đẹp của các dân tộc khác.

Nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Điện Biên, tăng cường thể lực của thanh niên và số năm sống khỏe trung bình của người dân.

Nâng cao tỷ lệ dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên.

Phát hiện, bồi dưỡng và phát triển tài năng thể thao của huyện, đưa thể thao huyện Mường Chà đạt vị trí cao trong vùng, từng bước cải thiện thành tích, vị trí của thể thao huyện Mường Chà ở những môn thể thao có ưu thế.

#### *4.1.3. Định hướng phát triển*

##### *a) Văn hóa*

(1)- Giai đoạn 2021-2025, tiếp tục nghiên cứu, lập hồ sơ khoa học, có thêm ít nhất 1 di tích được cấp có thẩm quyền xếp hạng; 2 di tích đã xếp hạng được khai thác phát huy giá trị (Hang động Huổi Cang, Huổi Đáp; Hắt Chuông). Đến năm 2030 có thêm ít nhất 1 di tích được xếp hạng, tiếp tục khai thác phát huy giá trị các di tích đã được xếp hạng.

(2)- Giai đoạn 2021-2025, tiếp tục sưu tầm, khai thác, phục dựng di sản của 5 cộng đồng dân tộc ( Thái, Mông, Khơ Mú, Kháng, Hoa) có di sản văn hóa tiêu biểu, đại diện được bảo tồn phát huy giá trị.

(3)- Giai đoạn 2021-2025, hỗ trợ bảo tồn và phát triển 2 loại hình di sản văn hóa phi vật thể trở lên. Đến năm 2030 tiếp tục duy trì hỗ trợ 2 loại hình di sản văn hóa phi vật thể trở lên.

(4)- Giai đoạn 2021-2025 có thêm ít nhất 1 di sản được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Duy trì và phát huy 3 di sản văn hóa phi vật thể đã đưa vào danh mục cấp quốc gia. Tiếp tục duy trì mục tiêu này trong giai đoạn 2025-2030.

(5)- Giai đoạn 2021-2025 Có 2 cá nhân trở lên được chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; 100% “ Nghệ



nhân ưu tú” có thu nhập thấp và hoàn cảnh khó khăn được trợ cấp theo quy định. Giai đoạn 2025-2030 tiếp tục lập hồ sơ đề nghị phong tặng “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; đảm bảo “Nghệ nhân ưu tú” có thu nhập thấp và hoàn cảnh khó khăn được trợ cấp theo quy định.

(6)- Đến năm 2025, 100% số xã, thị trấn và 60% trở lên số bản, tổ dân phố có nhà văn hóa; 15% khu thể thao bản, tổ dân phố; 100% bản, tổ dân phố được gắn biển tên và bảng thông tin.

(7)- Đến năm 2025, tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 59% trở lên; 71,8% bản, tổ dân phố văn hóa; 91,7% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa. Giai đoạn 2025-2030 tiếp tục duy trì và nâng cao tỷ lệ số hộ gia đình, bản, tổ dân phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa.

(8)- Giai đoạn 2021-2025, thực hiện bảo tồn và phát triển 1 làng nghề hoặc cơ sở sản xuất nghề thủ công truyền thống nhằm tạo ra sản phẩm thủ công đặc trưng phục vụ phát triển du lịch theo hướng phát triển làng nghề gắn với du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa lịch sử.

(9)- Hàng năm lựa chọn tổ chức 1-2 lớp truyền dạy về các loại hình văn hóa phi vật thể; ưu tiên chú trọng các loại hình dân ca, dân vũ, dân nhạc truyền thống các dân tộc. Tiếp tục duy trì mục tiêu này trong giai đoạn 2025-2030.

(10)- *Bảo tồn di sản văn hóa vật thể*: Xây dựng dự án tu bổ và khai thác các di tích danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng để phát triển du lịch gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục tìm kiếm, khảo sát di tích trên địa bàn huyện; lựa chọn di tích đủ điều kiện lập hồ sơ khoa học, đề nghị cấp có thẩm quyền xếp hạng di tích theo quy định của Luật Di sản Văn hóa.

(11)- *Bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể*: Hàng năm tiến hành kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc, đến năm 2025 thực hiện tổng kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể các dân tộc trên địa bàn. Trên cơ sở đó lựa chọn lập hồ sơ khoa học các di sản văn hóa phi vật thể đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia. Triển khai thực hiện việc xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể theo quy định. Tổ chức rà soát và hỗ trợ kịp thời các nghệ nhân có hoàn cảnh khó khăn. Bảo tồn, phát huy giá trị trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số. Thực hiện chương trình bảo tồn và phát huy một số loại hình nghệ thuật truyền thống của các dân tộc có nguy cơ mai một. Thực hiện việc bảo tồn, truyền dạy tiếng nói của dân tộc ít người và chữ viết của những dân tộc thiểu số có chữ viết riêng. Mở các lớp ngoại khóa dạy và học chữ viết người dân tộc thiểu số. Tiếp tục phục dựng và bảo tồn một số lễ hội truyền thống trên địa bàn; Triển khai dự án bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa thực hành Then Tày, Nùng, Thái đã được UNESCO ghi danh di sản văn hóa đại diện nhân loại.

(12)- *Đầu tư, phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, phát triển du lịch, nâng cao đời sống văn hóa các dân tộc*: Quy hoạch, đầu tư xây dựng điểm dừng chân điểm Cổng Trời, xây dựng Bản Cổng trời xã Sa Lông thành bản văn hóa du lịch. Bảo tồn, tổ chức lễ hội tiêu biểu của các dân tộc nhằm kết hợp khai thác và phát triển du lịch: Lễ hội Pao dân tộc Mông; lễ hội Kin Pang Then (Then, Tày, Nùng, Thái); Lễ hội Tung Cùn của dân tộc Thái; Bảo tồn dân ca dân vũ, các trò chơi dân gian truyền thống của các dân tộc. Tổ chức ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch các dân tộc và hội

thi liên hoan truyền thống tại địa phương; liên hoa văn hóa, thể thao các xã vùng cao, cụm liên xã...nhằm quảng bá văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc. Tiếp tục xây dựng và tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống văn hóa cho đồng bào các dân tộc, tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, chú trọng hỗ trợ hoạt động, phát triển đội văn nghệ thôn, bản. Duy trì hệ thống thư viện công cộng, thư viện trường học và tủ sách tại các nhà văn hóa xã hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng. Tổ chức hướng dẫn bạn đọc khai thác và sử dụng vốn tài liệu hiện có của thư viện, sử dụng thư viện và tìm kiếm thông tin có nội dung về giới thiệu, nghiên cứu văn hóa. Chú trọng công tác bổ sung, chọn lọc và khai thác vốn sách báo.

(13)- *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ công tác bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc*: Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức làm công tác bảo tồn văn hóa, trang bị bổ sung những kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng quản lý điều hành, từng bước tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bảo tồn đáp ứng với yêu cầu quá trình phát triển văn hóa, đặc biệt quan tâm việc đào tạo đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số và người am hiểu nhằm thực hiện hiệu quả trong công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc. Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nghệ nhân mở các lớp truyền dạy về di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng nhằm trao truyền các tri thức các nghệ nhân đang nắm giữ cho thế hệ trẻ và nâng cao vai trò của nghệ nhân trong việc bảo tồn di sản văn hóa của dân tộc mình.

#### *b) Thể dục thể thao*

Định hướng theo đúng định hướng chung của tỉnh là tại tất cả các địa phương đều bố trí Khu liên hợp thể dục thể thao và đảm bảo phân bố đầy đủ cơ sở hạ tầng TDTT đến từng khu dân cư, từng xã.

Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thành lập các tổ chức và câu lạc bộ thể thao, đa dạng hình thức tập luyện. Đầu tư cho thể thao trường học, đào tạo thể dục, thể thao thành tích cao.

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất TDTT cấp huyện: đảm bảo có 3 công trình thể thao cơ bản là Sân vận động, nhà thi đấu và bể bơi.

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất TDTT cấp xã: xây dựng cơ sở vật chất TDTT theo quy định xây dựng nông thôn mới.

Duy trì và Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng, nâng cao sức khỏe, thể chất của người dân, đẩy mạnh hoạt động thể dục thể thao trường học. Tập trung đầu tư nâng cao chất lượng của một số môn thể thao mang tính truyền thống và có thế mạnh của địa phương như bơi, chạy để dành thành tích cao trong các giải thi đấu. Chú trọng đầu tư xây dựng thiết chế thể dục - thể thao cần thiết cho các hoạt động thể thao cộng đồng và thể thao thành tích cao của huyện. Mạng lưới thiết chế thể dục – thể thao trên địa bàn huyện Mường Chà trong thời kỳ quy hoạch sẽ gồm có 01 sân vận động huyện, 01 khu liên hợp thể thao, Các sân TDTT ở tất cả các xã, các khu vui chơi, rèn luyện thể dục thể thao ở các trường học và cơ quan đơn vị trên địa bàn.

## **4.2. Định hướng phát triển giáo dục, đào tạo**

### **4.2.1. Quan điểm phát triển**

Phát triển giáo dục và đào tạo có trọng tâm, trọng điểm đáp ứng nhu cầu học tập, bồi dưỡng của người dân, hướng vào mục tiêu phát triển toàn diện con người, nâng cao dân trí, tạo lập đội ngũ nhân lực có trình độ chuyên môn cao,

Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả của mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo hiện có và đảm bảo thiết thực, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với phân bố dân cư và kinh tế

Quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo mang tính chất động, kịp thời cập nhật, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, thời kỳ.

#### **4.2.2. Mục tiêu phát triển**

Phát triển, hoàn thiện quy mô trường lớp học sinh đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; các xã có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; các huyện và trung tâm liên xã có trường trung học phổ thông; các huyện có trường dân tộc nội trú trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

Huy động tối đa dân số trong độ tuổi đến trường, duy trì và nâng cao chất lượng xóa mù chữ, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi, tiểu học, trung học cơ sở và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở. Chất lượng giáo dục các cấp từng bước được nâng cao. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên vững vàng về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về chuyên nghiệp vụ chuyên môn.

Phấn đấu đến năm 2030 giáo dục của huyện có bước tiến vượt bậc, các chỉ tiêu như sau:

- Tỷ lệ huy động dân số từ 3 đến 5 tuổi đi học đạt trên 90%, học sinh 6-10 tuổi học tiểu học đạt trên 99%; Tỷ lệ học sinh 11 tuổi vào lớp 6 đạt trên 95%; Tỷ lệ học sinh 15-18 tuổi học THPT và tương đương đạt trên 80%

- Duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiến tới phổ cập GDMN cho trẻ em dưới 5 tuổi, xóa mù chữ mức độ 2; hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; và công nhận phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

100% cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn trở lên; nâng cao tỉ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ chuẩn, 100% cán bộ quản lý các cấp học có trình độ đào tạo trung cấp Lý luận chính trị; 100% cán bộ quản lý, giáo viên giỏi chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng thông thạo tin học và thiết bị dạy học hiện đại; 20% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp và nghiên cứu

Phấn đấu đến năm 2030, trên 90% phòng học, phòng ở nội trú, phòng hỗ trợ học tập, nhà đa năng, phòng quản trị hành chính được xây dựng kiên cố hóa đáp ứng đầy đủ nhu cầu phục vụ các hoạt động giáo dục và 80% trường đạt chuẩn Quốc Gia

#### **4.2.3. Định hướng phát triển**

Thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo. Phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập, giữa các huyện/thành phố.

Mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được phát triển phủ khắp các điểm dân cư trên toàn tỉnh, đảm bảo tính liên thông.

Quy mô trường lớp đầu tư, mở rộng để hoàn thiện thiện mạng lưới trường học từ giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập theo tốc độ tăng dân số trong độ tuổi đến trường cũng như nhu cầu học tập, đào tạo của nhân dân.

Cơ sở vật chất trường học đầu tư đạt chuẩn về diện tích, đủ về phòng học, phòng chức năng, phòng bộ môn đáp ứng yêu cầu học sinh được học cả ngày ở trường.

Căn cứ theo dự báo quy mô học sinh, thực trạng mạng lưới trường, lớp giai đoạn 2010-2020 của huyện, trong giai đoạn 2021-2030 sắp tới, hệ thống mạng lưới trường, lớp các bậc mầm non, phổ thông của tỉnh được dự báo có xu hướng gia tăng dần theo các năm trong giai đoạn 2021-2030 nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân cũng như đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.

Dự báo đến năm học 2025-2026 trên địa bàn huyện tăng 3 trường mầm non, giảm 1 trường tiểu học, tăng 2 trường THCS, số lượng trường THPT không tăng không giảm. Đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu học tập, giai đoạn từ năm học 2026-2027 đến 2030-2030 tăng 5 trường mầm non, giảm 2 trường tiểu học, số lượng trường THCS, trường THPT không tăng không giảm.

Đầu tư cơ sở vật chất trung tâm giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực đào tạo nghề nghiệp của trung tâm, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng tay nghề người lao động, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo xóa nghèo bền vững

#### **4.3. Định hướng phát triển y tế**

##### **4.3.1. Quan điểm phát triển**

Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với đặc điểm dân cư, sự thay đổi của mô hình bệnh tật và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

Xây dựng phương án phát triển và phân bố hệ thống các cơ sở chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân trên đảm bảo tính kế thừa và phát triển mạng lưới y tế của tỉnh, có tính đến sự cân đối, đồng bộ và hiệu quả giữa các tuyến trong địa bàn tỉnh và phù hợp với quy hoạch, chiến lược phát triển của tỉnh và của từng vùng và của Quốc gia

Phát triển đồng bộ, toàn diện hệ thống y tế của huyện theo hướng hiện đại và bền vững. Đảm bảo tính hệ thống, liên tục trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến. Quan tâm phát triển tuyến y tế cơ sở, nhất là tăng cường năng lực công tác y tế dự phòng và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh ở trung tâm y tế huyện

Phát triển hệ thống y tế theo hướng xã hội hóa, trong đó y tế Nhà nước đóng vai trò chủ đạo; y tế dự phòng chủ động; nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; kết hợp y tế phổ cập với y tế chuyên sâu, y học hiện đại với y học cổ truyền.

Phát triển hệ thống y tế gắn liền với nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh.

##### **4.3.2. Mục tiêu phát triển**

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế; xây dựng và phát triển y học của tỉnh đảm bảo khoa học, dân tộc và đại chúng; bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe; xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có năng

lực chuyên môn vững vàng, từng bước tiếp cận trình độ quốc tế, nhằm nâng cao sức khoẻ cả về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn huyện

Phấn đấu đến năm 2030 công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân có chuyển biến mới tạo cơ sở cho tiếp nhận tiến bộ khoa học hiện đại, tiếp nhận chuyển giao y tế tuyến trên, các chỉ tiêu y tế như sau

Phấn đấu 100% các xã, thị trấn đã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 95%; trên 90% dân số được quản lý sức khỏe; 100 % các xã thị trấn có bác sỹ làm việc, Giảm tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng nhỏ hơn 17%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%

#### **4.3.3. Định hướng phát triển**

Hoàn thiện mô hình Trung tâm Y tế huyện có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật. Bố trí hài hòa nhân lực giữa 2 lĩnh vực phòng bệnh và khám chữa bệnh, sẵn sàng phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau.

Đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế cấp xã để thực hiện vai trò là tuyến đầu của hệ thống y tế. Bổ sung danh mục dịch vụ kỹ thuật, danh mục thuốc tại cơ sở y tế xã, huyện để tăng khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân ngay tại y tế cơ sở; thực hiện quản lý và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe Nhân dân dựa trên các quy trình chuyên môn và các tiêu chuẩn về chất lượng do Bộ Y tế ban hành.

Củng cố hệ thống y tế thôn: Bổ sung nhân viên y tế thôn đối với các thôn chưa có y tế thôn; sắp xếp lại mạng lưới cộng tác viên theo hướng tinh gọn đầu mối, sử dụng nhân viên y tế thôn làm cộng tác viên một số chương trình, dự án thuộc lĩnh vực y tế - dân số để có thể triển khai lồng ghép các hoạt động chăm sóc sức khỏe tại thôn.

Xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ y tế bảo đảm số lượng và chất lượng, thực hiện điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực để khắc phục sự mất cân đối giữa các lĩnh vực; hướng tới mục tiêu ngành y tế không có nhân lực có trình độ trung cấp. Tăng cường nhân lực y tế cho y tế cơ sở. Chú trọng phát triển nhân lực y tế có trình độ cao; chú trọng công tác đào tạo điều dưỡng trình độ đại học, cao đẳng, tiến tới đạt cơ cấu hợp lý giữa bác sỹ và điều dưỡng, kỹ thuật viên..., bảo đảm cân đối giữa đào tạo và sử dụng nhân lực y tế, bảo đảm cơ cấu điều dưỡng/bác sỹ phù hợp để thực hiện chăm sóc sức khỏe toàn diện cho người bệnh.

Triển khai có hiệu quả chương trình Y tế - Dân số và các chương trình, đề án liên quan về phòng, chống bệnh không lây nhiễm, HIV/AIDS. Củng cố, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng và tăng cường năng lực kiểm soát các yếu tố nguy cơ, hạn chế gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh, tàn tật và tử vong do bệnh không lây nhiễm. Mở rộng triển khai hoạt động phát hiện sớm, dự phòng, quản lý bệnh không lây nhiễm tại trạm y tế xã và tại cộng đồng.

#### **4.3.4. Phương án**

Căn cứ theo nghị quyết phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2030 , dự báo dân số 2021-2030 đầu tư cơ sở vâng cấp nâng cấp trung tâm y tế huyện từ 80 giường hiện nay lên 150 giường vào năm 2030 đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân.



Đầu tư nâng cấp các trạm y tế xã Mường Mơn, Sa Lông. Mua sắm trang thiết bị vật tư nhằm nâng cao năng lực khám chữa bệnh tuyến cơ sở

#### **4.4. Định hướng phát triển khoa học công nghệ**

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng phục vụ phát triển KT-XH Huyện Mường Chà, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Ưu tiên ứng dụng một số công nghệ cao, công nghệ sạch vào sản xuất, nuôi trồng, chế biến nông, lâm sản, y dược.

- Đẩy mạnh ứng dụng KHCN trong các ngành, lĩnh vực của Huyện Mường Chà.

- Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hình thành các vườn ươm doanh nghiệp.

- Phát triển thị trường KHCN, đổi mới công nghệ. Nghiên cứu tiếp cận, lựa chọn công nghệ phù hợp với đặc điểm sản xuất, trồng trọt, chế biến sản phẩm hàng hóa huyện.

- Phát triển và ứng dụng công nghệ của cuộc CMCN 4.0, tiếp tục cải thiện, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của huyện. Xây dựng hạ tầng số, chuyển đổi số trong các lĩnh vực, bước đầu phát triển kinh tế số.

- Đổi mới hoạt động cơ quan nhà nước hỗ trợ Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn huyện; nâng cao chất lượng mẫu mã sản phẩm đặc thù của Huyện Mường Chà.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX triển khai áp dụng hệ thống TCVN ISO, nâng cao năng lực chuyên môn cán bộ.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHKT, KHCN, lựa chọn các tiến bộ KT phù hợp với điều kiện Huyện Mường Chà.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị, tăng cường tiềm lực các Tổ chức KHCN, Doanh nghiệp KHCN, bố trí Cán bộ chuyên trách về KHCN.

### **5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

#### **5.1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật**

##### **5.1.1. Mục tiêu quy hoạch**

Lựa chọn các khu vực có quỹ đất thuận lợi để xây dựng mới kết hợp mở rộng các đô thị và điểm dân cư nông thôn hiện có.

Khống chế các điều kiện kỹ thuật - bảo vệ đô thị và các điểm dân cư phù hợp với cấp loại, quy mô của từng đô thị, điểm dân cư.

Đề xuất các giải pháp phòng tránh, giảm thiểu các tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường.

##### **5.1.2. Giải pháp quy hoạch**

###### **a. Định hướng cao độ nền xây dựng**

###### **Mục tiêu của quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật**

- Lựa chọn các khu vực có quỹ đất thuận lợi để xây dựng mới kết hợp mở rộng các đô thị và điểm dân cư nông thôn hiện có.

- Không chế các điều kiện kỹ thuật - bảo vệ đô thị và các điểm dân cư phù hợp với cấp loại, quy mô của từng đô thị, điểm dân cư.

- Đề xuất các giải pháp phòng tránh, giảm thiểu các tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường.

*Định hướng cao độ nền xây dựng*

- Nguyên tắc chung:

- Đối với vùng trung du và miền núi tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san tạo mặt bằng khi thật cần thiết. Tổ chức nền xây dựng theo dạng giạt cấp. Mạng lưới đường thiết kế bám theo địa hình với độ dốc dọc  $\leq 10\%$ .

- Phải bảo đảm an toàn cho các đô thị và các điểm dân cư, tần suất chống lũ phù hợp với cấp đô thị, tính chất khu vực xây dựng (tuân thủ QCVN 01:2021):

*Định hướng nền xây dựng:*

- Giải pháp quy hoạch cao độ nền có thể là tôn nền vượt cao độ mực nước tính toán; có thể là dùng hệ thống công trình bảo vệ đô thị khỏi ngập lụt và không chế cao độ nền xây dựng cho các khu chức năng trong đô thị theo mực nước tính toán nội đồng.

- Cao độ không chế nền xây dựng cho các đô thị cần phù hợp với hệ thống thoát nước mưa, hệ thống tiêu thủy lợi và hệ thống công trình bảo vệ đô thị khỏi ngập lụt. Tận dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng san đắp và hạn chế chiều cao đất đắp.

- Đối với các khu dân cư sống ven các dòng suối với độ dốc lớn, suối hẹp thường hay bị lũ quét cần phải di dời đến các khu dân cư định cư.

- Các điểm dân cư nông thôn: Cao độ không chế xây dựng căn cứ vào mực nước cao nhất trung bình nhiều năm của hệ thống sông suối chảy qua khu vực dân cư.  $H_{x\text{dmin}} > H_{\text{mực nước max}} + 0,3\text{m}$ .

- Lựa chọn cao độ nền xây dựng với  $h \geq 747\text{m}$ , giải pháp san lấp cục bộ trừ những công trình đặc thù, san giạt cấp.

*b. Định hướng thoát nước mưa:*

*Nguyên tắc chung:*

- Tận dụng khai thác tối đa các trục tiêu thoát nước tự nhiên như: sông, suối, kênh mương tiêu thủy lợi.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tại các đô thị chưa có hệ thống thoát nước, tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước tại các đô thị có hệ thống thoát nước mưa chưa hoàn chỉnh.

- Đối với các khu đô thị mới, các khu công nghiệp tập trung sẽ xây hệ thống thoát nước riêng.

- Các đô thị hiện hữu đang có hệ thống thoát chung, trong tương lai cần đầu tư xây dựng thành hệ thống mưa riêng hoặc riêng hoàn toàn.

- Kết cấu là cống BTCT, mương xây nắp đan, mương xây hở tùy theo đặc điểm của từng đô thị và từng khu vực.

*Giải pháp thoát nước mưa:*

*\* Chỉ tiêu về hệ thống thoát nước:*

- Đô thị loại V: Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị 2,5÷3 km/km<sup>2</sup>.

*Quy định về thu gom nước mưa:*

- Đô thị loại V: 100% đường giao thông nội thị có cống thoát nước mưa, tối thiểu 50% đường có hệ thống thoát nước mưa.

*Hệ thống thoát nước mưa:*

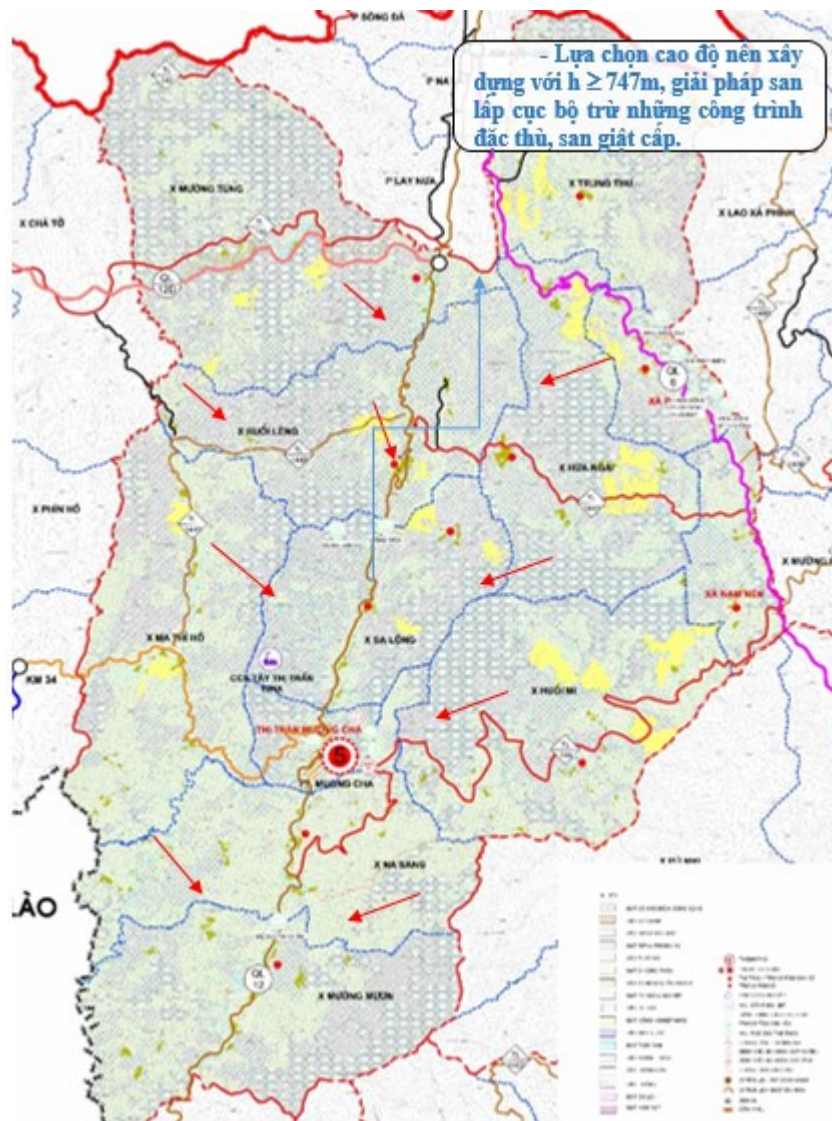
Trong các khu phố cũ của các đô thị đang dùng hệ thống cống thoát nước chung, trong tương lai cần cải tạo thành hệ thống riêng hoặc nửa riêng. Các khu vực xây dựng mới đề xuất giải pháp tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước bẩn.

*Mạng lưới thoát nước mưa:*

Chủ yếu thoát theo độ dốc địa hình tự nhiên, mạng lưới phân tán để giảm độ sâu chôn cống và giảm kích thước cống, phân bố đồng đều trên toàn bộ diện tích xây dựng đô thị, đảm bảo thoát nước nhanh cho các đô thị, không bị ngập úng cục bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.

Tận dụng hệ thống hồ, kênh mương trong các đô thị để điều hòa nước mưa và giảm chiều sâu chôn cống trước khi thoát ra các sông thoát nước chính cho đô thị.

Hướng thoát nước mưa chính là thoát về sông Nậm Núa.



Hình 22: Bản đồ định hướng san nền, thoát nước mưa huyện Mường Chà

## 5.2. Định hướng phát triển giao thông

### 5.2.1. Quốc lộ:

Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường quốc lộ đi qua địa bàn huyện, nâng cao tính kết nối giao thông đối ngoại với các khu vực lân cận.

Mở rộng quy mô, cấp đường quốc lộ theo định hướng quy hoạch mạng lưới giao thông đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, trong đó:

+ Quốc lộ 12: Nâng cấp, cải tạo đoạn tuyến đường đi qua địa bàn huyện đạt cấp III.mn, quy mô tối thiểu 2 làn xe. Tuyến đường cải tạo nâng cao kết nối 2 tỉnh biên giới Điện Biên và Lai Châu với nhau, nâng cao kết nối khu vực cửa khẩu Tây Trang (kết nối Điện Biên với Lào).

+ Tuyến quốc lộ 6 là tuyến đường chính kết nối tỉnh Điện Biên với các tỉnh Tây Bắc và kết nối vùng thủ đô Hà Nội. Nâng cấp, cải tạo tuyến đường đi qua địa bàn huyện đạt tối thiểu đường cấp III.mn quy mô tối thiểu 2 làn xe.

+ Quốc lộ 4H: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường đi qua địa bàn huyện đạt quy mô tối thiểu cấp IV.mn quy mô tối thiểu 2 làn xe. Tuyến đường huyết mạch kết nối huyện Mường Chà với các huyện Nậm Pồ và huyện Mường Nhé.

+ Nâng cấp tuyến đường tỉnh 150 qua địa bàn huyện đạt quy mô cấp IV.mn, 2 làn xe. Chuyển toàn bộ tuyến đường thành đường quốc lộ 12D. Tuyến đường bắt đầu từ QL12 phường Lay Nưa kết nối đi cửa khẩu Nà Bùng.

#### **5.2.2. Đường tỉnh:**

Nâng cấp các tuyến đường tỉnh hiện trạng đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân, đồng thời quy hoạch bổ sung một tuyến đường tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Đường tỉnh 144: từ Na Sang (QL 12) - Nậm Mực (km450-QL6), định hướng nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V.mn.

- Đường tỉnh 144B: từ Huổi Lèng đến Hừa Ngải, Pa Ham, định hướng nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn cấp V.mn.

- Đầu tư nâng cấp tuyến đường Huổi Lèng – Ma Thì Hồ, Ma Thì Hồ - Chà Tở thành đường tỉnh lộ đạt quy mô cấp V.mn , Tổng chiều dài khoảng 20 km

#### **5.2.3. Đường huyện:**

Cải tạo, nâng cấp, kéo dài, xây dựng mới các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi – GTNT A, mặt đường cứng hóa 100%. Đối với các dự án đầu tư nâng cấp xây dựng theo cấp VI.mn, đối với các tuyến mở mới do địa hình phức tạp mức đầu tư lớn nguồn vốn khó khăn thì đầu tư theo GTNTA. Một số tuyến đường huyện chính qua khu vực trung tâm các huyện xây dựng đạt tiêu chuẩn đường cấp V.mn.

#### **5.2.4. Đường giao thông nông thôn:**

Nâng cấp, mở rộng, bê tông hóa hoặc nhựa hoá 100% hệ thống các tuyến đường đường xã. Đảm bảo các xã có đường giao thông đi lại thuận tiện trong 4 mùa. Nâng cấp các tuyến đường trục thôn xóm đạt tỷ lệ cứng hóa khoảng 90%, gắn liền với các tiêu chí phát triển xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện

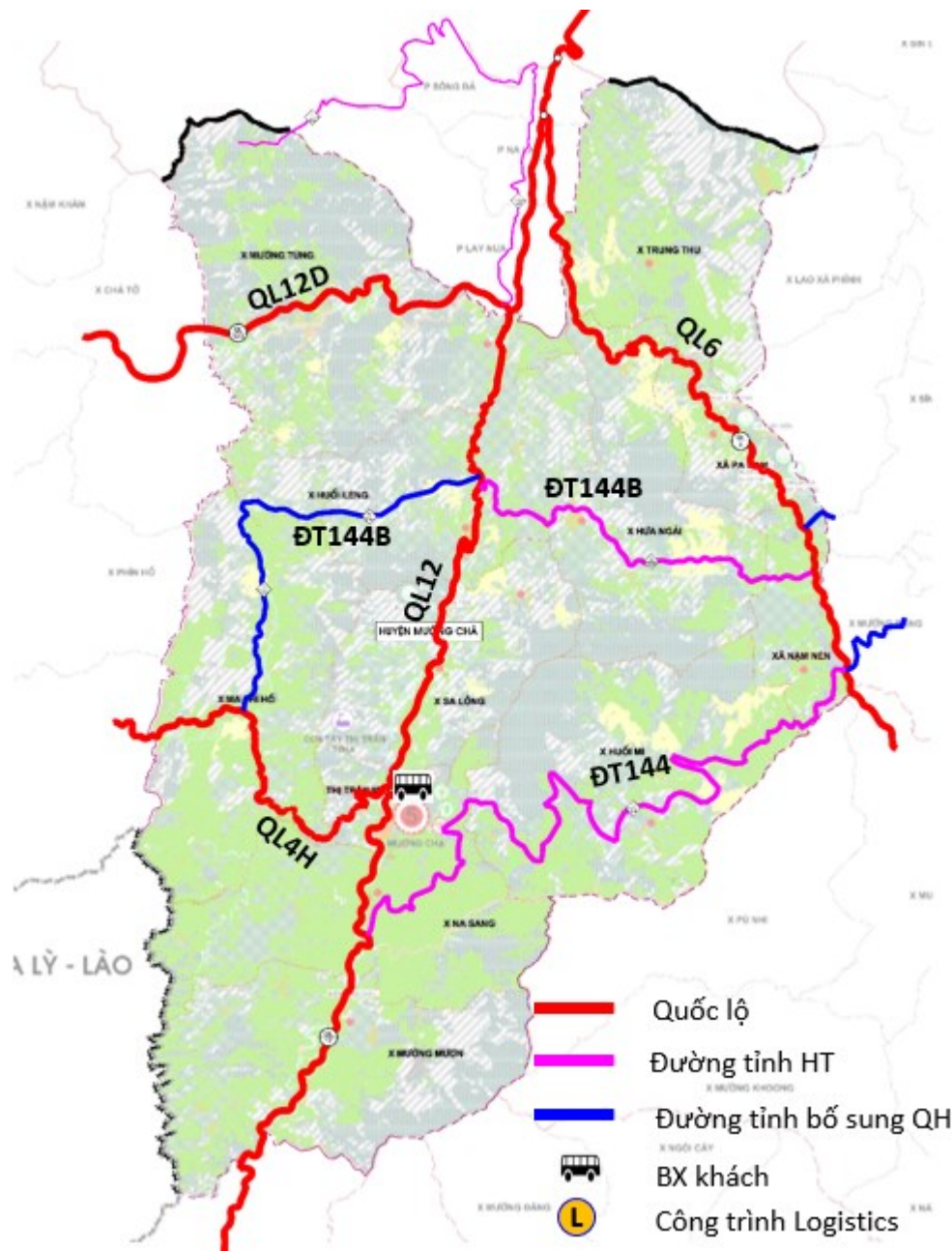
#### **5.2.5. Bến xe:**

Quy hoạch hệ thống bến xe, điểm dừng đỗ giao thông đường bộ sẽ thiết lập được mạng lưới vận tải hành khách khoa học, hợp lý, tổ chức điều hành thuận tiện, tạo điều kiện quản lý tốt phương tiện tham gia vận tải hành khách trên các tuyến nhằm phục vụ vận tải trên địa bàn huyện và toàn tỉnh. Trên địa bàn huyện Mường Chà nâng cấp mở rộng bến xe Mường Chà đạt quy mô loại 4, diện tích 3.000m<sup>2</sup>.

#### **5.2.6. Công trình logistics:**

Nhằm phát triển lưu thông hàng hoá với các tỉnh và các huyện trong khu vực, đề xuất xây dựng 01 trung tâm Logistics tại TT Mường Chà. Là nơi phân phối, giao thương hàng hóa cho các địa phương trong huyện và các tỉnh lân cận.





Hình 23: Bản đồ định hướng giao thông đường bộ huyện Mường Chà



+ Nông thôn	80	100	95
Công cộng (%) Qsh	10-20		
Công nghiệp (m3/ha.ngày)	Trên 20	Trên 20	

b. *Nhu cầu dùng nước*

- Nước cấp sinh hoạt khu vực nội thị: 100-120 l/ng.ngđ

*Bảng 8: Bảng tính toán nhu cầu cấp nước huyện Mường Chà*

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Loại đô thị	Dân số mới	Chỉ tiêu cấp nước	Đơn vị tính	Công suất(m3/ngđ)
4	Huyện Mường Chà	V	63.136,00	120,00	l/người.ngđ	6.421,90
	Thị trấn Mường Chà	V	5.415,00	120,00	l/người.ngđ	649,80
	Ngoại thị		57.721,00	100,00	l/người.ngđ	5.772,10
I	Nước cấp sinh hoạt			Qsh		6.421,90
II	Nước công cộng			Qcc	10-20%	674,68
III	Nước khu công nghiệp, cụm công nghiệp			Qcn		220,00
IV	Nước tưới cây, rửa đường			Qsh	10%	642,19
V	Nước dự phòng, rò rỉ			Q(I-IV)	15%	1.193,82
VI	Nước bản thân nhà máy			Q(I-V)	5%	457,63
VII	Nước cấp ngày trung bình			Qtb		9.610,21
VIII	Nước cấp ngày lớn nhất			Qngày max	K=1,2	11.532,26
Làm tròn						11.500,00

### 5.3.2. Nguồn cấp

- Nguồn nước mặt: Nguồn nước mặt trên địa bàn huyện chủ yếu khai thác nguồn nước từ các phụ lưu chính như: Nậm Ma, Nậm Là, Nậm Pồ, Bản Mố, huổi Con Kạng, huổi Pheo, Nậm Cản, Nậm He, suối Mút,..... Cung cấp nước chủ yếu cho sản xuất và sinh hoạt.

- Nước ngầm: Điện Biên là tỉnh thuộc vùng nghèo nước ngầm. Tuy thung lũng Điện Biên thuộc vùng có trữ lượng nước ngầm khá nhưng về lâu dài không thể đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng. Vì vậy, không khai thác nguồn nước ngầm cung cấp cho các nhu cầu dùng nước sinh hoạt và công nghiệp trong tỉnh.

- Lựa chọn nguồn nước: Nhìn chung, nguồn cung cấp nước chủ yếu hiện nay của huyện là nước mặt. Mặt khác do tập quán sinh hoạt và sản xuất còn nhiều hạn chế gây ảnh hưởng đến chất lượng nước, cần phải xử lý làm sạch trước khi đưa vào sử dụng

trong sinh hoạt. đồng thời cần bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn để bảo vệ nguồn sinh thủy.

### **5.3.3. Định hướng cấp nước**

#### **a. Phương án cấp nước**

##### **Phân vùng cấp nước**

Do điều kiện địa hình của tỉnh Điện Biên tương đối phức tạp, chủ yếu là đồi núi, và bị chia cắt mạnh, dân cư phân bố lẻ tẻ gây khó khăn không nhỏ cho việc thiết kế hệ thống cấp nước liên vùng, liên huyện. Chính vì vậy, sẽ phân vùng cấp nước theo từng huyện, thị và thành phố. Với nguồn nước mặt chủ yếu khai thác từ 3 hệ thống lưu vực sông lớn như: Sông Đà, Sông Mã, và Sông Mê Kông với các phụ lưu chính như: Nậm Ma, Nậm Bum, Nậm Pồ, Nậm Múc, Nậm Muôi, Nậm Húa, Suối Lư, Nậm Rón, Nậm Núa....

- Nguồn nước: Từ các sông, hồ, suối từ các phụ lưu chính như: Nậm Ma, Nậm Là, Nậm Pồ, Bản Mố, huổi Con Kạng, huổi Pheo, Nậm Cản, Nậm He, suối Mút,.....

- Cấp nước Đô thị: Định hướng nâng cấp, cải tạo nhà máy nước TT Mường Chà lên công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Cấp nước Nông thôn: Hệ thống cấp nước tập trung bao gồm hệ tự chảy, mố nước, máng lần lù, bể chứa...giếng đào hoặc từ sông, suối, hồ....

#### **b. Phương án cấp nước đô thị và nông thôn**

- Cấp nước đô thị:

+ Đối với các thị trấn đã có hệ thống cấp nước: Cải tạo, nâng công suất NMN Mường Chà lên công suất: 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ. Nguồn nước suối Huổi Con Kạng.

#### **- Cấp nước nông thôn:**

Định hướng phân vùng các công trình cấp nước tập trung và Hệ thống cấp nước phân tán.

**\* Định hướng phân vùng các công trình cấp nước tập trung:**

+ Lợi dụng điều kiện thiên nhiên cũng như nguồn nước sẵn có để xây dựng các công trình chứa nước như: Bể, hồ vại địa kỹ thuật, ao... xây dựng đường ống dẫn, đào giếng để tạo nguồn nước sinh hoạt cho vùng nông thôn miền núi..

+ Xây dựng các bể hoặc các túi đựng nước mưa theo các hộ hoặc cụm hộ gia đình (tùy theo điều kiện cụ thể bố trí cho hợp lý) để có đủ nước cấp theo tiêu chuẩn thiết kế.

+ Ở những vùng bằng phẳng, gần công trình thủy lợi, gần sông suối có nguồn nước thường xuyên có thể sử dụng hình thức cấp nước bằng bơm nước mặt, hoặc lấy nước từ kênh mương vào cấp cho các xóm.

- + Đối với huyện Mường Chà dân cư sẽ sử dụng nguồn nước từ các sông, hồ, suối từ các phụ lưu chính như: Nậm Ma, Nậm Là, Nậm Pồ, Bản Mố, huổi Con Kạng, huổi Pheo, Nậm Cản, Nậm He, suối Mút,.....

**\* Hệ thống cấp nước phân tán:**

+ Giếng khoan lắp bơm tay: Được sử dụng cho những nơi dân cư thưa thớt hoặc quy mô chỉ vài chục gia đình.

+ Giếng thu nước ngầm tầng nông: Thường được gọi là giếng đào hoặc giếng khơi. Loại giếng này có rất nhiều trong tỉnh. Tuy nhiên do xây dựng không đảm bảo, bảo quản còn sơ sài trong quá trình sử dụng nên nhiều giếng có chất lượng kém.

+ Lu chứa nước mưa: Được áp dụng ở quy mô hộ gia đình ở những nơi khó khăn hoặc không thể khai thác được nước ngầm và nước mặt về phương diện kỹ thuật hoặc kinh tế với thể tích là 2m<sup>3</sup>. Trong quá trình thu hứng nước mưa cần loại bỏ nước mưa đầu cơn vì chứa nhiều cặn bẩn

#### **- Cấp nước khu, cụm công nghiệp:**

+ Cấp nước các khu công nghiệp: Do đặc thù địa hình miền núi bị chia cắt nhiều nên các khu công nghiệp được cấp nước cục bộ, tùy theo nguồn nước từng khu vực để có những lựa chọn phù hợp. Dự kiến xây dựng mới các nhà máy nước tập trung cho từng khu công nghiệp. Những cụm công nghiệp gần thành phố, các thị trấn có thể lấy nước sinh hoạt và sản xuất từ trạm cấp nước tập trung của thành phố và các thị trấn.

+ Cấp nước các cụm công nghiệp: Các cụm công nghiệp trên địa bàn Huyện gần các khu đô thị dự kiến sẽ được cung cấp nước sạch từ các trạm cấp nước tập trung của các đô thị. Các cụm công nghiệp xa khu đô thị sẽ được các doanh nghiệp tại cụm công nghiệp đầu tư hệ thống cấp nước tập trung sử dụng nguồn nước ngầm hoặc nước mặt.

#### **c. Giải pháp cấp nước**

##### **Bảo vệ nguồn nước:**

+ Khu vực bảo vệ cấp 1: Nghiêm cấm các hoạt động xây dựng công trình nhà ở, xả nước thải, CTR, chăn nuôi, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản, sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và phân khoáng để bón cây.

+ Khu vực bảo vệ cấp 2: Nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường

- Khu vực bảo vệ nguồn nước ngầm: cần khai thác hợp lý và bảo vệ tránh nguồn nước bị sy thoái và ô nhiễm:

+ Khu vực nghiêm cấm xây dựng: với bán kính 50m tính từ tâm giếng cấm xây dựng các công trình không phải là công trình cấp nước.

+ Khu vực hạn chế xây dựng: với bán kính 300m tiếp theo tính từ vùng nghiêm cấm, các công trình xây dựng tại khu vực này cần có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, cấm xả nước thải ra môi trường để tránh làm ô nhiễm nguồn nước ngầm.

- Nước thải sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp cần phải xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra các sông.

##### **d. Cấp nước sạch đô thị:**

- Đối với các đô thị cũ đã có nhà máy nước tiến hành cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước cũ và thay thế các đường ống cấp nước đã hỏng đảm bảo nguồn cấp ổn định và lâu dài.

- Đối với các đô thị chưa có nhà máy nước tiến hành xây dựng mới các nhà máy nước và mạng lưới cấp nước đồng bộ để đảm bảo cấp nước đến các hộ dân.

##### **e. Cấp nước sinh hoạt nông thôn:**



- Các công trình cấp nước tập trung kém hiệu quả và sử dụng nước ngầm bị hạn chế dự kiến bỏ các công trình này và thay thế bằng mạng lưới đường ống mới lấy nước từ các đô thị và từ các nguồn lớn đảm bảo.



Hình 25: Bản đồ định hướng cấp nước huyện Mường Chà

#### 5.4. Định hướng cấp điện

##### 5.4.1. Dự báo nhu cầu phụ tải

Dự báo nhu cầu phụ tải điện Huyện Mường Chà giai đoạn 2021-2030 thông qua 05 nhóm phụ tải chính gồm:

- *Phụ tải điện Quản lý và tiêu dùng dân cư:* nhu cầu điện cho phụ tải này được tính theo định mức sử dụng điện W/người đến giai đoạn quy hoạch theo các khu vực điển hình khác nhau đặc trưng cho mức độ sử dụng điện. (theo QCVN 01:2021/BXD)

- *Phụ tải điện Thương mại - Dịch vụ:* nhu cầu điện cho phụ tải này được tính theo % nhu cầu phụ tải điện sinh hoạt. (theo QCVN 01:2021/BXD)

- *Phụ tải Công nghiệp - Xây dựng:* Định mức điện tiêu thụ cho từng khu, cụm công nghiệp của huyện được tính theo chỉ tiêu từ 0,1 - 0,25MW/ha đất quy hoạch sản xuất. (theo QCVN 01:2021/BXD).

- *Phụ tải Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản*: Đối với tỉnh Điện Biên nói chung và Huyện Mường Chà nói riêng, phụ tải này chủ yếu là nhu cầu điện phục vụ bơm tưới các vùng chăn nuôi tập trung, vùng chuyên canh cây công nghiệp ngắn ngày.

- *Phụ tải Hoạt động khác*: Phụ tải này được dự báo cho nhu cầu rạp hát, nhà chiếu bóng, nhà văn hóa, triển lãm khu di tích lịch sử, vui chơi giải trí, sân bãi thể thao, trường học, bệnh viện, chiếu sáng công cộng, kho bãi, thông tin liên lạc,....

#### **5.4.2. Định hướng phát triển**

Các định hướng phát triển chính giai đoạn này gồm:

Đảm bảo khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế về nguồn NLTT

Phát triển hạ tầng điện lực và NLTT theo lộ trình, gắn liền với tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu;

Phân bố, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả NLTT, đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia nói chung và tỉnh Điện Biên nói riêng;

Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các công nghệ NLTT.

#### **5.4.3. Tiêu chí phát triển công trình đường dây và TBA**

##### **a. Cấu trúc lưới điện**

- Lưới điện truyền tải 110kV, 220kV được thiết kế mạch vòng hoặc được cấp điện từ 02 đường dây đến đảm bảo cung cấp điện an toàn ổn định cho các phụ tải, ngoài ra còn phải có độ dự phòng cho phát triển các năm tiếp theo;

- Các đường dây trên không xây dựng mới hoặc cải tạo sử dụng cột thép nhiều mạch để tiết kiệm đất. Có thể thiết kế đường dây 220kV và 110kV đi trên cùng một cột.

- Sử dụng dây dẫn loại TACSR và GZTACSR để giảm tổn thất và tăng khả năng mang tải từ 1,5-2 lần đối với ACSR truyền thống.

##### **b. Tiết diện dây dẫn**

- Lưới 110kV: Dây dẫn trên không có tiết diện  $\geq 240\text{mm}^2$  hoặc cáp ngầm tương đương.

- Lưới 220KV: Dây dẫn có tiết diện tối thiểu  $\geq 400\text{mm}^2$  hoặc dây phân pha có tổng tiết diện  $\geq 600\text{mm}^2$ , có dự phòng để phát triển cho giai đoạn kế tiếp.

##### **c. Lắp đặt MBA, trạm điện**

- Lắp đặt ít nhất 2 MBA/TBA (trong đó:CS tối thiểu 125MVA đối với MBA 220kV và từ 25-63MVA đối với MBA 110kV), mang tải từ (70-80) % CS định mức để đảm bảo hiệu suất cao nhất.

- Hệ số công suất yêu cầu phải đạt  $\geq 0,92$ .

#### **5.4.4. Định hướng quy hoạch mạng lưới cấp điện**

##### **a. Lưới điện cao thế 110kV-220kV**

- TBA 110kV Mường Chà tiếp tục hoàn thiện Giai đoạn 2, nâng cấp 01 máy 25MVA thành 2x25MVA trong giai đoạn 2021-2025; định hướng 2025-2030 hoàn thành công suất 2x25MVA.

- Xây dựng mới tuyến mạch đơn 220kV từ TBA 220kV Điện Biên xây mới đi TBA 220kV Lai Châu ; đoạn đi qua khu vực Huyện Mường Chà có chiều dài khoảng 40Km.

- Hoàn thiện mạch mạch còn lại tuyến mạch kép 110kV từ trạm 110kV Điện Biên đi trạm 110kV Mường Chà; chiều dài tuyến 46,8Km với tiết diện cáp AC 240.

- Xây dựng mới tuyến 110kV mạch kép đầu nối thủy điện Long Tạo chuyển tiếp đường dây thủy điện Nậm Mực – trạm 110kV Mường Chà; chiều dài tuyến 0,5Km, tiết diện AC 240.

- Xây dựng mới tuyến mạch đơn 110kV đầu nối thủy điện Mường Mươn chuyển tiếp tuyến trạm 110kV Nậm Pồ – trạm 110kV Mường Chà; chiều dài tuyến 05Km, tiết diện cáp AC 240.

- Xây dựng mới tuyến mạch đơn 110kV từ Nhà máy thủy điện Phi Lĩnh đi thủy điện Mường Mươn chiều dài tuyến 16Km với tiết diện cáp AC 240.

- Xây dựng mới tuyến mạch đơn 110kV từ trạm 110kV Nậm Pồ đi thủy điện Mường Mươn chiều dài tuyến 26.1Km với tiết diện cáp AC 240.

*b. Lưới điện trung thế*

Tiếp tục duy trì và phát triển các cấp điện trung áp 22kV, 35kV theo kế hoạch của Cty Điện lực Điện Biên.





- Duy trì vận hành khai thác 04 Nhà máy thủy điện Nậm Hẹ, Trung Thu, Long Tạo và Huổi Vang với tổng công suất 101MW.

- Xây mới 01 dự án Nhà máy thủy điện Mường Mươn công suất 29.8MW tại xã Mường Mươn, huyện Mường Chà.

- Đến năm 2030, Trên địa bàn Huyện có 05 Nhà máy thủy điện, tổng công suất 130.8MW.

## **5.5. Định hướng thông tin truyền thông**

### **5.5.1. Định hướng phát triển**

Phát triển, nâng cao chất lượng mạng bưu chính, kết hợp cung cấp các dịch vụ công ích với các dịch vụ thương mại đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội. Tăng cường triển khai đồng bộ các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội.

Nâng cấp công nghệ chuyển mạch. Phát triển mạnh hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, tốc độ cao, băng thông rộng, đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng, ứng dụng hiệu quả công nghệ điện toán đám mây cập nhật xu hướng của thế giới.

Xây dựng mạng truyền dẫn đồng bộ, có tính dự phòng đảm bảo an toàn khi nhu cầu tăng đột biến vào dịp lễ hội hoặc khi, sự cố xảy ra. Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, không bị nghẽn mạng, mất mạng. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng chuyển phát/logistic

### **5.5.2. Dự báo nhu cầu**

Nhu cầu toàn Huyện dự báo đến năm 2035 khoảng 27.000 thuê bao

Chuyển mạch: Nâng cấp trạm chuyển mạch mới cho toàn huyện với mục tiêu đáp ứng nhu cầu dự định trong tương lai.

+ Mạng ngoại vi:

Xây dựng hệ thống cống bể theo nguyên tắc tổ chức mạng ngoại vi và có khả năng cho các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác sử dụng cống bể để phát triển dịch vụ.

Hạ ngầm tất cả các loại cáp xuống vỉa hè, trên đường nội bộ có mặt cắt nhỏ, có thể trực tiếp ống nhựa xuống mặt đường, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị. Và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác nhằm tiết kiệm chi phí khi thi công.

Các cống bể cáp và nắp bể đã được chuẩn hoá về kích thước cũng như kiểu dáng, theo quy chuẩn của ngành.

Cáp trong mạng nội bộ của khu vực thiết kế chủ yếu sử dụng loại cáp có dầu chống ẩm đi trong ống bể ngầm có tiết diện lõi dây phù hợp.

Hệ thống thông tin liên lạc phải sử dụng công nghệ hiện đại, được thiết kế theo kiểu module, có cấu trúc gọn nhẹ, có khả năng đáp ứng việc thay đổi về tần số và công nghệ.



Mạng di động: Xây dựng mới trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, sử dụng công nghệ mới kiểu dáng hình cây, cột đèn... đặt dọc theo trục đường, nhằm đảm bảo mỹ quan và nâng cao tính ổn định thông tin di động trong khu đô thị.

+ Mạng bưu chính: Do sự tăng trưởng về quy mô dân số và sự mở rộng của các đô thị mới đòi hỏi phải tăng thêm các điểm phục vụ bưu chính, cần xem xét quy hoạch các điểm phục vụ bưu chính gắn liền với sự mở rộng của các khu đô thị mới.

+ Mạng Internet: Mạng Internet khu vực này sử dụng băng thông rộng, sẽ được phát triển theo phương thức qua mạng nội hạt. Xây dựng các tuyến cáp từ trung tâm viễn thông Huyện đến các khu vực mới, đảm bảo cho tất cả các thuê bao được kết nối băng thông rộng. Đặc biệt khu vực dịch vụ này cần khai thác các điểm truy cập internet công cộng, với mỗi khu dịch vụ có một điểm truy cập.

### 5.5.3. Phương án phát triển

Giai đoạn 2021 – 2030, phát triển mạng truyền dẫn quang theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ. Xây dựng, phát triển mạng truyền dẫn cáp quang đến thuê bao. Nâng cấp dung lượng các tuyến truyền dẫn: tuyến truyền dẫn nội huyện 20Gbps, tuyến vòng Ring chính 100Gbps. Đến năm 2050, xây dựng tuyến cáp quang đến hầu hết các thôn; đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng các dịch vụ của người dân.

Duy trì mạng lưới bưu cục theo 3 cấp như hiện nay. Gồm 01 bưu điện. Các bưu cục cấp và mạng lưới các điểm bưu điện văn hóa xã. Tiếp tục xây dựng Bưu điện Văn hóa xã ở tất cả các xã. Mở rộng mạng lưới điểm phục vụ bằng các đại lý bưu điện, đại lý đa dịch vụ và kiốt tại các điểm dân cư đô thị và tại các vùng nông thôn.

## 5.6. Định hướng Thoát nước thải, Chất thải rắn, nghĩa trang

### 5.6.1. Thoát nước thải

#### a. Chỉ tiêu thoát nước thải

TT	Phân loại đô thị	Tiêu chuẩn	Tỷ lệ cấp nước	Tiêu chuẩn thoát nước lấy bằng 100% tiêu chuẩn cấp nước	Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải
1	Đô thị loại 3,4,5				
	- Nội thị	150 lít/người.ngđ	100%	150 lít/người.ngđ	100%
	- Ngoại thị	100 lít/người.ngđ	90%	100 lít/người.ngđ	90%
2	Khu công nghiệp	45 m3/ha.ngđ	70% diện tích	45 m3/ha.ngđ	100%
3	Cụm công nghiệp	22 m3/ha.ngđ	60% diện tích	22 m3/ha.ngđ	100%
4	Dịch vụ công cộng	10-20% Q <sub>sh</sub>		10-20% Q <sub>sh</sub>	

#### b. Quan điểm quy hoạch

+ Nước thải sinh hoạt đô thị:

Sẽ xây dựng các khu xử lý nước thải riêng cho từng đô thị, mỗi đô thị hình thức xử lý có thể xây dựng tập trung hoặc xử lý phân tán phụ thuộc vào vị trí và điều kiện địa hình để áp dụng.

- Các đô thị cũ: Hệ thống thoát nước thải là hệ thống thoát nước hỗn hợp

+ Đối với các khu vực đô thị cũ đã có hệ thống thoát nước chung, sẽ xây dựng hệ thống cống bao tách nước thải đưa về các nhà máy xử lý để làm sạch đạt tiêu chuẩn môi trường.

+ Đối với các khu vực đô thị xây dựng mới sẽ xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng.

- Các đô thị mới: Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng hoàn toàn với nước mưa

Việc xác định cụ thể hình thức xử lý, quy mô, vị trí các khu xử lý trong từng đô thị phụ thuộc phần lớn vào địa hình, điều kiện kinh tế của các đô thị đó và sẽ được cụ thể hóa trong đồ án quy hoạch chung xây dựng của từng đô thị.

Công nghệ xử lý nước thải cho từng đô thị cũng sẽ khác nhau, ưu tiên sử dụng dây chuyền công nghệ hiện đại cho các nhà máy xử lý nước thải tại các đô thị lớn như thành phố, thị xã, còn với các đô thị nhỏ như thị trấn, thị tứ có thể sử dụng phương pháp xử lý sinh học tự nhiên bằng hồ sinh học, cánh đồng tưới, cánh đồng lọc...).

Nước thải sinh hoạt của từng đô thị phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường QCVN 14:2008/BTNMT, TCVN 7222-2002 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

#### *c. Dự báo về phát sinh thoát nước thải*

Lưu lượng Thoát nước thải trên địa bàn huyện Mường Chà đến năm 2030 là:

- Nước thải sinh hoạt sinh hoạt, công cộng khoảng: 8.500 m<sup>3</sup>/ngàyđêm
- Nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp khoảng: 264 m<sup>3</sup>/ngàyđêm

#### *d. Giải pháp quy hoạch*

##### *Khu vực đô thị huyện Mường Chà*

+ Thực hiện theo dự án, nước thải tại khu vực trung tâm huyện sẽ được thu gom chung cùng mạng lưới thoát nước mưa, sau đó qua hệ thống cống bao và giếng tách để tách riêng nước thải, mạng lưới cống bao. Các trạm bơm đặt ở những vị trí thích hợp để bơm nước thải về nhà máy xử lý được nhanh và an toàn nhất.

Sẽ bố trí trạm xử lý tập trung và phân tán phù hợp với vị trí và điều kiện tự nhiên địa hình.

##### *Khu vực nông thôn:*

- Các cụm dân cư sống tập trung, xây dựng hệ thống thoát nước chung. Nước thải được xử lý cục bộ qua bể tự hoại sau đó theo hệ thống cống chung về các giếng tách nước thải, nước thải sẽ được xử lý tại các trạm làm sạch công suất nhỏ bằng các phương pháp hóa học hoặc sinh học tự nhiên tận dụng các ao hồ, bãi trồng cây...

- Các hộ dân sống phân tán, rải rác kiểu nhà vườn thì khuyến khích, hỗ trợ sử dụng xí tự hoại, bể phốt 3-4 ngăn hợp vệ sinh. Giai đoạn sau có thể xử lý nước thải theo cụm phân tán nhỏ sử dụng các hình thức xử lý làm sạch tự nhiên bằng giếng thấm, bãi lọc trồng cây....

- Khu vực các trại chăn nuôi gia súc lớn: sẽ sử dụng hầm biogas để xử lý phân, nước thải, đồng thời tận dụng khí đốt cho sinh hoạt.

### 5.6.2. Quản lý chất thải rắn

#### a. Chỉ tiêu

Loại đô thị	Lượng rác thải phát sinh (kg/người/ngày)	Tỷ lệ thu gom
Đặc biệt, Loại I	1,3	100%
Loại II	1,0	≥ 95%
Loại III, IV	0,9	≥ 90%
Loại V	0,8	≥ 85%
Khu công nghiệp	tối thiểu 0,3 (tấn/ha)	

#### b. Mục tiêu

*Giai đoạn 2020 đến năm 2025.*

- 95% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 95% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và 100% tổng lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 100% lượng chất thải rắn y tế không nguy hại và chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 80% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn và các làng nghề được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

(Theo quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030).

*Giai đoạn sau 2025 đến năm 2030.*

- 100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 100% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh được thu gom và xử lý.

- 100% lượng chất thải rắn y tế không nguy hại và nguy hại phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- 90% lượng chất thải rắn phát sinh tại các điểm dân cư nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường.

- (Theo quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030).

- Dự báo tổng khối lượng CTR phát sinh, xác định phương thức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn; xác định các cơ sở xử lý chất thải rắn và phạm vi phục vụ đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải rắn cho toàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả quản lý tổng hợp chất thải rắn, phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải tại nguồn, tăng cường tái sử dụng, tái chế để giảm thiểu tối đa khối lượng chất thải phải chôn lấp.

*c. Dự báo về nguồn và khối lượng chất thải đến năm 2030*

Khối lượng CTR trên địa bàn huyện Mường Chà đến năm 2030 là :

- CTR sinh hoạt khoảng: 55.78 tấn/ngày.
- CTR công nghiệp khoảng: 3.0 tấn/ngày.

*d. Định hướng khu xử lý chất thải rắn tập trung*

- Rác thải của huyện Mường Chà được thu gom và vận chuyển về khu xử lý TT. Mường Chà (Km8, QL4h, huyện Mường Chà). Xử lý CTRSH; CTRCN thông thường khu vực nội, ngoại thị xã Mường Chà với công nghệ xử lý thu hồi thành phần có khả năng tái chế; Đốt, CTRSH quy mô nhỏ; Chế biến phân hữu cơ quy mô nhỏ; Chôn lấp hợp vệ sinh

- CTR y tế của các trạm y tế, phòng khám, bệnh viện tuyến huyện... được thu gom và đưa về hệ thống xử lý CTR y tế của bệnh viện đa khoa của huyện

**5.6.3. Nghĩa trang**

*a. Chỉ tiêu đất nghĩa trang*

Bảng 9: Phân cấp nghĩa trang theo qui mô đất đai và loại đô thị

<b>Cấp nghĩa trang</b>	<b>Quy mô đất (ha)</b>	<b>Loại đô thị phục vụ</b>
Cấp I	> 60	Loại đặc biệt; loại I
Cấp II	> 30, 60	Loại II
Cấp III	10, 30	Loại III
Cấp IV		Loại IV; loại V

Bảng 10: Bảng các chỉ tiêu an táng theo cấp nghĩa trang

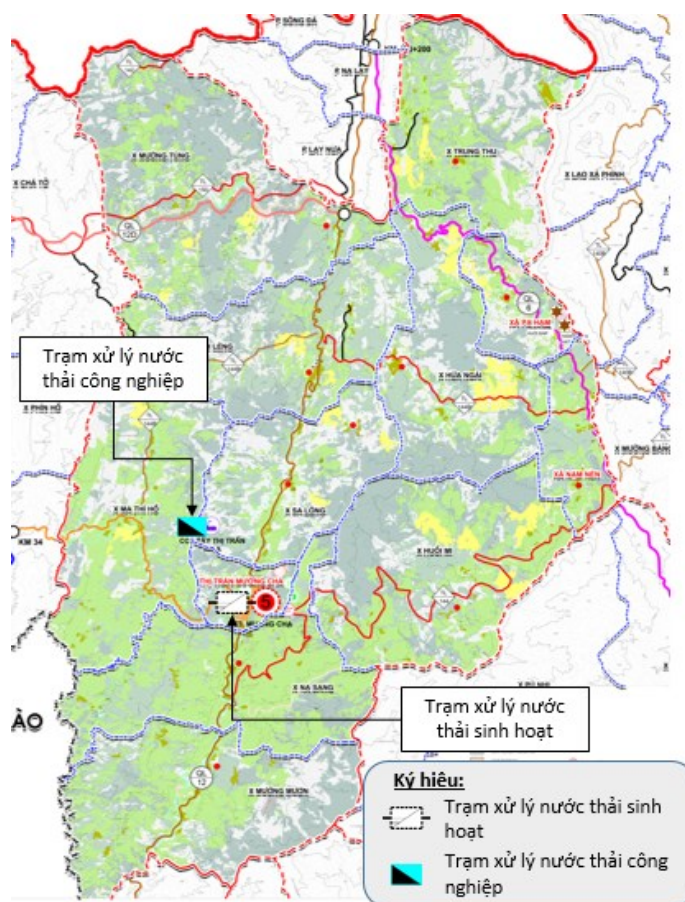
<b>Cấp nghĩa trang</b>	<b>Tỷ lệ đất an táng/diện tích tổng thể nghĩa trang (%)</b>	
	<b>Đất an táng mộ phần</b>	<b>Đất giao thông cây xanh, tâm linh và công trình phụ trợ</b>
Cấp I	45; 50	55; 50
Cấp II	>50; 55	>50; 45
Cấp III	>55; 60	>45; 40
Cấp IV	>60; 70	>40; 30

*b. Mục tiêu*

- Mục tiêu đến năm 2030
- Xây dựng nghĩa trang đáp ứng được đến năm 2030
- Xây dựng nghĩa trang thành công viên nghĩa trang, trong đó có những yếu tố mang tính tưởng niệm, tạo không gian tưởng nhớ đến người đã khuất với môi trường tự nhiên và không gian yên tĩnh.
- Đóng cửa, di dời các nghĩa địa vào nghĩa trang tập trung; quy hoạch chỉnh trang tôn tạo cảnh quan các nghĩa địa tại các xã, phường trên toàn tỉnh. Xác định vị trí và quy mô các nghĩa địa cần đóng cửa, di chuyển hoặc quy hoạch cải tạo mở rộng thành nghĩa trang tập trung tại các xã vùng nông thôn còn lại trên địa bàn
- Xét về mặt vệ sinh môi trường và để đảm bảo đáp ứng yêu cầu về diện tích tăng do sự gia tăng dân số, cần tăng tỷ lệ hòa táng.

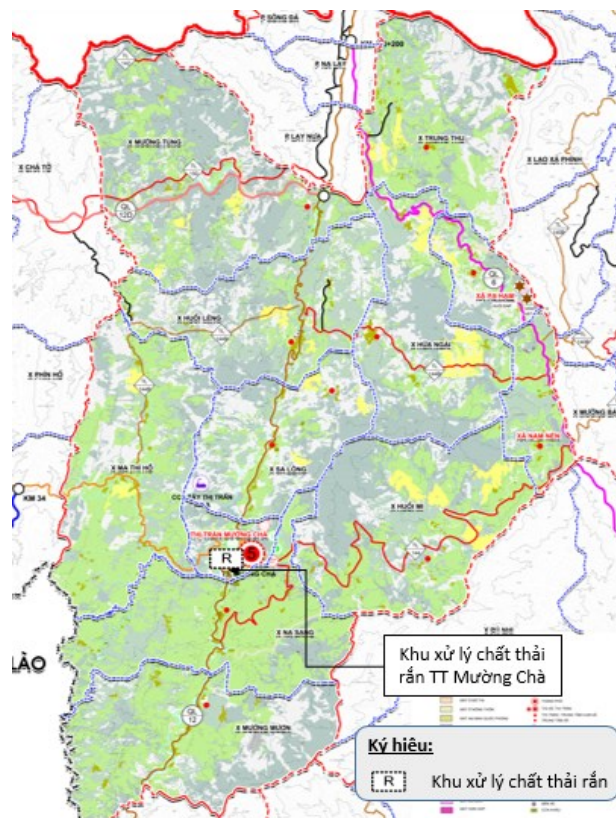
*c. Định hướng quy hoạch*

- Giai đoạn đến năm 2030, dự kiến xây dựng nghĩa trang tập trung diện tích khoảng 10 ha phục vụ cho huyện Mường Chà
- Huyện Mường Chà đến năm 2030 bố trí quy hoạch 1 nhà tang lễ.
- Áp dụng công nghệ táng hiện đại cho nghĩa trang quy hoạch mới tại huyện
- Nghĩa trang nông thôn
- Thực hiện theo chương trình nông thôn mới, mỗi xã hoặc cụm xã xây dựng 1 nghĩa trang tập trung với qui mô dự kiến 5 – 10 ha.
- Mỗi thị trấn huyện lỵ dự kiến quy hoạch nghĩa trang tập trung riêng (nếu hai hoặc nhiều đô thị gần nhau thì sử dụng chung một nghĩa trang). Công nghệ táng là mai táng phù hợp (hung táng, cát táng).
- Ngoài ra, tại khu vực nông thôn, mỗi xã có quy hoạch nghĩa trang tập trung riêng, tuân thủ theo quy hoạch xây dựng nông thôn đã phê duyệt.

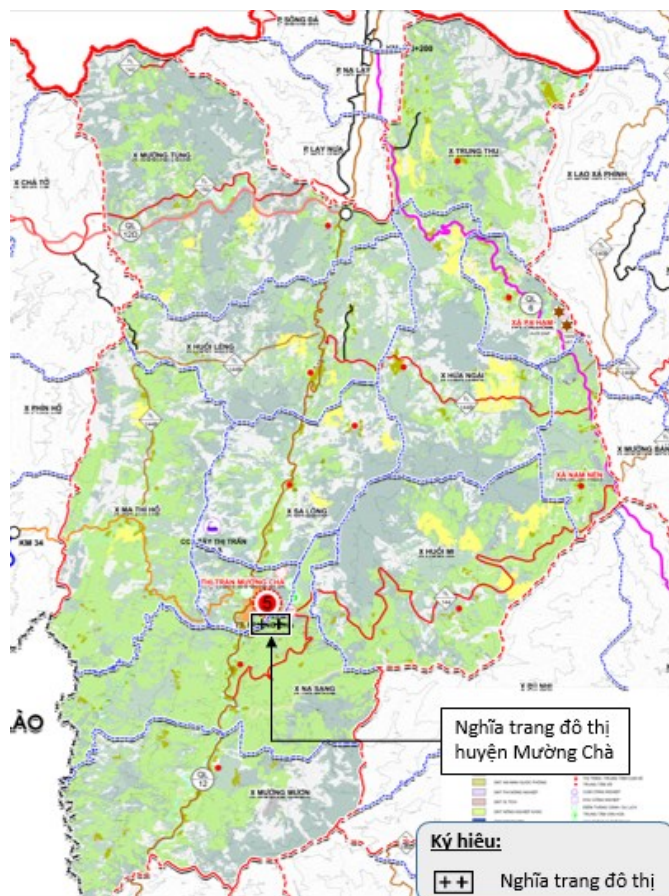


*Hình 27: Định hướng hệ thống thoát nước thải huyện Mường Chà*





Hình 28: Định hướng hệ thống xử lý chất thải rắn huyện Mường Chà



Hình 29: Định hướng hệ thống nghĩa trang huyện Mường Chà

## **PHẦN THỨ 3: ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

### **1. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1.1. *Giải pháp đột phá***

- Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về thuế; tăng cường đôn đốc và thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ nguồn thu, chống thất thu thuế trên các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực xây dựng cơ bản, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tiếp tục tranh thủ nguồn lực của Trung ương, Tỉnh hỗ trợ ưu tiên đầu tư trước các dự án cấp thiết tạo bứt phá cho huyện.

- Tổ chức tư vấn, hướng nghiệp, dạy nghề cho học sinh, người trong độ tuổi lao động để tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, công nghiệp cho huyện nhất là trong lĩnh vực xây dựng, du lịch, năng lượng, nông nghiệp, công nghệ thông tin ...

- Tiếp tục đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đổi mới căn bản và toàn diện công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung.

#### **1.2. *Giải pháp về phát triển kinh tế***

- Thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội phải bám sát nội dung các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Chà đến năm 2030, quy hoạch phát triển ngành, vùng sản xuất, khu dân cư, khu đô thị, gắn với chương trình dự án xúc tiến đầu tư và xây dựng lộ trình đầu tư... tạo điều kiện tối đa theo thẩm quyền để quản lý tốt quy hoạch, thu hút và kêu gọi các nhà đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển dịch kinh tế đúng định hướng; tranh thủ sự hỗ trợ và quan tâm của các cấp, các ngành; phát huy các thành phần kinh tế, huy động các nguồn lực sẵn có và nguồn lực bên ngoài để thực hiện các chương trình dự án đúng theo quy hoạch của huyện. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến; kịp thời tổng kết kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình làm kinh tế giỏi và có hiệu quả; tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp.

- Huy động và quản lý tốt các nguồn vốn đầu tư; có giải pháp thu hút nhiều nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước, nhất là vốn trong doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn đầu tư cho phát triển sản xuất, kinh doanh theo phương thức “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”; thực hiện các biện pháp thu hút, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế đến đầu tư trong huyện; chủ động và tranh thủ sự giúp đỡ của tỉnh trong công tác xúc tiến đầu tư, tạo môi trường đầu tư thông thoáng, cải cách thủ tục hành chính.

+ Khai thác tối đa các nguồn vốn, hỗ trợ của Trung ương, tỉnh đầu tư cho phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng (năng lượng, giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, văn hóa...) các chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, tạo thêm nguồn thu từ quỹ đất ở địa phương.

+ Phối hợp cùng các ngành đẩy mạnh triển khai các chính sách tín dụng để các thành phần kinh tế tiếp cận với các nguồn vốn dễ dàng, thuận lợi đáp ứng kịp thời về vốn cho sản xuất, kinh doanh; triển khai các chính sách tín dụng nhà nước cho các doanh nghiệp có dự án thuộc các đối tượng hỗ trợ theo quy định.

+ Bám sát danh mục dự án kêu gọi vận động đầu tư của tỉnh để đầu tư các dự án có quy mô lớn thuộc các nhóm ngành năng lượng, du lịch, công nghiệp, khu đô thị, giáo dục, y tế; tranh thủ vốn tài trợ ODA đầu tư kết cấu hạ tầng.

### **1.3. Giải pháp phát triển văn hoá – xã hội**

- Chú trọng đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, nhằm phát triển văn hóa gắn giữ gìn bản sắc văn hóa vùng miền trong huyện; chú trọng xây dựng con người mới, phát triển văn hóa, văn nghệ theo định hướng Nghị quyết Trung ương và văn kiện Đại hội của Đảng.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống, tạo môi trường thân thiện với tự nhiên và sản phẩm sạch, an toàn.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển giáo dục – đào tạo, nhất là đào tạo nguồn lao động có tay nghề phục vụ các dự án lớn trên địa bàn.

- Triển khai kịp thời, đầy đủ các chính sách an sinh xã hội.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trên các lĩnh vực về giáo dục, y tế, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao theo hướng “Nhà nước và nhân dân cùng làm”; ưu tiên kêu gọi đầu tư các lĩnh vực xã hội bức xúc, nhất là phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí.

### **1.4. Giải pháp về phát triển và cung ứng nguồn nhân lực**

#### **1.4.1. Giải pháp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Xây dựng và thực hiện đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai ở các cấp, đặc biệt là ở cấp huyện, cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn để đáp ứng yêu cầu về đổi mới ngành và hội nhập quốc tế.

- Chú trọng công tác đào tạo cán bộ chuyên môn có đủ năng lực lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đạt hiệu quả và chất lượng.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giám sát thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp đã được phê duyệt.

- Xây dựng các chương trình đào tạo ngắn hạn trên cơ sở đào tạo theo chuyên đề, ưu tiên đào tạo cho cán bộ lập, thực hiện và giám sát quy hoạch sử dụng đất ở địa phương.

#### **1.4.2. Huy động các nguồn lực trong xã hội cho phát triển nhân lực**

- Mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài tỉnh để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề. Khuyến khích các doanh nghiệp góp vốn và trang bị phương tiện để nâng cao chất lượng đào tạo hoặc liên kết đào tạo tại doanh nghiệp, ngân sách tỉnh và huyện sẽ hỗ trợ một phần kinh phí. Tạo sự liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp, các cơ quan tư vấn về phát triển kinh tế - kỹ thuật công nghệ, các doanh nghiệp với các trường đại học, các cơ sở đào tạo công nhân kỹ thuật để hỗ trợ nhau trong vấn đề đào tạo, cung ứng, sử dụng nhân lực có hiệu quả nhất.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa về giáo dục, đào tạo nghề nhằm huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục, đào tạo nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Đào tạo nghề gắn với gắn với giải quyết việc làm cho người lao động Xây dựng

và thực hiện chiến lược phát triển nhân lực của huyện, trong đó xác định rõ cơ cấu ngành nghề, tỷ trọng trong các lĩnh vực, cấp bậc đào tạo đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện; chú trọng đào tạo, dạy nghề cho người lao động, trang bị kiến thức nhằm thay đổi tư duy kinh tế, tác phong công nghiệp cho người lao động.

- Ưu tiên đào tạo cho đào tạo lao động cung cấp cho các khu du lịch, cụm tiểu thủ công nghiệp.... Đào tạo các ngành then chốt trên địa bàn huyện.

- Để đảm bảo nhu cầu vốn cho phát triển nhân lực trong xã hội, cần huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau. Huy động các nguồn vốn xây dựng cơ bản, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học, vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, vốn FDI, hợp tác quốc tế và huy động nguồn vốn của các doanh nghiệp, vốn trong dân thông qua xã hội hoá để thực hiện các dự án cho phát triển nhân lực.

#### ***1.4.3. Giải pháp chính sách, thu hút nhân lực, nhân lực chất lượng cao***

- Hiện nay, trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh đã chuyển từ cạnh tranh giá cả sang cạnh tranh chất lượng, và điều này có nghĩa là chất lượng của nguồn nhân lực là lợi thế quan trọng hàng đầu để nâng cao năng lực cạnh tranh. Vì vậy, huyện cần nỗ lực tập trung phát triển nhân lực của mình. Trong số các giải pháp thì phát triển giáo dục và đào tạo được coi là quan trọng nhất. Đây là ngành dịch vụ có tác động trực tiếp đến phát triển nhân lực. Thật vậy, thực tế đã chứng minh hoạt động kinh doanh kém hiệu quả do người thuê lao động không thể tìm được lao động có chất lượng đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Do đó bên cạnh chính sách đào tạo nguồn nhân lực thì chính sách thu hút người tài sẽ nhanh chóng cải thiện tình hình thiếu nhân lực cấp cao hiện tại.

- Có chính sách thoả đáng về tiền lương, nhà ở nhằm thu hút cán bộ kinh tế, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về huyện xây dựng và phát triển kinh tế. Ngoài cơ chế chính sách trực tiếp đối với cán bộ, chuyên gia giỏi, cần có các chính sách khuyến khích ưu tiên đối với những người đi cùng (gia đình) để cán bộ, chuyên gia yên tâm công tác. Trước mắt, cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ thuê các doanh nhân giỏi về tỉnh quản lý các doanh nghiệp.

- Huyện cần có chính sách ưu đãi về tiền lương, tiền thưởng và các loại phụ cấp bằng tiền khác cho những chuyên gia, nhân tài về huyện công tác.

- Có cơ chế, chính sách đãi ngộ khác như: bổ nhiệm vào vị trí phù hợp với năng lực chuyên môn; giao các nhiệm vụ quan trọng để họ phát huy khả năng vốn có; cấp đất làm nhà ở, bố trí phương tiện đi lại...

#### ***1.5. Giải pháp nâng cao trình độ và ứng dụng khoa học công nghệ***

Khoa học - công nghệ là chìa khoá cho tiến trình CNH-HĐH trên địa bàn huyện. Để đạt được mục đích đó, huyện Mường Chà cần tăng cường việc ứng dụng KH-CN vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành. Trong nông nghiệp, ứng dụng các loại giống mới có năng suất chất lượng cao, khả năng chịu đựng tốt, thích ứng với điều kiện sinh thái của huyện. Kỹ thuật chăm sóc cây, con, công nghệ sơ chế và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch. Trong công nghiệp, ứng dụng các công nghệ mới trong sản xuất, chế biến các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ cập các tri thức về KHCN trong nhân dân thông qua việc thực hiện tốt các chương trình khuyến công, khuyến thương, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến dịch vụ. Các chương trình bồi dưỡng KHCN cho các doanh

ng nghiệp, các chương trình huấn luyện KHKT, khoa học thường thức ngắn hạn cho công nhân và nông dân...

Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới như: Được vay vốn với lãi suất ưu đãi, miễn giảm thuế cho các sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất bằng công nghệ mới.

Có chính sách khuyến khích các hình thức hoạt động chuyển giao, tư vấn KHCN vào sản xuất kinh doanh đối với cơ quan, cá nhân nghiên cứu KHCN và các dịch vụ này được miễn hoặc giảm thuế. Khuyến khích cán bộ KHCN tham gia các chương trình nghiên cứu, làm tư vấn, làm cộng tác viên cho các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất thuộc mọi thành phần kinh tế.

+ Phát triển mạnh hệ thống dịch vụ nông nghiệp trong huyện, kết hợp với sự trợ giúp của cơ quan khuyến nông tỉnh, để tổ chức trình diễn và chuyển giao các loại giống cây trồng vật nuôi và công nghệ mới cho hộ nông dân. Tổ chức tốt hệ thống dịch vụ thú y để phòng và nhanh chóng dập tắt các nạn dịch bệnh.

+ Nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ thích hợp để phát triển TTCN và các sản phẩm làng nghề nhằm nâng cao hiệu quả và cải tiến mẫu mã. Trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ sau thu hoạch như: hệ thống sấy, hệ thống kho tàng, công nghệ bảo quản, sơ chế, chế biến các loại sản phẩm nông nghiệp như lúa, ngô, đậu đỗ, rau quả, trái cây... nhằm giảm tối đa tổn thất, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế, tạo đầu ra ổn định cho sản xuất, đáp ứng yêu cầu phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu.

Phát triển mạnh nguồn nhân lực cho hoạt động khoa học và công nghệ, nhất là tại các cơ quan khuyến nông, khuyến công, khuyến thương... có chính sách thu hút lực lượng cán bộ, chuyên gia khoa học - kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao, trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.

### **1.6. Giải pháp mở rộng thị trường**

Tăng cường hợp tác kinh tế, đầu tư, thương mại. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường. Coi trọng cả thị trường trong nước và thị trường nước ngoài, cả thị trường truyền thống và thị trường mới. Tăng cường công tác thông tin kinh tế, thị trường, sản phẩm, giá cả.

Phòng Công thương làm tốt công tác thông tin kinh tế, nghiên cứu thị trường của huyện và chính sách phát triển thị trường đối với từng loại sản phẩm, hàng hoá.

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh du lịch, thương mại, cung ứng vật tư, phân bón, nguyên liệu, máy móc, trang thiết bị nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu sản xuất cũng như tiêu dùng trên địa bàn huyện.

Tăng cường công tác thông tin kinh tế, thị trường, sản phẩm, giá cả để các tổ chức kinh tế, người sản xuất nắm bắt kịp thời có kế hoạch sản xuất, tiêu thụ sản phẩm một cách nhanh chóng, đáp ứng yêu cầu thị trường, chủ động xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa các khâu trong quá trình sản xuất, nhất là từ khi cung ứng nguyên liệu, vật tư kỹ thuật, tổ chức sản xuất cho đến khi tiêu thụ sản phẩm. Như vậy thương nghiệp huyện cần được sắp xếp, tổ chức, quản lý và phát triển theo hướng gắn kết chặt chẽ với người sản xuất, hình thành hệ thống đại lý cung ứng vật tư, phân bón, máy móc, thiết bị kỹ thuật, thu mua và tiêu thụ sản phẩm.



Tổ chức tham gia các hội chợ, triển lãm về các sản phẩm đặc thù của huyện, kết hợp giới thiệu các sản phẩm làng nghề, nông nghiệp truyền thống và kết hợp giới thiệu qua mạng Internet.

Tổ chức gắn kết sản xuất làng nghề với các hoạt động du lịch trong tỉnh, trong nước và khu vực để mở rộng thị trường.

### **1.7. Giải pháp về quốc phòng – an ninh**

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy đảng bảo đảm tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với lực lượng vũ trang huyện; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về quốc phòng - an ninh; xây dựng lực lượng vũ trang huyện cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có số lượng hợp lý, với chất lượng tổng hợp và khả năng chiến đấu cao, sẵn sàng trong mọi tình huống, đảm bảo giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” trong tình hình mới.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh; quốc phòng, an ninh với kinh tế đảm bảo hài hòa, phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Mường Chà và các nội dung đề ra trong nghị quyết Đại hội.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng kiến thức quốc phòng; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc trong thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc; phát huy hiệu quả hoạt động của lực lượng vũ trang huyện, nhất là dân quân, tự vệ, các mô hình tự quản về an ninh, trật tự và lực lượng cốt cán trong các tổ chức, tầng lớp nhân dân thực hiện nhiệm vụ quốc phòng- an ninh trên địa bàn.

- Nâng cao trách nhiệm của tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm; cụ thể hóa và triển khai thực hiện nghiêm các qui định của Đảng và pháp luật Nhà nước đối với lĩnh vực này. Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân trong phòng chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường hoạt động, công tác nghiệp vụ của các cơ quan Tư pháp kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm theo pháp luật các hành vi tham nhũng lãng phí.

### **1.8. Giải pháp thực hiện Quy hoạch**

Huyện cần thực hiện tốt việc tăng cường mối quan hệ công tác giữa quản lý quy hoạch và xây dựng kế hoạch để từng bước đưa các chương trình dự án ưu tiên đầu tư trong quy hoạch đã được phê duyệt vào kế hoạch thực hiện hàng năm.

Huyện cần thành lập “Ban quản lý, chỉ đạo thực hiện quy hoạch huyện” bao gồm: Đứng đầu là UBND Huyện, các thành viên gồm có các phòng, ngành, UBND các xã, phường trong đó phòng Tài chính kế hoạch là thường trực để triển khai thực hiện quy hoạch trên địa bàn Huyện một cách có hiệu quả. Ban chỉ đạo giúp cấp ủy và UBND Huyện xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch, trong đó xác định nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị và các xã, phường thực hiện theo đúng quy hoạch đã phê duyệt.

Trên cơ sở định hướng của các ngành và các lĩnh vực trong quy hoạch, các phòng, ban, ngành của Huyện cùng các xã, phường phối hợp với các sở, ngành lập các quy hoạch chi tiết về xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển các khu đô thị, cụm dân cư, giáo dục, y tế, văn hoá, hệ thống các chợ, siêu thị ... công khai quy hoạch tổng

thể và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn Huyện để nhân dân trong Huyện thực hiện và các đối tác bên ngoài nghiên cứu tham gia đầu tư.

Phòng Tài chính-kế hoạch Huyện là cơ quan đầu mối giúp UBND Huyện điều hành thực hiện quy hoạch, trong đó chú trọng việc xác định và triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư, đặc biệt là các dự án đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, mang tính đột phá, tạo nguồn thu mới cho ngân sách. Thường xuyên theo dõi kết quả thực hiện quy hoạch, phát triển những vấn đề không còn phù hợp với thực tế, trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh quy hoạch theo định kỳ.

UBND Huyện tích cực phối hợp thực hiện theo các chương trình, kế hoạch đề đẩy mạnh tiến độ thực hiện các công trình của Tỉnh và TW đầu tư xây dựng trên địa bàn, nhất là công tác đền bù giải phóng mặt bằng, cung cấp lao động và các điều kiện cũng như các dịch vụ hỗ trợ đi kèm.

## **2. CÁC GIẢI PHÁP NGUỒN VỐN VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

Tập trung thu hút các nguồn vốn cho đầu tư phát triển đô thị, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị bằng các nguồn vốn khác nhau, trong đó chú trọng nguồn vốn từ xã hội hóa với hình thức đối tác công tư (PPP). Hoàn thiện các công trình đang thực hiện dở dang bằng cách kết hợp các nguồn vốn và thể chế chính sách; theo thứ tự ưu tiên sẽ tập trung nguồn lực để trả nợ các công trình đã có phê duyệt quyết toán

- *Huy động vốn từ ngân sách nhà nước:* Vốn ngân sách bao gồm ngân sách huyện, ngân sách tỉnh và Trung ương đầu tư vào các công trình thiết yếu như thủy lợi, giao thông, y tế và giáo dục. Ngân sách huyện chủ yếu là từ nguồn thu thuế và phí trên cơ sở thực hiện đầy đủ luật ngân sách nhà nước. Ngân sách Trung ương được huy động từ các nguồn vốn trái phiếu chính phủ, vốn ODA và các nguồn vốn phi chính phủ khác.

- *Huy động vốn doanh nghiệp:* Bao gồm cả các nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước, vốn đóng góp của dân. Nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp có vai trò ngày càng lớn trong đầu tư phát triển.

- *Huy động vốn từ quỹ đất đai:* Tiếp tục giao đất đến từng hộ gia đình, cho thuê đất dài hạn, thực hiện phương thức đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tạo ra nguồn vốn đầu tư cho địa phương. Bố trí sử dụng nguồn tài nguyên đất đai một cách hợp lý giữa các ngành, lĩnh vực trong nền kinh tế.

Chuyển đổi quỹ đất đai thành nguồn vốn bằng cách rà soát lại quỹ đất trên cơ sở xây dựng quy hoạch sử dụng đất đai của huyện, đặc biệt là vùng quy hoạch khu đô thị, từ đó tiến hành giao đất cho các ngành, các đơn vị, cơ sở, doanh nghiệp và cá nhân sử dụng theo phương thức cụ thể để huy động vốn.

Đầu tư một số tuyến đường giao thông quan trọng, gắn với một số công trình phúc lợi công cộng để tạo thêm quỹ đất mới có giá trị cao hơn.

Thực hiện phương thức đấu thầu các khu đất để huy động vốn.

- *Huy động vốn vay:* Xây dựng các dự án trọng điểm để được vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng của tỉnh, TW và các tổ chức quốc tế.

- *Tạo môi trường thông thoáng và có chính sách hấp dẫn để thu hút các nguồn vốn bên ngoài:*

Cải thiện môi trường đầu tư trên địa bàn huyện để thu hút vốn đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp, cá nhân trong tỉnh, từ các tỉnh khác, và vốn đầu tư trực tiếp của

nước ngoài, bao gồm các hình thức như hợp tác kinh doanh, liên doanh liên kết, đầu tư 100%, hình thức BOT,...

Xây dựng các dự án hạ tầng quan trọng, các dự án kinh tế cộng đồng có sức thuyết phục và hiệu quả, nhằm tranh thủ nguồn vốn tín dụng trong nước và vay vốn các ngân hàng và tổ chức tài chính quốc tế như vốn ODA, vốn quốc tế tài trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn quốc tế tài trợ cho các dự án vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng kém phát triển...

- *Tăng cường xúc tiến đầu tư, thương mại:* Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, hợp tác kinh tế với các đơn vị kinh tế lớn trong tỉnh, ngoài tỉnh.

- *Kết hợp huy động, sử dụng các nguồn vốn cho các chương trình một cách hợp lý:*

Chương trình đầu tư xây dựng, cải thiện hệ thống kết cấu hạ tầng về giao thông, điện, cấp thoát nước, thủy lợi: dùng vốn ngân sách, ODA, huy động theo hình thức BOT, BTO, BT, đóng góp của các doanh nghiệp và nhân dân.

Chương trình đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở ngành y tế, giáo dục - đào tạo, văn hoá thể dục thể thao: dùng vốn ngân sách kết hợp việc thực hiện xã hội hoá chương trình đầu tư bằng huy động sức dân, vốn đóng góp của dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư dân lập, các nhà tài trợ trong và ngoài nước.

Chương trình đầu tư xây dựng và phát triển công nghiệp, dịch vụ, thương mại: chủ yếu là thu hút các nguồn vốn từ các hộ kinh doanh, các doanh nghiệp trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài, kết hợp một phần vốn ngân sách cho công tác khuyến công, khuyến thương, xúc tiến đầu tư, thương mại.

Chương trình đầu tư xây dựng phát triển ngành nông nghiệp có năng suất và hiệu quả kinh tế cao, đặc biệt là phát triển cây ăn quả và chăn nuôi: vốn đầu tư cho chương trình này chủ yếu dùng các chính sách khuyến khích nhân dân, doanh nghiệp, trang trại và các đối tượng khác bỏ vốn tự có và vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất. Ngoài ra ngân sách cũng cần tham gia một tỷ lệ hợp lý vào lĩnh vực hỗ trợ-hướng dẫn kỹ thuật, cung cấp thông tin, xúc tiến đầu tư-thương mại, áp dụng công nghệ sinh học và giống mới.

### **3. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM**

#### **3.1. Nguyên tắc xác định dự án ưu tiên đầu tư**

- Phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chiến lược phát triển quốc gia, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quốc gia trên địa bàn.

- Phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển của huyện.

- Có tính cấp thiết, tháo gỡ, khắc phục những hạn chế, điểm nghẽn cản trở quá trình phát triển của huyện.

- Mang lại lợi ích kinh tế - xã hội tích cực, có tính lan tỏa sâu rộng giữa các vùng, miền.

- Phù hợp với cân đối tổng thể về nguồn lực.

- Đảm bảo về môi trường, an toàn xã hội và an ninh quốc phòng.

- Phù hợp, đồng bộ được với các dự án đã quy hoạch ở cấp cao hơn

Cụ thể:

1) Các dự án hạ tầng khung giao thông trục chính của huyện có tính chất đối ngoại, kết nối huyện với các khu du lịch, khu trọng điểm kinh tế của các địa phương lân cận, kết nối xuyên suốt nội bộ.

2) Các dự án có ý nghĩa cho việc mở rộng huyện. Các dự án chỉnh trang đô thị tập trung vào các hệ thống mương dẫn nước thải, xử lý thoát nước mặt, hệ thống an toàn giao thông

3) Quy hoạch, đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu dân cư, khu nhà ở xã hội đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu của các nhóm lao động trong các khu, cụm công nghiệp, nhân dân trong và ngoài địa phương.

4) Hạ tầng các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được thực hiện đồng bộ, nhất là hệ thống xử lý nước thải, thu gom rác thải công nghiệp.

5) Các dự án du lịch văn hoá, làng nghề, sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao, giải trí gắn với các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái, các vị trí ưu tiên trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

6) Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, cung cấp đầy đủ và ngày càng nâng cao trình độ nguồn nhân lực trong các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thương mại, nông nghiệp công nghệ cao.

7) Xây dựng huyện Mường Chà là huyện xanh, có cảnh quan, môi trường sống đẹp, văn minh, hiện đại, gìn giữ và phát huy các truyền thống lịch sử, văn hóa.

### ***3.2. Luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng của huyện, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện dự án***

- Nhóm tiêu chí ưu tiên về kinh tế: Phù hợp với các trụ cột ưu tiên phát triển trong quy hoạch; cụ thể hóa các mục tiêu về quy mô kinh tế, tính khả thi về nguồn lực, thời gian thực hiện.

- Nhóm tiêu chí ưu tiên về xã hội: Phù hợp với các ưu tiên phát triển về xã hội trong quy hoạch; cụ thể hóa các mục tiêu về xã hội như lao động, việc làm, thu nhập, văn hóa, an toàn và công bằng xã hội.

- Nhóm tiêu chí về môi trường: Phù hợp với các ưu tiên về bảo đảm môi trường trong quy hoạch như tiêu chuẩn xả thải, mức độ xử lý ô nhiễm môi trường, các quy chuẩn trong quản lý môi trường...

- Nhóm tiêu chí về an ninh quốc phòng: Phù hợp với ưu tiên bảo đảm về an ninh quốc phòng.

